

CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH
POBI 2021
ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ CÔNG KHAI THÔNG TIN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

**NGUYỄN ĐỨC THÀNH, VŨ SỸ CƯỜNG, PHẠM VĂN LONG,
NGÔ MINH HƯƠNG, NGUYỄN QUANG THƯƠNG**

**CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH
POBI 2021**

ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ CÔNG KHAI THÔNG TIN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

Báo cáo này là sản phẩm của dự án “Thúc đẩy công khai, minh bạch và sự tham gia của người dân vào quản lý ngân sách nhà nước”, một hoạt động của Liên minh Minh bạch Ngân sách, do Tổ chức Oxfam tại Việt Nam tài trợ. Báo cáo này được viết dựa trên quan điểm của tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Tổ chức Oxfam.



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

LIÊN MINH MINH BẠCH NGÂN SÁCH (BTAP) được thành lập năm 2014 với sự hỗ trợ từ Tổ chức Oxfam tại Việt Nam. Mục tiêu của BTAP là tìm kiếm, thử nghiệm và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp hiệu quả hướng tới công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong quy trình ngân sách nhà nước tại Việt Nam, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực vì sự phát triển của đất nước. Website của Liên minh Minh bạch Ngân sách: www.ngansachvietnam.net

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP (CDI) là một tổ chức khoa học và công nghệ, hoạt động phi lợi nhuận được thành lập năm 2005. CDI đóng góp cho tiến trình công khai minh bạch ở Việt Nam thông qua đó người dân và xã hội có thể tham gia vào xây dựng và giám sát chính sách và ngân sách. CDI là đối tác của Tổ chức Đối tác Ngân sách Quốc tế (IBP) thực hiện khảo sát Chỉ số công khai ngân sách quốc gia (OBI), hợp tác cùng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) thực hiện khảo sát Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) và Chỉ số công khai ngân sách Bộ, cơ quan Trung ương (MOBI) tại Việt Nam. CDI hiện đang là tổ chức điều phối Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP).

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM (VESS) được thành lập vào tháng 9 năm 2020. VESS có tư cách pháp nhân, được đăng ký dưới hình thức một doanh nghiệp xã hội hoạt động phi lợi nhuận theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Tầng 7, Tòa nhà Kim Khí Thăng Long, Số 1 Lương Yên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Là một trung tâm nghiên cứu độc lập không-vì-lợi-nhuận, mục tiêu của VESS là thực hiện các phân tích kinh tế và chiến lược nhằm giúp các cơ quan hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế và các nhóm lợi ích nâng cao chất lượng quyết định, dựa trên sự thấu hiểu bản chất của những vận động kinh tế và quan hệ quốc tế.

LỜI CẢM ƠN

Chỉ số Công khai ngân sách tỉnh năm 2021 (POBI 2021) do Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) chủ trì đã hoàn thành với sự thực hiện của Trung tâm Phát triển và Hội Nhập (CDI) và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến ông Nguyễn Minh Tân, Phó Vụ trưởng Vụ tài chính ngân sách, Ủy ban Tài chính ngân sách, Văn phòng Quốc hội, Bà Đinh Thị Mai Anh, Phó trưởng phòng Phân tích, dự báo và thống kê ngân sách, Vụ Ngân sách Nhà nước, Bộ Tài chính vì những đóng góp quý báu cho nhóm nghiên cứu về phương pháp, công cụ và báo cáo khảo sát.

Chúng tôi chân thành ghi nhận và trân trọng cảm ơn Ủy ban nhân dân và Sở Tài chính của các tỉnh, thành phố trên cả nước đã tham gia đóng góp ý kiến và phản hồi về khảo sát. Chúng tôi trân trọng ghi nhận sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội đã giúp cho nhóm nghiên cứu hoàn thiện báo cáo này.

Thành viên nhóm nghiên cứu bao gồm PGS.TS. Nguyễn Đức Thành (trưởng nhóm), PGS.TS. Vũ Sỹ Cường (nhà nghiên cứu chính), cùng các thành viên: ThS. Phạm Văn Long, ThS. Lê Hà Phương, Phan Nhật Quang, Hoàng Long, Vũ Thị Phương Thanh thuộc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS), TS. Ngô Minh Hương, ThS. Nguyễn Quang Thương, Lê Út Tình, Triệu Thị Khánh Linh, Mai Thị Kim Oanh, Vũ Văn Thuyên, Nguyễn Minh Trường thuộc Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI). Các thành viên hỗ trợ gồm: Lê Thị Minh Hiền và Đỗ Thị Lê. Sự tận tâm, nhiệt tình và kiên nhẫn của các thành viên góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện cuốn sách này.

Chúng tôi xin được gửi lời tri ân đến Tổ chức Oxfam tại Việt Nam đã đồng hành và hỗ trợ BTAP và các thành viên trong quá trình thực hiện khảo sát *POBI 2021* và công bố những kết quả đạt được.

Những nỗ lực của các chuyên gia và cộng sự, cùng với sự hợp tác nhiệt thành của các bộ ngành, các tỉnh thành phố đã giúp chúng tôi hoàn thiện việc thực hiện khảo sát, phản hồi và báo cáo trong thời gian cho phép. Tuy nhiên, cuốn sách hẳn không tránh khỏi được những hạn chế và thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp của độc giả để nhóm tác giả có cơ hội được học hỏi và hoàn thiện hơn trong những công trình tiếp theo.

Hà Nội, ngày 28/9/2022

PGS. TS. Nguyễn Đức Thành

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu
Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)

MỤC LỤC

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN.....	5
LỜI CẢM ƠN	7
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	16
GIỚI THIỆU CHUNG	17

Phần 1

TÓM TẮT TỔNG QUAN

I. KẾT QUẢ XẾP HẠNG VỀ MINH BẠCH NGÂN SÁCH	20
II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	30
III. XẾP HẠNG VỀ GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH..	31
IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	32

Phần 2

KẾT QUẢ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2021

CHƯƠNG I. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH

1. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH 2021.....	39
2. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THEO VÙNG ĐỊA LÝ	43

CHƯƠNG II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN VÀO QUY TRÌNH NGÂN SÁCH

45

CHƯƠNG III. XẾP HẠNG VỀ GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

48

CHƯƠNG IV. TÌNH HÌNH CÔNG KHAI CÁC TÀI LIỆU NGÂN SÁCH

50

1. DỰ THẢO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022 TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH.....	51
---	----

2.	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUYẾT ĐỊNH	55
3.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH QUÝ 1/2021	59
4.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	62
5.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 9 THÁNG NĂM 2021	65
6.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH CẢ NĂM 2021	68
7.	BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÊ CHUẨN	71
8.	BÁO CÁO NGÂN SÁCH DÀNH CHO CÔNG DÂN NĂM 2022.	76
9.	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022	77
10.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CÔNG CỦA TỈNH NĂM 2021 HOẶC 2022	77
11.	BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2018, 2019 HOẶC 2020	78
12.	CÁC TÀI LIỆU KHÔNG CHẤM ĐIỂM POBI 2021	78

Phần 3

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH CỦA 63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRÊN CẢ NƯỚC

1.	TỈNH AN GIANG	80
2.	TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	87
3.	TỈNH BẮC KẠN	95
4.	TỈNH BẮC GIANG	102
5.	TỈNH BẠC LIÊU	109
6.	TỈNH BẮC NINH	115
7.	TỈNH BẾN TRE	122
8.	TỈNH BÌNH ĐỊNH	129
9.	TỈNH BÌNH DƯƠNG	137
10.	TỈNH BÌNH PHƯỚC	144

11. TỈNH BÌNH THUẬN.....	149
12. TỈNH CÀ MAU.....	156
13. THÀNH PHỐ CẦN THƠ	163
14. TỈNH CAO BẰNG.....	170
15. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	177
16. TỈNH ĐẮK LẮK.....	184
17. TỈNH ĐẮK NÔNG	191
18. TỈNH ĐIỆN BIÊN.....	197
19. TỈNH ĐỒNG NAI.....	205
20. TỈNH ĐỒNG THÁP.....	213
21. TỈNH GIA LAI.....	219
22. TỈNH HÀ GIANG.....	227
23. TỈNH HÀ NAM.....	234
24. THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	241
25. TỈNH HÀ TĨNH	249
26. TỈNH HẢI DƯƠNG	254
27. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....	262
28. TỈNH HẬU GIANG.....	270
29. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	276
30. TỈNH HÒA BÌNH	283
31. TỈNH HƯNG YÊN.....	290
32. TỈNH KHÁNH HÒA	297
33. TỈNH KIÊN GIANG.....	304
34. TỈNH KON TUM	310
35. TỈNH LAI CHÂU	317
36. TỈNH LÂM ĐỒNG	325
37. TỈNH LẠNG SƠN.....	331
38. TỈNH LÀO CAI	338
39. TỈNH LONG AN.....	344
40. TỈNH NAM ĐỊNH	350
41. TỈNH NGHỆ AN.....	357
42. TỈNH NINH BÌNH	365
43. TỈNH NINH THUẬN	372
44. TỈNH PHÚ THỌ.....	379

45. TỈNH PHÚ YÊN	385
46. TỈNH QUẢNG BÌNH.....	392
47. TỈNH QUẢNG NAM.....	399
48. TỈNH QUẢNG NGÃI.....	406
49. TỈNH QUẢNG NINH.....	413
50. TỈNH QUẢNG TRỊ.....	420
51. TỈNH SÓC TRĂNG.....	427
52. TỈNH SƠN LA.....	434
53. TỈNH TÂY NINH	442
54. TỈNH THÁI BÌNH.....	449
55. TỈNH THÁI NGUYÊN.....	457
56. TỈNH THANH HÓA.....	464
57. TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ	471
58. TỈNH TIỀN GIANG	478
59. TỈNH TRÀ VINH.....	484
60. TỈNH TUYÊN QUANG	491
61. TỈNH VĨNH LONG	499
62. TỈNH VĨNH PHÚC.....	507
63. TỈNH YÊN BÁI.....	515

Phần 4

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: KHUNG PHÁP LÝ VỀ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	523
PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT POBI 2021	527

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1:	Số lượng tỉnh công khai ngân sách phân theo mức độ công khai, 2017-2021	20
Bảng 2:	Số lượng và tỉ lệ các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách 2017-2021	21
Bảng 3:	Số tỉnh công khai kịp thời các tài liệu ngân sách 2017-2021	22
Bảng 4:	Số lượng/tỉ lệ các tỉnh công khai đầy đủ các biểu mẫu của các tài liệu ngân sách được công khai 2017-2021	23
Bảng 5:	So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi tổng chi thường xuyên trong Dự toán 2022 với Dự toán 2021 số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh)	28
Bảng 7:	Chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán ngân sách 2020 (số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh)	28
Bảng 8:	Mức độ liên tục của các tài liệu ngân sách	29
Bảng 9:	Xếp hạng công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 theo 7 vùng địa lý	43

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Định dạng của các tài liệu chấm điểm POBI được công bố, 2021 (số tỉnh)	26
Hình 2: Điểm trung bình khảo sát POBI qua các năm, 2017-2021.....	39
Hình 3: Kết quả xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021.....	41
Hình 4: Phân loại xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021	42
Hình 5: Kết quả chấm POBI trung bình theo 7 vùng địa lý, 2017-2021	44
Hình 6: Xếp hạng về sự tham gia của người dân, 2021	46
Hình 7: Xếp hạng về giám sát và trách nhiệm giải trình, 2021	49
Hình 8: Xếp hạng các tỉnh công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh	52
Hình 9: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, phân theo thời gian công khai.....	53
Hình 10: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....	54
Hình 11: Xếp hạng các tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định	56
Hình 12: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo thời gian công khai.....	57
Hình 13: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu	57
Hình 14: Xếp hạng các tỉnh có công bố tài liệu báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 theo điểm POBI 2021.....	60
Hình 15: Số tỉnh công bố Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 phân theo thời gian công khai.....	61
Hình 16: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu	62
Hình 17: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2021 theo điểm POBI 2021	63

Danh mục hình

Hình 18: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2021 phân theo thời gian công khai.....	64
Hình 19: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2021 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....	65
Hình 20: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2021 theo điểm POBI 2021	66
Hình 21: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2021 phân theo thời gian công khai.....	67
Hình 22: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2021 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....	68
Hình 23: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 theo điểm POBI 2021	69
Hình 24: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 phân theo thời gian công khai.....	70
Hình 25: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....	71
Hình 26: Xếp hạng các tỉnh có công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 theo điểm POBI 2021	72
Hình 27: Số tỉnh công bố tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo thời gian công khai.....	73
Hình 28: Số tỉnh công bố tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....	74

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASXH	An sinh xã hội
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
HĐND	Hội đồng Nhân dân
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NSNN	Ngân sách nhà nước
NSDP	Ngân sách địa phương
POBI	Chỉ số công khai ngân sách tỉnh
TTĐT	Thông tin điện tử
UBND	Ủy ban Nhân dân

GIỚI THIỆU CHUNG

Tiếp nối các thành công của Khảo sát Công khai Ngân sách tỉnh (POBIS – Provincial Open Budget Index Survey) năm 2017, 2018, 2019 và 2020, Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) tiếp tục thực hiện khảo sát POBI 2021. Chỉ số Công khai ngân sách POBI được áp dụng chu trình ngân sách 2021 của Việt Nam ở cấp tỉnh từ khâu (i) Lập Ngân sách, (ii) Phê duyệt Ngân sách, (iii) Thực hiện Ngân sách và (iv) Quyết toán ngân sách theo Luật Ngân sách hiện hành của Việt Nam và thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch ngân sách. Khảo sát POBI 2021 bao gồm ba trụ cột về minh bạch ngân sách, sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách và trách nhiệm giải trình.

- *Trụ cột thứ nhất, về minh bạch ngân sách (tính là chỉ số công khai ngân sách POBI 2021)*, xây dựng thông qua việc đánh giá tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ, tin cậy và liên tục của 11 loại tài liệu ngân sách. Trong số 11 tài liệu này, có 8 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015; 2 tài liệu phải công khai theo Luật đầu tư công và Luật Quản lý nợ công; và 1 tài liệu ngân sách cần công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế (xem Bảng 2). Chỉ số công khai ngân sách POBI 2021 là kết quả của 87 câu hỏi trong trụ cột này được quy về thang điểm 100.

- *Trụ cột thứ hai, về sự tham gia của người dân*, gồm có 6 câu hỏi tính điểm, được xây dựng thông qua khảo sát mức độ UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quy trình ngân sách tại tỉnh và trách nhiệm phản hồi của các cơ quan này đối với các câu hỏi của công dân liên quan tới ngân sách nhà nước.

- *Trụ cột thứ ba, về trách nhiệm giải trình*, đây là **trụ cột mới** bao gồm 8 câu hỏi tính điểm cho biết thực tế công khai về giám sát và

trách nhiệm giải trình của HĐND và UBND với hoạt động quản lý ngân sách nhà nước. Trách nhiệm giải trình được đánh giá thông qua việc công khai các tài liệu có liên quan tới quá trình thẩm định, thảo luận và phê duyệt ngân sách của HĐND tỉnh. Các tài liệu này cần được công khai theo như Luật Tiếp cận Thông tin.

Khảo sát POBI 2021 được áp dụng cho năm ngân sách 2021 với các tài liệu ngân sách được công khai trước thời điểm **31/01/2022**. Các tài liệu được thay đổi hoặc bổ sung sau ngày 31/01/2022 không được coi là có công khai trong khảo sát POBI 2021 (xem Phụ lục 1). Các câu hỏi khảo sát POBI 2021 được thiết kế dựa trên (i) các quy định của pháp luật Việt Nam gồm có: Luật Ngân sách Nhà nước 2015, Luật Đầu tư công, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Quản lý nợ công và (ii) thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch.

Thời điểm thực hiện khảo sát và thu thập bằng chứng về công khai tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của tỉnh là từ ngày 04 đến ngày 06 tháng 5 năm 2022. Khảo sát POBI chỉ đánh giá “có” hoặc “không” công khai các tài liệu/nội dung/biểu mẫu của tài liệu tại thời điểm khảo sát trên cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của các đơn vị. Khảo sát POBI không đánh giá lý do tại sao các tài liệu/nội dung/bảng biểu không được công khai hoặc công khai chậm.

Xếp hạng POBI 2021 về kết quả công khai minh bạch ngân sách của địa phương được thực hiện theo thang điểm với 4 mức. **Mức A:** Từ 75 – 100 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ĐẦY ĐỦ**. **Mức B:** Từ 50 – dưới 75 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **TƯƠNG ĐỐI**. **Mức C:** Từ 25 – dưới 50 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **CHƯA ĐẦY ĐỦ**. **Mức D:** Từ 0 – dưới 25 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ÍT** (xem phụ lục 2).

Phần 1
TÓM TẮT TỔNG QUAN

I. KẾT QUẢ XẾP HẠNG VỀ MINH BẠCH NGÂN SÁCH

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy điểm chỉ số trung bình về công khai ngân sách tỉnh đạt **69,53** điểm trên tổng số 100 điểm quy đổi xếp hạng. So với kết quả năm 2020, điểm trung bình chỉ số POBI 2021 chỉ tăng thêm **0,44** điểm. Năm 2021, có 31 tỉnh công khai ĐẦY ĐỦ tài liệu và thông tin về ngân sách nhà nước, tăng 4 tỉnh so với năm 2020. Số tỉnh công khai TƯƠNG ĐỐI đầy đủ là 24 tỉnh. Số tỉnh công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ và công khai ÍT lần lượt là 6 và 2 tỉnh. Chi tiết kết quả xếp hạng công khai ngân sách của các tỉnh như bảng dưới đây:

Bảng 1: Số lượng tỉnh công khai ngân sách phân theo mức độ công khai, 2017-2021

Năm	ĐẦY ĐỦ	TƯƠNG ĐỐI	CHƯA ĐẦY ĐỦ	ÍT
	75 - 100 điểm	50 - dưới 75 điểm	25 - dưới 50 điểm	0 - dưới 25 điểm
2021	31/63 tỉnh	24/63 tỉnh	6/63 tỉnh	2/63 tỉnh
2020	27/63 tỉnh	29/63 tỉnh	5/63 tỉnh	2/63 tỉnh
2019	24/63 tỉnh	27/63 tỉnh	9/63 tỉnh	3/63 tỉnh
2018	6/63 tỉnh	27/63 tỉnh	21/63 tỉnh	9/63 tỉnh
2017	0/63 tỉnh	12/63 tỉnh	26/63 tỉnh	25/63 tỉnh

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2021

Trong xếp hạng công khai ngân sách POBI 2021, **Bà Rịa-Vũng Tàu** là tỉnh **đứng đầu** bảng xếp hạng, đạt 98,59 điểm. Khánh Hòa xếp thứ hai với 92,69 điểm và Lai Châu xếp thứ ba với 91,99 điểm. Trong khi Bà Rịa-Vũng Tàu và Lai Châu vẫn thuộc nhóm các tỉnh công khai ĐẦY ĐỦ và có thứ hạng cao năm 2020 thì Khánh Hòa có sự tiến bộ vượt bậc khi từ nhóm công khai TƯƠNG ĐỐI năm 2020 đã sang nhóm công khai ĐẦY ĐỦ và xếp thứ hai trên bảng xếp hạng 63 tỉnh/thành phố. Tương tự như kết quả POBI 2020, năm 2021, Bình Phước vẫn là tỉnh xếp cuối bảng xếp hạng với 5,15 điểm. Hà Tĩnh là tỉnh còn lại thuộc nhóm công khai ÍT thông tin năm 2021, chỉ với 9,14 điểm.

Quảng Bình, Khánh Hòa, Quảng Ninh là ba tỉnh có sự tiến bộ vượt bậc trong kết quả xếp hạng POBI 2021 so với năm 2020. Cụ thể, Quảng Bình đã tăng 45 bậc, Khánh Hòa tăng 42 bậc và Quảng Ninh tăng 39 bậc trên bảng xếp hạng POBI 2021. Trong khi đó, Ninh Bình, Tây Ninh

Phần 1: Tóm tắt tổng quan

và Lâm Đồng lại là ba tỉnh có sự sụt giảm về thứ bậc trên bảng xếp hạng tương đối mạnh. Trong đó, Ninh Bình giảm 38 bậc, Tây Ninh giảm 35 bậc và Lâm Đồng giảm 23 bậc so với năm 2020.

Kết quả khảo sát POBI 2021 theo sáu tiêu chí về tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính thuận tiện, tính tin cậy và tính liên tục được tóm tắt như dưới đây:

Tính sẵn có của các tài liệu ngân sách

Kết quả POBI 2021 cho thấy không có sự cải thiện đáng kể trong việc công khai các tài liệu ngân sách so với năm 2020. Thậm chí mức độ sẵn có còn có xu hướng giảm. Trong số 11 tài liệu ngân sách được khảo sát trong POBI 2021, có tới 6 tài liệu giảm về số lượng tỉnh có công khai. Danh mục dự án đầu tư công năm 2022 của tỉnh và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước một trong ba năm gần nhất trước đó (2019, 2020 hoặc 2021) là hai tài liệu có sự cải thiện về số lượng tỉnh có công khai, lần lượt tăng 9 và 5 tỉnh so với năm 2020.

Bảng 2: Số lượng và tỉ lệ các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách 2017-2021

Tài liệu	POBI 2017	POBI 2018	POBI 2019	POBI 2020	POBI 2021
Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh	27 (42,86%)	47 (74,6%)	54 (85,71%)	54 (85,71%)	53 (84,13%)
Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định	51 (80,95%)	59 (93,65%)	58 (92,06%)	60 (95,24%)	57 (90,48%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1	Không áp dụng	46 (73,02%)	58 (92,06%)	61 (96,83%)	57 (90,48%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	Không áp dụng	53 (84,13%)	58 (92,06%)	60 (95,24%)	57 (90,48%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng	28 (44,44%)	46 (73,02%)	55 (87,3%)	58 (92,06%)	55 (87,3%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm	25 (39,68%)	35 (55,56%)	53 (84,13%)	49 (77,78%)	49 (77,78%)
Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh	49 (77,78%)	54 (85,71%)	57 (90,48%)	59 (93,65%)	59 (93,65%)

Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân	Không áp dụng	1 (1,59%)	14 (22,22 %)	22 (34,92%)	20 (31,75%)
Danh mục dự án đầu tư công của tỉnh	Không áp dụng	46 (73,02%)	50 (79,37 %)	51 (80,85%)	60 (95,24%)
Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh	Không áp dụng	Không áp dụng	31 (49,21 %)	30 (47,62%)	30 (47,62%)
Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước một trong ba năm gần nhất trước đó	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	20 (31,75%)	25 (39,68%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2021

Tính kịp thời của các tài liệu ngân sách

Khảo sát POBI 2021 xác định tính kịp thời của 8 tài liệu ngân sách dựa trên thời gian đăng tải các tài liệu này trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh theo quy định của Thông tư 343/2016/TT-BTC. Kết quả POBI 2021 cho thấy có sự cải thiện về tính kịp thời trong việc công khai các tài liệu so với POBI 2020. Tuy nhiên, trong số 8 tài liệu chấm điểm tính kịp thời, vẫn có ba tài liệu giảm về số lượng tình công bố đúng hạn gồm dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng và 9 tháng năm 2021. Trong đó, tài liệu dự thảo trình giảm tới 8 tình công bố đúng hạn so với POBI 2020. Chi tiết về tính kịp thời của các tài liệu ngân sách được công khai xin xem Bảng 3.

Bảng 3: Số tình công khai kịp thời các tài liệu ngân sách 2017-2021

Tài liệu	POBI 2017	POBI 2018	POBI 2019	POBI 2020	POBI 2021
Dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh	9 (14,29%)	29 (46,03%)	36 (57,14 %)	47 (74,60%)	39 (61,9%)
Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định	35 (55,56%)	39 (61,9%)	35 (55,56 %)	49 (77,78%)	54 (85,7%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tình quý 1	Không áp dụng	19 (30,16%)	27 (42,86 %)	48 (76,19%)	48 (76,19%)

Phần 1: Tóm tắt tổng quan

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	Không áp dụng	27 (42,86%)	34 (53,97 %)	51 (80,95%)	47 (76,6%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng	11 (17,46%)	23 (36,51%)	32 (50,79 %)	47 (74,60%)	46 (73%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm	21 (33,33%)	15 (23,81%)	28 (44,44 %)	32 (50,79%)	35 (55,55%)
Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh	30 (47,62%)	31 (49,21%)	40 (63,49 %)	50 (79,37%)	55 (87,3%)
Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân	Không áp dụng	Không áp dụng	10 (15,87 %)	16 (25,39%)	18 (28,57%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2021

Tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách

Khảo sát POBI 2021 xác định tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách được công khai dựa trên hướng dẫn của Thông tư 343/2016/TT-BTC. Để được coi là đầy đủ, các tài liệu ngân sách phải đảm bảo (i) đầy đủ các biểu mẫu và (ii) đầy đủ nội dung của một số bảng biểu như quy định của Thông tư 343 và nguyên tắc thống nhất trong tính toán và nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm đã được quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Luật Thống kê 2015.

Bảng 4: Số lượng/tỉ lệ các tỉnh công khai đầy đủ các biểu mẫu của các tài liệu ngân sách được công khai 2017-2021

Tài liệu	POBI 2017	POBI 2018	POBI 2019	POBI 2020	POBI 2021
Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh công khai đầy đủ 13 biểu mẫu	2 (3,2%)	10 (15,9%)	18 (28,57 %)	26 (41,27%)	31 (49,2%)
Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định công khai đầy đủ 13 biểu mẫu	10 (15,9%)	16 (25,4%)	27 (42,86 %)	28 (44,44%)	38 (60,32%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 có công khai đủ 3 biểu mẫu	Không áp dụng	37 (58,7%)	53 (84,13 %)	58 (92,06%)	56 (88,89%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu	Không áp dụng	41 (65,1%)	52 (82,54 %)	57 (90,48%)	55 (87,3%)

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu	22 (34,9%)	41 (65,1%)	53 (84,13 %)	56 (88,89%)	52 (82,54%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu	11 (17,5%)	25 (39,7%)	42 (66,67 %)	42 (66,67%)	45 (71,43%)
Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh có công bố đầy đủ 7 biểu mẫu	Không áp dụng	38 (60,3%)	46 (73,02 %)	50 (79,37%)	56 (88,89%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2021

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách tiếp tục được cải thiện so với năm 2020. Các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách hàng quý và báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh vẫn là những tài liệu được công khai đầy đủ các biểu mẫu nhất theo quy định. Mặc dù có sự cải thiện so với năm 2020, nhưng tài liệu dự thảo dự toán và dự toán đã được quyết định vẫn có số lượng các tỉnh công bố đầy đủ tương đối thấp, lần lượt là 31 và 38 tỉnh. Tài liệu dự thảo dự toán là tài liệu rất quan trọng vì nó được đưa ra để lấy ý kiến góp ý không chỉ của các chuyên gia mà của cả người dân trong việc xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của địa phương. Do đó, các tỉnh cần ý thức được tầm quan trọng của tài liệu này và cần phải được công khai đầy đủ nội dung và các biểu mẫu theo quy định của Luật ngân sách 2015 và Thông tư 343/2016/TT- BTC.

Đối với tài liệu dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, biểu số 33 có 47 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 3 tỉnh so với POBI 2020). Biểu số 35 chỉ có 18 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế (giảm 5 tỉnh so với POBI 2020). Biểu số 39 có 32 tỉnh có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định (tăng 3 tỉnh so với POBI 2020).

Đối với tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, biểu số 46 – Biểu cân đối ngân sách địa phương có

Phần 1: Tóm tắt tổng quan

53 trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 6 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Biểu số 48 – Dự toán thu NSNN chỉ có 18 tỉnh phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa bao gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (giảm 13 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan tổ chức theo lĩnh vực có 43 tỉnh phản ánh dự toán cụ thể cho 12 lĩnh vực chi đầu tư (tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Đây là kết quả đáng khích lệ vì lập dự toán chi đầu tư đúng hạn luôn là vấn đề hạn chế từ nhiều năm nay không chỉ với ngân sách địa phương.

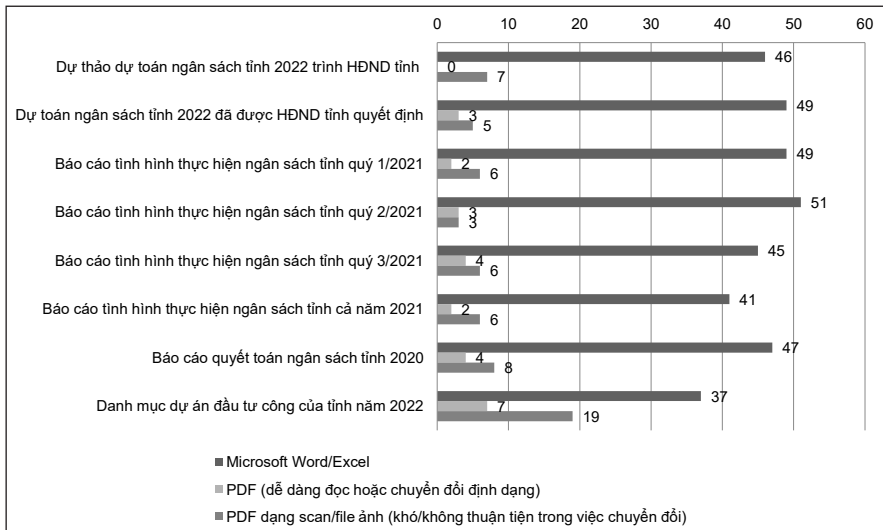
Đối với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy 77,77% số tỉnh (tương đương 49 tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của biểu số 59, tăng 6 tỉnh so với POBI 2020. Đối với báo cáo 6 tháng, có 49 tỉnh (tương đương 77,77% số tỉnh, tăng 5 tỉnh so với năm 2020); báo cáo 9 tháng có 48 tỉnh (tương đương 76,2% số tỉnh, tăng 3 tỉnh so với năm 2020); và báo cáo cả năm 2021 có 41 tỉnh (tương đương 65,08% số tỉnh, tăng 6 tỉnh so với năm 2020) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ của biểu 59 theo quy định.

Đối với tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, biểu số 62 – Biểu Cân đối ngân sách địa phương năm 2020 có 52 tỉnh (tương đương 82,54%) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Biểu số 63 – Biểu Quyết toán thu NSNN năm 2020 có 36 tỉnh (tương đương 57,14%) phản ánh cụ thể các nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tương đương so với khảo sát POBI năm 2020. Biểu số 65 – Biểu Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2020 có 53 tỉnh (tương đương 84,13%, tăng 3 tỉnh so với năm 2020) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ.

Tính thuận tiện của các tài liệu ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy 100% công TTĐT của Sở Tài chính các tỉnh đều có thư mục riêng về công khai ngân sách. Kết quả này tương tự với kết quả khảo sát POBI 2020. Đối với các tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách, có 59 tỉnh phân chia cụ thể thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung cập nhật, tăng 1 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Hai tỉnh có phân chia nội dung trong thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm nhưng chưa cập nhật nội dung, đó là Ninh Bình và Tiền Giang. Hai tỉnh không phân chia cụ thể thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm nhưng vẫn có tài liệu, là Bình Phước và Cần Thơ. Tính thuận tiện của các tài liệu được công khai trong khảo sát POBI 2021 tiếp tục có sự cải thiện so với năm 2020. Hầu hết các tài liệu đều được công bố dưới dạng file word hoặc excel dễ dàng trong việc sử dụng. Riêng chỉ có danh mục dự án đầu tư công của tỉnh năm 2022 vẫn có tới 19 tỉnh công khai dưới dạng file ảnh hoặc PDF dạng scan gây khó khăn trong việc sử dụng các tài liệu này.

Hình 1: Định dạng của các tài liệu chấm điểm POBI được công bố, 2021 (số tỉnh)



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Tính tin cậy của các tài liệu ngân sách

Đây là năm thứ ba khảo sát POBI tiến hành chấm điểm về tính tin cậy của các tài liệu ngân sách. Tính tin cậy của khảo sát POBI 2021 dựa trên so sánh chênh lệch giữa quyết toán và dự toán ngân sách năm 2020 và so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên trong dự toán năm 2022 với dự toán năm 2021 của ngân sách cấp tỉnh cho lĩnh vực GDĐT và lĩnh vực y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên trong dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2022 với năm 2021.

Việc đánh giá tính tin cậy trước hết là nhằm đo lường việc lập dự toán NSNN có chính xác hay không (thể hiện ở mức độ chênh lệch giữa quyết toán NSNN và dự toán NSNN đã được HĐND tỉnh phê duyệt). Chi thường xuyên NSNN cho giáo dục và y tế là những khoản chi quan trọng trong ngân sách địa phương, đồng thời đảm bảo thực hiện chủ trương của Việt nam về công bằng xã hội. Việc thay đổi các khoản chi này phần nào cho biết liệu các địa phương có thực sự quan tâm đến y tế và giáo dục hay không.

Các câu hỏi về tính tin cậy của khảo sát POBI 2021 không nhằm đánh giá quá trình điều hành ngân sách tại địa phương mà chủ yếu đánh giá mức độ phù hợp của việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách với thực tiễn kinh tế xã hội những năm gần đây. Kết quả khảo sát POBI 2021 sẽ cung cấp bức tranh về việc thay đổi chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong hai lĩnh vực này so với thay đổi của tổng chi thường xuyên trong năm 2022 và 2021, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam chịu tác động rất lớn từ đại dịch Covid 19. Cụ thể như sau:

Tài liệu dự toán đã được HĐND tỉnh quyết định

Đối với tài liệu dự toán năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, có 35 tỉnh (53,96%), tăng 7 tỉnh, có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT và 23 tỉnh (36,5%), giảm 2 tỉnh, có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh so với dự toán được duyệt năm 2021.

Bảng 5: So sánh % thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi tổng chi thường xuyên trong Dự toán 2022 với Dự toán 2021 (số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh)

	Giáo dục đào tạo	Y tế và Dân số
Mức tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn)	34 (53,96%)	23 (36,5%)
Không thay đổi	0 (0,00%)	0 (0,00%)
Mức tăng thấp hơn (hoặc giảm mạnh hơn)	19 (30,16%)	29 (46%)
Không có số liệu chi tiết	4 (6,3%)	5 (7,9%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Chênh lệch giữa dự toán và quyết toán 2020

Nhóm nghiên cứu so sánh mức độ chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán năm 2020 đối với các khoản mục (i) Quyết toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp của tỉnh (ii) Quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương (iii) Quyết toán chi đầu tư phát triển; và (iv) Quyết toán chi thường xuyên. Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy việc lập dự toán ngân sách của các tỉnh năm 2020 chưa đảm bảo tin cậy cho quá trình thực hiện thực tế. Đặc biệt là đối với dự toán thu ngân sách, chỉ có 1 tỉnh có mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán dưới 5% trong khi có tới 53 tỉnh có mức chênh lệch trên 15% (tăng 18 tỉnh so với POBI 2020). Trong khi đó, việc lập dự toán chi thường xuyên có mức tin cậy cao nhất khi có 34 tỉnh (53,97%) có chênh lệch giữa quyết toán và dự toán dưới 5%. Chi tiết xem tại bảng 7:

Bảng 7: Chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán ngân sách 2020 (số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh)

Nội dung	Chênh lệch			
	Dưới 5%	Từ 5-10%	Từ 10-15%	Hơn 15%
Dự toán tổng thu ngân sách	1 (1,59%)	2 (3,17%)	3 (4,76%)	53 (84,13%)
Dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	11 (17,46%)	14 (22,22%)	10 (15,87%)	24 (38,1%)
Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	23 (36,5%)	12 (19,04%)	7 (11,11%)	17 (26,98%)
Dự toán chi đầu tư phát triển	10 (15,87%)	5 (7,94%)	4 (6,35%)	40 (63,49%)
Dự toán chi thường xuyên	34 (53,97%)	14 (22,22%)	5 (7,94%)	6 (9,52%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Tính liên tục của các tài liệu ngân sách

POBI 2021 là năm thứ hai nhóm nghiên cứu thực hiện việc chấm điểm tính liên tục của các tài liệu được công khai bao gồm dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh, dự toán đã được duyệt và quyết toán ngân sách. Tỉnh sẽ được điểm tối đa nếu công khai liên tục các tài liệu dự thảo trình, dự toán được duyệt trong ba năm 2020, 2021 và 2022, đối với tài liệu quyết toán là các năm 2018, 2019 và 2020. Kết quả khảo sát cho thấy có 48 tỉnh (76,19%) công bố tài liệu dự thảo trình liên tục trong ba năm, 53 tỉnh (82,13%) công bố tài liệu dự toán đã được duyệt liên tục trong ba năm và 55 tỉnh (87,3%) công bố báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh liên tục trong ba năm. Sóc Trăng, Đồng Tháp và Hà Tĩnh là ba tỉnh không công bố tài liệu dự thảo trình trong ba năm liên tiếp.

Bảng 8: Mức độ liên tục của các tài liệu ngân sách

Nội dung	Mức độ liên tục			
	Công khai liên tục trong 03 năm	Công khai trong 02 năm	Công khai trong 01 năm	Không công khai trong 03 năm gần nhất
Dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh	48 (76,19%)	6 (9,52%)	6 (9,52%)	3 (4,76%)
Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định	53 (82,13%)	8 (12,7%)	1 (1,58%)	1 (1,58%)
Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh	55 (87,3%)	5 (7,93%)	2 (3,17%)	1 (1,58%)

Ghi chú: Đối với tài liệu Dự thảo và Dự toán, tính liên tục được xét trong 03 năm 2020, 2021 và 2022, riêng tài liệu Quyết toán, tính liên tục được xét trong 03 năm 2018, 2019 và 2020.

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Các tài liệu ngân sách không tính điểm

Có 05 tài liệu ngân sách không tính điểm trong POBI 2021 nhưng khuyến khích các tỉnh công khai gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà

nước năm 2018, 2019 hoặc 2020, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024, và (v) Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tổng điểm cho các tài liệu khuyến khích công khai trong POBI 2021 là 500 điểm. Bà Rịa-Vũng Tàu là tỉnh duy nhất đạt điểm tối đa đối với nhóm tài liệu khuyến khích công khai. Có 12 tỉnh không công khai bất kỳ một tài liệu khuyến khích nào gồm: Bến Tre, Long An, Sóc Trăng, Đắk Nông, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bắc Ninh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế và Tuyên Quang.

Trong số các tài liệu không tính điểm, tài liệu được các tỉnh công khai nhiều nhất đó là Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 với 33 tỉnh có công bố. Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 có 29 tỉnh công bố, tài liệu Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 có 26 tỉnh công bố, 20 tỉnh có công bố Báo cáo tài chính của tỉnh và chỉ có bốn tỉnh có công bố kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước trong ít nhất một năm 2018, 2019 hoặc 2020.

II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Kết quả khảo sát POBI 2021 về mức độ tham gia của người dân cho thấy nhìn chung các tỉnh vẫn ÍT tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 41,8 điểm, tăng 2,55 điểm so với năm 2020 và 3,78 điểm so với năm 2019. Như vậy có thể thấy sự cải thiện về điểm số của trụ cột sự tham gia trong thời gian qua là rất hạn chế. Đà Nẵng vẫn là địa phương đạt điểm số cao nhất với số điểm tuyệt đối, cải thiện rất tốt so với năm 2020. Đắk Nông là tỉnh có số điểm về sự tham gia của người dân thấp nhất cả nước (8,3 điểm).

Theo Điểm m khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận Thông tin và Điểm a khoản 1 điều 27 Luật Công nghệ Thông tin 2017 thì địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính được sử dụng để trao đổi, cung cấp thông tin với cá nhân và tổ chức. Có 11 trong số 63 tỉnh/thành phố phản hồi các câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên

Phần 1: Tóm tắt tổng quan

cứu gửi qua email liên hệ được công khai trên cổng tin điện tử của Sở Tài chính (giảm 3 tỉnh so với năm 2020). Trong đó, có 7 phản hồi được nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi và 4 phản hồi được nhận trong vòng 16 đến 30 ngày kể từ ngày gửi.

Trong số 63 tỉnh, thành phố, có 49 Sở Tài chính tỉnh không phản hồi và chỉ có hai tỉnh không gửi được email theo địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT là Đắk Nông và Lào Cai, một tỉnh không có địa chỉ email là Quảng Trị.

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy 17 tỉnh/thành phố có cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND hay HĐND có các liên kết với các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo của tỉnh, tăng một tỉnh so với khảo sát POBI 2020.

Khảo sát POBI 2021 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND trên cổng TTĐT của tỉnh. Kết quả cho thấy, trên cổng thông tin điện tử của 27 HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 (tăng 3 tỉnh so với năm 2020) và HĐND của 37 tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 (tăng 8 tỉnh so với năm 2020). Ngoài ra, theo kết quả phản hồi từ email của các Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh thì chỉ có 7 tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

III. XÉP HẠNG VỀ GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Khảo sát POBI 2021 tiến hành tách riêng và bổ sung một số câu hỏi liên quan đến việc giám sát và trách nhiệm giải trình của các tỉnh liên quan đến các thông tin về ngân sách. Điểm bình quân của trụ cột này là 48,2 điểm. Bà Rịa-Vũng Tàu vẫn là tỉnh dẫn đầu. Ngoài ra, kết quả cho thấy có 41 tỉnh (65,08%) có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề. Có 14 HĐND các tỉnh (22,2%) có công khai báo cáo giám sát về ngân sách. Có 21 tỉnh (33,3%) có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022

trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh. Có 38 tỉnh (60,3%) công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh.

Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, có 41 tỉnh có thư mục hỏi đáp trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và có thể sử dụng được, 7 tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không sử dụng được và 15 tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có 49 tỉnh có thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được, 8 tỉnh có nhưng không sử dụng được và 6 tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân. Cụ thể, có bốn tỉnh sử dụng từ ba kênh truyền thông trở lên, năm tỉnh sử dụng từ một đến hai kênh truyền thông và số còn lại không sử dụng thêm các kênh truyền thông khác.

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy gần như không có sự cải thiện đáng kể về điểm bình quân so với POBI 2020. Điểm bình quân POBI 2021 là **69,53** điểm (chỉ tăng **0,44** điểm so với năm 2020). Mặc dù vậy, điểm thay đổi tích cực của POBI 2021 đó là tỉ lệ các tỉnh công bố ĐẦY ĐỦ thông tin đã tăng lên so với các năm trước đây, nhưng vẫn chỉ đạt xấp xỉ 50% số tỉnh. Dựa trên kết quả xếp hạng POBI 2021, nhóm nghiên cứu đưa ra một số kết luận và khuyến nghị chính sách cụ thể như sau:

Về tính sẵn có

Kết quả POBI 2021 không có sự cải thiện đáng kể trong việc công khai các tài liệu ngân sách so với năm 2020. Thậm chí mức độ sẵn có của một số tài liệu còn có xu hướng giảm. Do đó, các tỉnh cần khắc phục và công khai ngay các tài liệu bắt buộc phải công bố theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016.

Về tính kịp thời

Mặc dù đã có sự cải thiện về tính kịp thời trong việc công khai các tài liệu so với khảo sát năm 2020 nhưng vẫn có một số tài liệu giảm về số lượng tình công bố đúng hạn. Đặc biệt là dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh, giảm tới 8 tỉnh so với năm 2020 trong khi đây lại là tài liệu rất quan trọng, chiếm trọng số tương đối cao trong kết quả tính điểm và xếp hạng POBI của tỉnh. Do đó nhóm nghiên cứu đề nghị các tỉnh đã làm tốt cần làm tốt hơn nữa, các tỉnh chưa làm tốt cần thực hiện đúng và đầy đủ việc công khai kịp thời các thông tin ngân sách. Tránh tình trạng đi thụt lùi đối với một số tài liệu như kết quả khảo sát trong POBI 2021.

Về tính đầy đủ

POBI 2021 đã là năm thứ năm liên tiếp thực hiện việc chấm điểm công khai theo hướng dẫn của Thông tư 343, kết quả chỉ còn hai tỉnh công khai không theo mẫu đó là Thừa Thiên Huế và Phú Thọ. Mặc dù có sự cải thiện so với năm 2020, nhưng tài liệu dự thảo dự toán và dự toán đã được quyết định vẫn có số lượng các tỉnh công bố đầy đủ tương đối thấp, lần lượt là 31 và 38 tỉnh. Tài liệu dự thảo dự toán là tài liệu rất quan trọng vì nó được đưa ra để lấy ý kiến góp ý không chỉ của các chuyên gia mà của cả người dân trong việc xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của địa phương. Do đó, các tỉnh cần ý thức được tầm quan trọng của tài liệu này và cần phải được công khai đầy đủ nội dung và các biểu mẫu theo quy định của Luật ngân sách 2015 và Thông tư 343/2016/TT- BTC.

Một tồn tại khác là vấn đề công khai dự toán, chấp hành và quyết toán các khoản chi đầu tư theo từng lĩnh vực như chi thường xuyên hầu như chưa được cải thiện. Điều này phản ánh thực tế công tác quản lý chi đầu tư còn nhiều hạn chế và giải thích phần nào việc giải ngân chi đầu tư không đúng kế hoạch của nhiều địa phương.

Về tính thuận tiện

Tính thuận tiện của các tài liệu được công khai trong khảo sát POBI 2021 tiếp tục có sự cải thiện so với năm 2020. Hầu hết các tài liệu

đều được công bố dưới dạng file word hoặc excel dễ dàng trong việc sử dụng. Riêng chỉ có danh mục dự án đầu tư công của tỉnh năm 2022 vẫn có tới 19 tỉnh công khai dưới dạng file ảnh hoặc PDF dạng scan gây khó khăn trong việc chuyển đổi. Vấn đề này cần được khắc phục kịp thời và rút kinh nghiệm trong thời gian sắp tới.

Về tính tin cậy

Kết quả chấm POBI 2021 cho thấy đã có sự cải thiện trong việc phân bổ ngân sách cho lĩnh vực GDĐT (tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn so với chi thường xuyên). Tuy nhiên lĩnh vực y tế và dân số lại có sự thụt lùi so với năm 2020 (tăng ít hơn hoặc giảm mạnh hơn so với chi thường xuyên). Thời điểm lập dự toán cho ngân sách năm 2022 vẫn là lúc mà dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, việc dành nguồn lực chi tiêu cho y tế là vô cùng quan trọng. Kết quả này cho thấy các địa phương vẫn có tâm lý chủ quan, chưa có sự chuẩn bị kỹ càng về mặt nguồn lực để có thể ứng phó với dịch bệnh.

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy việc lập dự toán ngân sách của các tỉnh năm 2020 chưa đảm bảo tin cậy cho quá trình thực hiện thực tế. Đặc biệt là đối với dự toán thu ngân sách, chỉ có 1 tỉnh có mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán dưới 5% trong khi có tới 53 tỉnh có mức chênh lệch trên 15% (tăng 18 tỉnh so với POBI 2020). Trong khi đó, việc lập dự toán chi thường xuyên có mức tin cậy cao nhất khi có 34 tỉnh (53,97%) có chênh lệch giữa quyết toán và dự toán dưới 5%. Do đó, việc lên kế hoạch lập dự toán cần được tính toán và xem xét một cách kỹ lưỡng và cẩn trọng để đảm bảo mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán không nhiều hơn quá 5%.

Về tính liên tục

Đây là năm thứ hai nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát về tính liên tục của các tài liệu được công khai. Kết quả được đánh giá khá tích cực so với năm 2020. Việc duy trì công khai các tài liệu ngân sách của các năm trước đó là rất cần thiết, không những phục vụ cho việc tìm kiếm thông tin mà còn sử dụng cho việc kiểm chứng về tính tin cậy của các thông tin ngân sách. Do đó, sẽ là cần thiết để các tỉnh duy trì việc

công khai liên tục tài liệu ngân sách qua các năm, tối thiểu là trong vòng ba năm gần nhất.

Về sự tham gia

Sự tham gia của người dân đóng vai trò rất quan trọng trong tiến trình ngân sách. Nhìn chung các tỉnh vẫn **ÍT** tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 41,8 điểm, tăng 2,55 điểm so với năm 2020 và 3,78 điểm so với năm 2019. Như vậy có thể thấy sự cải thiện về điểm số của trụ cột sự tham gia trong thời gian qua là rất hạn chế. Do đó các tỉnh cần chủ động hơn trong việc tiếp nhận và phản hồi các câu hỏi, thắc mắc của người dân. Đặc biệt, các tỉnh cần có sự rà soát lại việc cung cấp địa chỉ email liên hệ, cập nhật thư mục hỏi đáp để người dân có thể dễ dàng tham gia đóng góp ý kiến.

Về giám sát và trách nhiệm giải trình

POBI 2021 là năm đầu tiên nhóm nghiên cứu tiến hành tách và chấm điểm trụ cột liên quan đến trách nhiệm giám sát và giải trình của HĐND các tỉnh. Kết quả cho thấy điểm số trung bình của trụ cột này là 48,2 điểm, ở mức trung bình. Do đó, cần cải thiện rất nhiều trong thời gian sắp tới về trách nhiệm giám sát và giải trình của HĐND các tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh cần tăng cường thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong vai trò của cơ quan dân cử. Ngoài việc công khai các kế hoạch giám sát thì kết quả giám sát cũng cần được công khai đầy đủ và cụ thể. Đặc biệt như đã phân tích ở trên, các tỉnh cần có sự rà soát lại việc cung cấp địa chỉ email liên hệ, cập nhật thư mục hỏi đáp để người dân có thể tăng được hiệu quả của sự giám sát của người dân và tăng trách nhiệm giải trình với người dân.

Một số khuyến nghị cụ thể cho các đơn vị liên quan như sau:

Khuyến nghị đối với Quốc hội

Luật NSNN năm 2015 chưa quy định chế tài xử lý khi các đơn vị sử dụng ngân sách không thực hiện công khai ngân sách như quy định tại Điều 15 của Luật. Do vậy, Quốc hội cần xem xét bổ sung chế tài

xử lý các vi phạm về thực hiện công khai ngân sách theo quy định của pháp luật.

Khuyến nghị đối với Chính phủ

Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính thúc đẩy các địa phương thực hiện công khai ngân sách theo quy định của pháp luật. Chính phủ cần áp dụng biện pháp đánh giá tình hình thi hành pháp luật về công khai ngân sách và báo cáo với Quốc hội, Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định pháp luật.

Khuyến nghị đối với Bộ Tài chính

Bộ Tài chính cần đốc thúc Sở Tài chính các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách kịp thời theo quy định. Đồng thời, Bộ Tài chính cần rà soát lại các biểu mẫu trong Thông tư 343/2016/TT-BTC, dựa trên đề xuất của các địa phương trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài việc yêu cầu các địa phương công khai các tài liệu ngân sách trên cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính thì Bộ Tài chính cũng cần nhắc Sở Tài chính các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của các đơn vị, đảm bảo việc tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật. Dựa trên kết quả công khai ngân sách của các tỉnh mà Bộ Tài chính có thể đề xuất cơ chế thưởng/phạt trong quá trình lập dự toán, phân bổ ngân sách cho các địa phương trong các năm tiếp theo.

Khuyến nghị đối với HĐND các tỉnh

HĐND các tỉnh cần tăng cường thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong vai trò của cơ quan dân cử. Ngoài việc công khai các kế hoạch giám sát thì kết quả giám sát cũng cần được công khai đầy đủ và cụ thể. HĐND các tỉnh cần tăng cường hơn nữa công tác giám sát việc tuân thủ công khai ngân sách của các cơ quan liên quan tại địa phương mình, cụ thể là Sở Tài chính và UBND các tỉnh. Cần đưa vấn đề về giám sát công khai ngân sách và đánh giá tình hình thực hiện công khai ngân sách ra thảo luận tại các phiên họp thường kỳ của HĐND các tỉnh.

Khuyến nghị đối với UBND các tỉnh

Bên cạnh việc thực hiện công khai các tài liệu ngân sách theo đúng trách nhiệm của mình, UBND các tỉnh cần thực hiện tốt vai trò là cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp các Sở Tài chính trong việc công khai các tài liệu ngân sách. Đồng thời, cần có sự phối hợp giữa các phòng ban phụ trách việc công khai ngân sách của UBND với các đơn vị chuyên môn khác tại Sở Tài chính nhằm đảm bảo sự đồng bộ và kịp thời trong việc công khai các tài liệu ngân sách.

Khuyến nghị đối với các Sở Tài chính

Sở Tài chính các tỉnh cần chủ động hơn nữa trong việc công khai các tài liệu ngân sách. Đặc biệt, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Sở Tài chính như bộ phận tin học (phụ trách cổng thông tin điện tử) và bộ phận tài chính, ngân sách (phụ trách việc lập dự toán, quyết toán và tổng hợp kết quả tình hình thực hiện ngân sách) trong việc công khai đầy đủ và kịp thời các tài liệu ngân sách. Ngoài ra, các phòng, ban chuyên môn của các Sở Tài chính các địa phương trong quá trình lập, tổng hợp các tài liệu ngân sách nếu có vướng mắc gì liên quan đến biểu mẫu cần kiến nghị lên Bộ Tài chính để có những điều chỉnh kịp thời. Tiến hành rà soát lại hệ thống email, thông tin liên hệ trên cổng thông tin điện tử của đơn vị mình nhằm đảm bảo tính chính xác cũng như tăng khả năng tiếp cận của người dân với các thông tin ngân sách.

Phần 2
KẾT QUẢ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH
POBI 2021

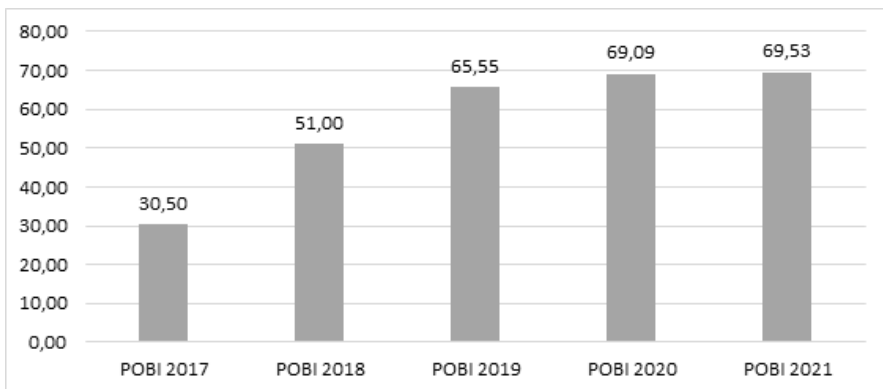
CHƯƠNG I. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH

Chương này sẽ trình bày tổng hợp kết quả khảo sát POBI 2021 theo xếp hạng từ số điểm đạt được của các tỉnh. Các xếp hạng được thực hiện theo mức độ công khai gồm ĐẦY ĐỦ, TƯƠNG ĐỐI, CHƯA ĐẦY ĐỦ và ÍT. Ngoài ra, xếp hạng các tỉnh theo vùng địa lý cũng sẽ được thực hiện để thấy được sự khác nhau giữa các vùng miền. Nội dung này sẽ cung cấp bức tranh chung về thực trạng công khai ngân sách của 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam trong năm 2021.

1. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH 2021

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy điểm chỉ số trung bình về công khai ngân sách tỉnh đạt **69,53 điểm** trên tổng số 100 điểm quy đổi xếp hạng. So với kết quả năm 2020, điểm trung bình chỉ số POBI 2021 chỉ **tăng 0,44 điểm**.

Hình 2: Điểm trung bình khảo sát POBI qua các năm, 2017-2021



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2021

Kết quả xếp hạng về chỉ số công khai ngân sách tỉnh năm 2021 cho thấy có 31 tỉnh được xếp vào nhóm A (tăng 4 tỉnh so với năm 2020),

nhóm những tỉnh có mức điểm chấm POBI cao nhất từ 75 – 100 điểm và 24 tỉnh thuộc nhóm B. Như vậy là có 55 tỉnh đứng trên xếp hạng trung bình (trên 50 điểm) - TƯƠNG ĐỐI công khai minh bạch, giảm một tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Kết quả cụ thể như sau:

Nhóm A – công khai ĐẦY ĐỦ, nhóm những tỉnh có mức điểm cao nhất từ 75 – 100 điểm, có 31 tỉnh bao gồm: Bà Rịa-Vũng Tàu, Khánh Hòa, Lai Châu, Vĩnh Long, Cao Bằng, Đà Nẵng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Điện Biên, Bến Tre, Quảng Trị, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, An Giang, Quảng Bình, Hải Dương, Cà Mau, Hòa Bình, Hà Nội, Thái Nguyên, Bình Dương, Nghệ An, Quảng Ngãi, Bình Định, Bạc Liêu, Yên Bái, Bình Thuận, Đồng Nai, Trà Vinh, Tuyên Quang và Quảng Nam.

Nhóm B – công khai TƯƠNG ĐỐI, bao gồm 24 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 50 – dưới 75 điểm. Nhóm này bao gồm: Kon Tum, Bắc Ninh, Gia Lai, Hưng Yên, Hải Phòng, Hậu Giang, Đắk Lắk, Hà Giang, Ninh Thuận, Thái Bình, TP. Hồ Chí Minh, Đắk Nông, Sơn La, Tây Ninh, Bắc Kạn, Ninh Bình, Kiên Giang, Phú Thọ, Hà Nam, Đồng Tháp, Nam Định, Cần Thơ, Sóc Trăng và Phú Yên.

Nhóm C – công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ, bao gồm 06 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 25 – dưới 50 điểm. Nhóm này bao gồm: Long An, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Lâm Đồng, Thanh Hóa và Lào Cai.

Nhóm cuối cùng là nhóm D – ÍT công khai, gồm 02 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 0 – dưới 25 điểm, bao gồm: Hà Tĩnh, Bình Phước.

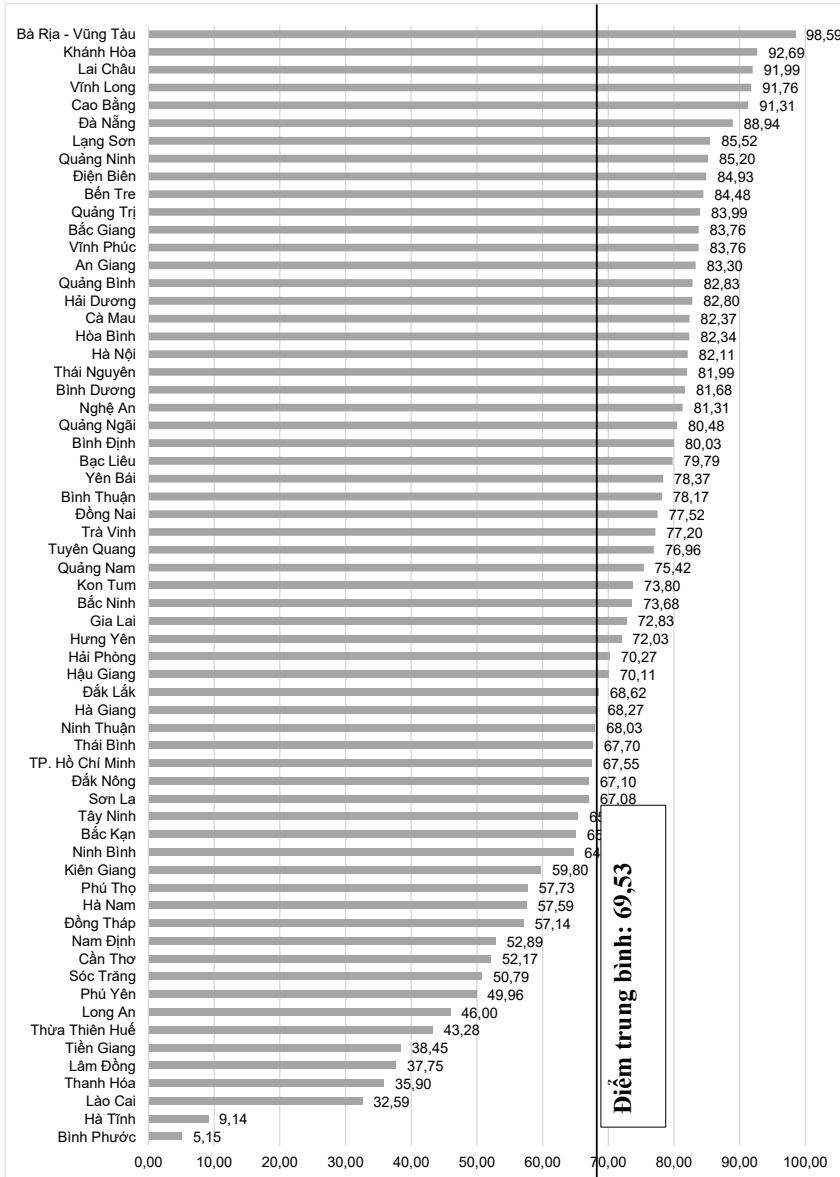
Trong xếp hạng công khai ngân sách POBI 2021, **Bà Rịa-Vũng Tàu** là tỉnh **đứng đầu** bảng xếp hạng, đạt 98,59 điểm. Khánh Hòa xếp thứ hai với 92,69 điểm và Lai Châu xếp thứ ba với 91,99 điểm. Trong khi Bà Rịa-Vũng Tàu và Lai Châu vẫn thuộc nhóm các tỉnh công khai ĐẦY ĐỦ và có thứ hạng cao năm 2020 thì Khánh Hòa có sự tiến bộ vượt bậc khi từ nhóm công khai TƯƠNG ĐỐI năm 2020 đã sang nhóm công khai ĐẦY ĐỦ và xếp thứ hai trên bảng xếp hạng 63 tỉnh/thành phố. Tương tự như kết quả POBI 2020, năm 2021, Bình Phước vẫn là tỉnh xếp cuối bảng xếp hạng với 5,15 điểm. Hà Tĩnh là tỉnh còn lại thuộc nhóm công khai ÍT thông tin năm 2021, chỉ với 9,14 điểm.

Quảng Bình, Khánh Hòa, Quảng Ninh là ba tỉnh có sự tiến bộ vượt bậc trong kết quả xếp hạng POBI 2021 so với năm 2020. Cụ thể, Quảng Bình đã tăng 45 bậc, Khánh Hòa tăng 42 bậc và Quảng Ninh tăng 39

Phần 2: Kết quả công khai ngân sách tỉnh POBI 2021

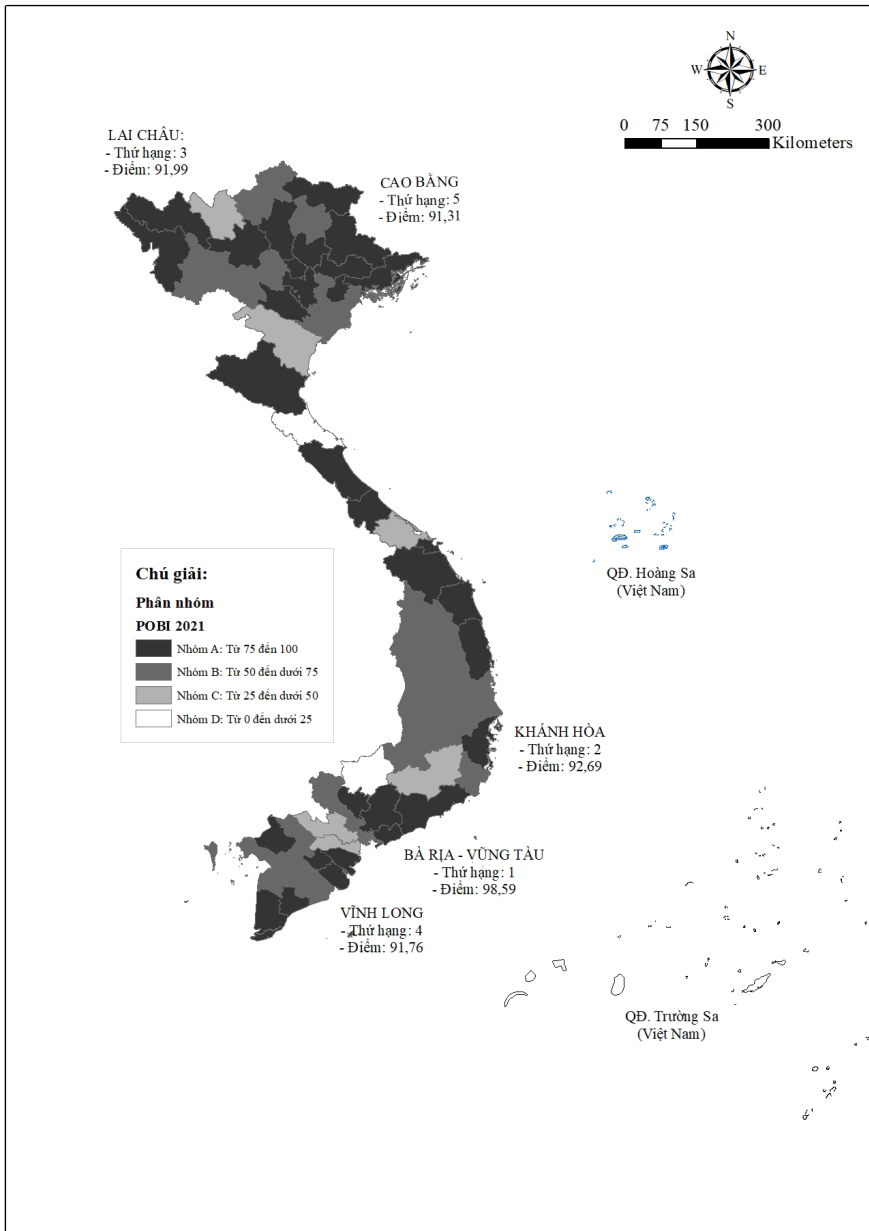
bậc trên bảng xếp hạng POBI 2021. Trong khi đó, Ninh Bình, Tây Ninh và Lâm Đồng lại là ba tỉnh có sự sụt giảm về thứ bậc trên bảng xếp hạng tương đối mạnh. Trong đó, Ninh Bình giảm 38 bậc, Tây Ninh giảm 35 bậc và Lâm Đồng giảm 23 bậc so với năm 2020.

Hình 3: Kết quả xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Hình 4: Phân loại xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

2. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THEO VÙNG ĐỊA LÝ

Xếp theo 7 vùng địa lý trên cả nước, Lai Châu (91,99 điểm), Quảng Ninh (85,2 điểm), Quảng Trị (83,99 điểm), Khánh Hòa (92,69 điểm), Kon Tum (73,8 điểm), Bà Rịa - Vũng Tàu (98,59 điểm), và Vĩnh Long (91,76 điểm) là các tỉnh có số điểm POBI đứng đầu mỗi vùng.

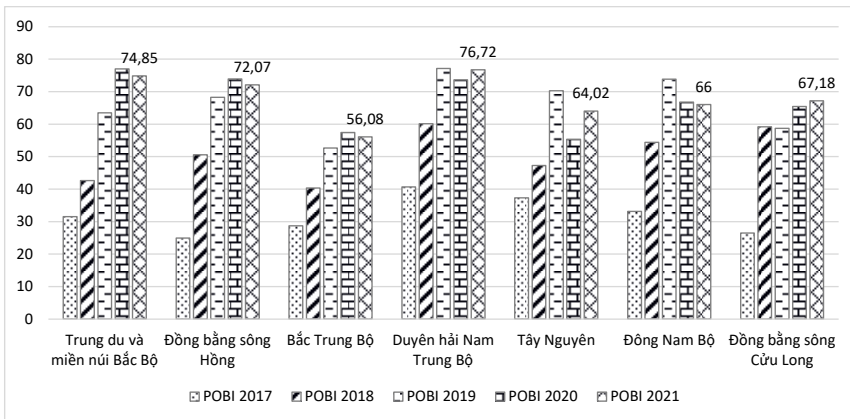
Bảng 9: Xếp hạng công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 theo 7 vùng địa lý

Vùng	Trung du và miền núi Bắc bộ		ĐBSH		Bắc Trung bộ		Duyên hải Nam trung bộ	
	STT	Tỉnh	Điểm	Tỉnh	Điểm	Tỉnh	Điểm	Tỉnh
1	Lai Châu	91,99	Quảng Ninh	85,20	Quảng Trị	83,99	Khánh Hòa	92,69
2	Cao Bằng	91,31	Vĩnh Phúc	83,76	Quảng Bình	82,83	Đà Nẵng	88,94
3	Lạng Sơn	85,52	Hải Dương	82,80	Nghệ An	81,31	Quảng Ngãi	80,48
4	Điện Biên	84,93	Hà Nội	82,11	Thừa Thiên Huế	43,28	Bình Định	80,03
5	Bắc Giang	83,76	Bắc Ninh	73,68	Thanh Hóa	35,90	Bình Thuận	78,17
6	Hòa Bình	82,34	Hưng Yên	72,03	Hà Tĩnh	9,14	Quảng Nam	75,42
7	Thái Nguyên	81,99	Hải Phòng	70,27			Ninh Thuận	68,03
8	Yên Bái	78,37	Thái Bình	67,70			Phú Yên	49,96
9	Tuyên Quang	76,96	Ninh Bình	64,73				
10	Hà Giang	68,27	Hà Nam	57,59				
11	Sơn La	67,08	Nam Định	52,89				
12	Bắc Kạn	65,10						
13	Phú Thọ	57,73						
14	Lào Cai	32,59						
Vùng	Tây Nguyên		Đông Nam Bộ		ĐBSCL			
STT	Tỉnh	Điểm	Tỉnh	Điểm	Tỉnh	Điểm		
1	Kon Tum	73,80	Bà Rịa - Vũng Tàu	98,59	Vĩnh Long	91,76		
2	Gia Lai	72,83	Bình Dương	81,68	Bến Tre	84,48		
3	Đắk Lắk	68,62	Đồng Nai	77,52	An Giang	83,30		
4	Đắk Nông	67,10	TP. Hồ Chí Minh	67,55	Cà Mau	82,37		
5	Lâm Đồng	37,75	Tây Ninh	65,46	Bạc Liêu	79,79		
6			Bình Phước	5,15	Trà Vinh	77,20		
7					Hậu Giang	70,11		
8					Kiên Giang	59,80		
9					Đồng Tháp	57,14		
10					Cần Thơ	52,17		
11					Sóc Trăng	50,79		
12					Long An	46,00		
13					Tiền Giang	38,45		

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng có điểm POBI trung bình cao nhất cả nước năm 2021. Tuy nhiên, Tây Nguyên mới là vùng có sự cải thiện về điểm trung bình cao nhất so với các vùng còn lại. Năm 2021, điểm trung bình các tỉnh vùng Tây Nguyên là 64,02 điểm, tăng 8,69 điểm so với năm 2020. Đồng bằng sông Cửu Long cũng là vùng có sự cải thiện về điểm POBI trung bình so với năm 2020. Các vùng có điểm POBI trung bình năm 2021 giảm so với năm 2020 gồm có Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ. Như vậy có thể thấy, kết quả chấm POBI 2021 cho thấy sự **vươn lên mạnh mẽ của các tỉnh khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.**

Hình 5: Kết quả chấm POBI trung bình theo 7 vùng địa lý, 2017-2021



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2021

CHƯƠNG II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN VÀO QUY TRÌNH NGÂN SÁCH

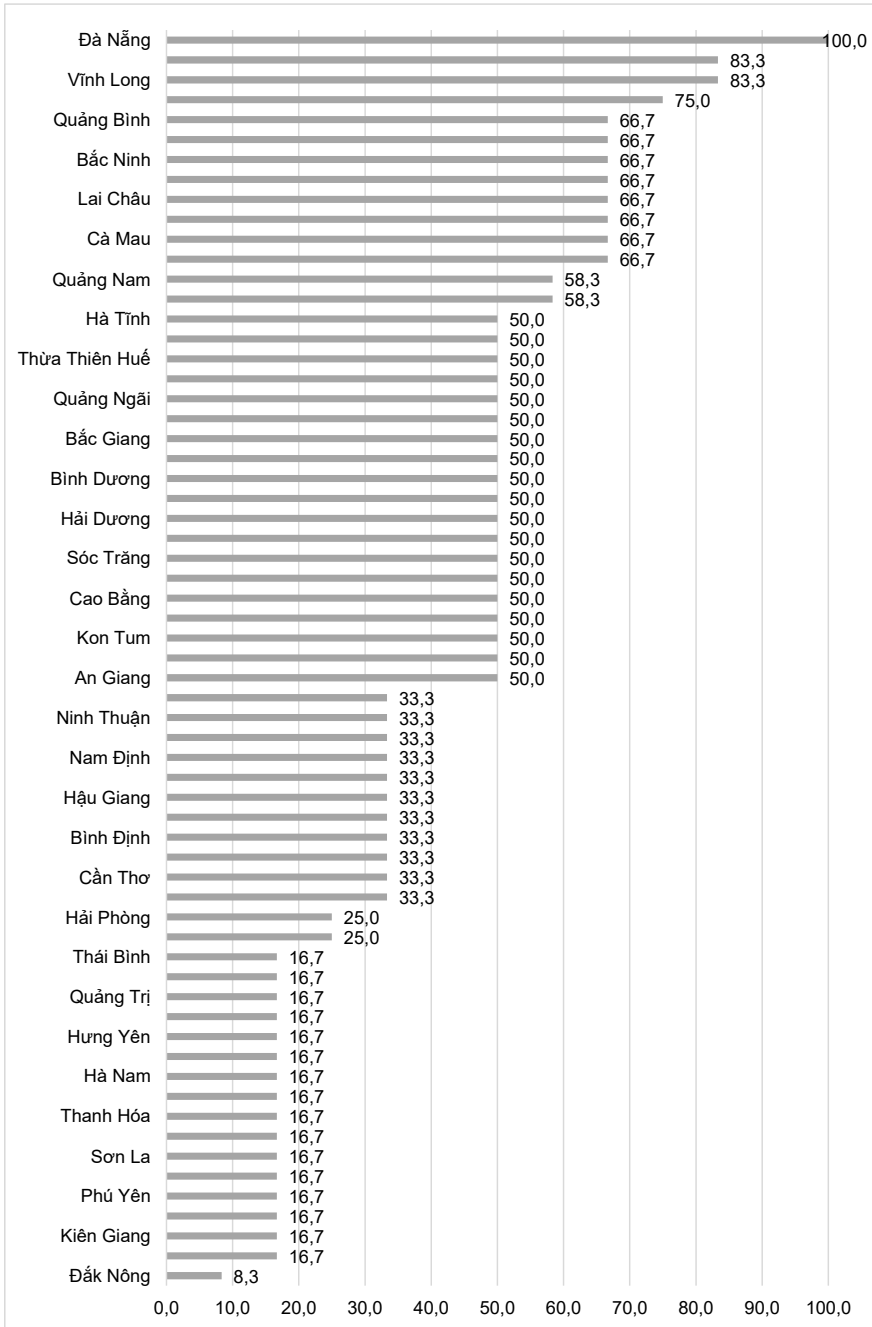
Đây là năm thứ tư khảo sát POBI đưa tiêu chí về sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách địa phương vào nội dung khảo sát. Các nội dung đánh giá bao gồm việc Sở Tài chính các tỉnh có phương thức giao tiếp, trao đổi với người dân trên cổng thông tin điện tử về vấn đề ngân sách hay không và thời gian phản hồi. Đồng thời POBI cũng tiến hành đánh giá việc các ý kiến, kiến nghị của cử tri về vấn đề ngân sách có được HĐND, MTTQ tỉnh tổng hợp và công khai trên cổng thông tin điện tử của HĐND các tỉnh hay không. Kết quả khảo sát POBI 2021 về mức độ tham gia của người dân cho thấy nhìn chung các tỉnh vẫn **ÍT** tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 41,8 điểm, chỉ tăng 2,55 điểm so với POBI 2020. Đà Nẵng là địa phương duy nhất đạt điểm tối đa với 100 điểm quy đổi. Đắk Nông là tỉnh có số điểm về sự tham gia của người dân thấp nhất cả nước (8,3 điểm).

Có 11 trong số 63 tỉnh/thành phố phản hồi các câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu gửi qua email liên hệ được công khai trên cổng tin điện tử của Sở Tài chính. Trong đó, có 7 phản hồi được nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi và 4 phản hồi được nhận trong vòng 16 đến 30 ngày kể từ ngày gửi.

Trong số 63 tỉnh, thành phố, có 49 Sở Tài chính tỉnh không phản hồi, hai tỉnh không gửi được email theo địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT là Đắk Nông và Lào Cai, một tỉnh không có địa chỉ email là Quảng Trị.

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy 17 tỉnh/thành phố có cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND hay HĐND có các liên kết với các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo của tỉnh, tăng một tỉnh so với khảo sát POBI 2020.

Hình 6: Xếp hạng về sự tham gia của người dân, 2021



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Phần 2: Kết quả công khai ngân sách tỉnh POBI 2021

Khảo sát POBI 2021 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp hội đồng nhân dân trên cổng TTĐT của tỉnh. Kết quả cho thấy, trên cổng thông tin điện tử của 27 HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 (tăng 3 tỉnh so với năm 2020) và HĐND của 37 tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 (tăng 8 tỉnh so với năm 2020). Ngoài ra, theo kết quả phản hồi từ email của các Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh thì chỉ có 7 tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

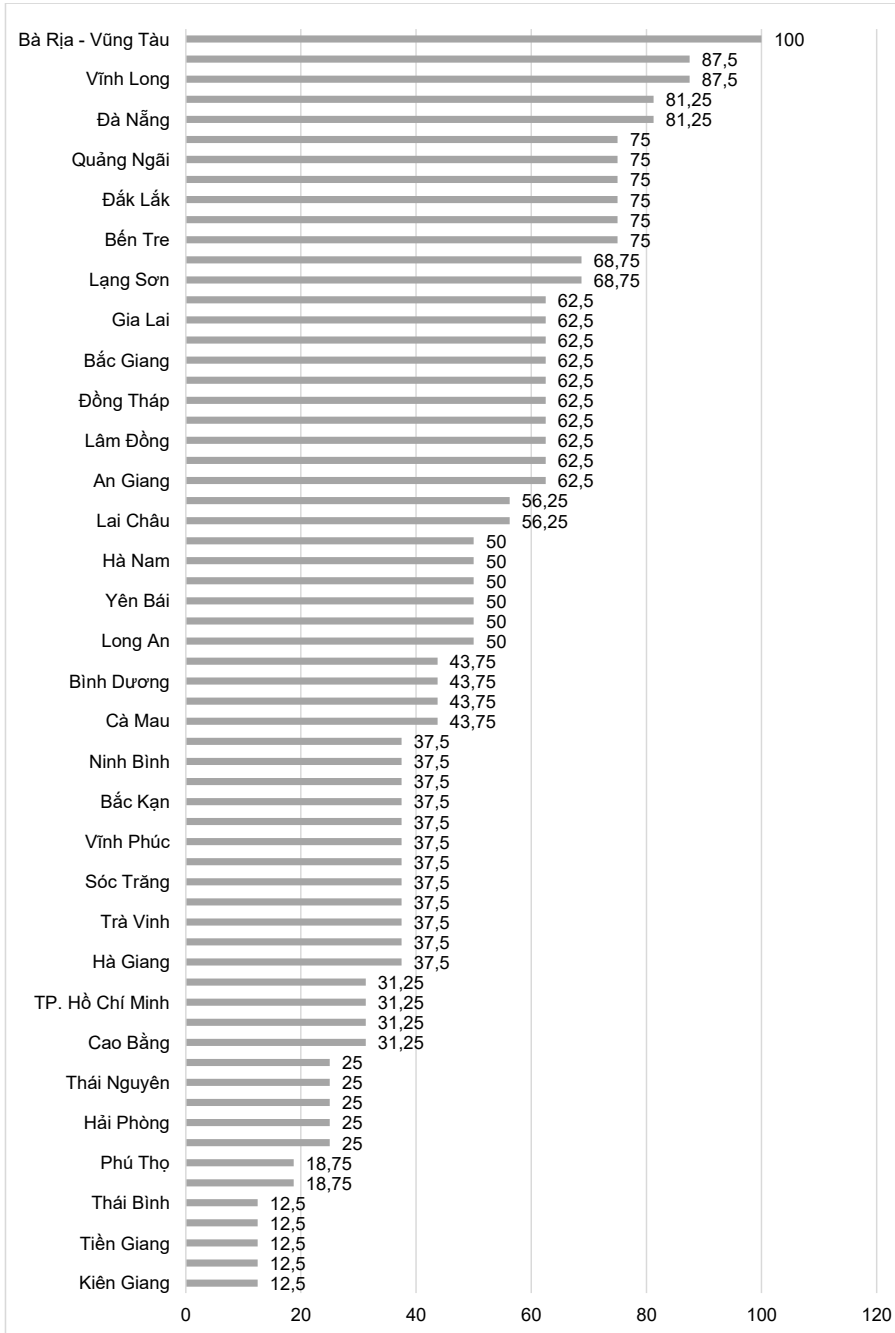
CHƯƠNG III. XẾP HẠNG VỀ GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Khảo sát POBI 2021 tiến hành tách riêng và bổ sung một số câu hỏi liên quan đến việc giám sát và trách nhiệm giải trình của các tỉnh liên quan đến các thông tin về ngân sách. Điểm bình quân của trụ cột này là 48,2 điểm. Bà Rịa-Vũng Tàu vẫn là tỉnh dẫn đầu với điểm số quy đổi tối đa là 100 điểm. Vĩnh Long và Khánh Hòa cũng là những tỉnh có điểm số về giám sát và trách nhiệm giải trình tương đối cao, đều đạt 87,5 điểm. Thái Bình, Sơn La, Tiền Giang, Phú Yên và Kiên Giang là năm tỉnh có điểm số về giám sát và trách nhiệm giải trình thấp nhất cả nước, đều chỉ đạt 12,5 điểm.

Ngoài ra, kết quả cho thấy có 41 tỉnh (65,08%) có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề. Có 14 HĐND các tỉnh (22,2%) có công khai báo cáo giám sát về ngân sách. Có 21 tỉnh (33,3%) có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh. Có 38 tỉnh (60,3%) công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh.

Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, có 41 tỉnh có thư mục hỏi đáp trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và có thể sử dụng được, 7 tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không sử dụng được và 15 tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có 49 tỉnh có thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được, 8 tỉnh có nhưng không sử dụng được và 6 tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân. Cụ thể, có bốn tỉnh sử dụng từ ba kênh truyền thông trở lên, năm tỉnh sử dụng từ một đến hai kênh truyền thông và số còn lại không sử dụng thêm các kênh truyền thông khác.

Hình 7: Xếp hạng về giám sát và trách nhiệm giải trình, 2021



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

CHƯƠNG IV. TÌNH HÌNH CÔNG KHAI CÁC TÀI LIỆU NGÂN SÁCH

Chương này trình bày kết quả tình hình công khai theo các tài liệu ngân sách theo khảo sát POBI 2021. Nội dung của chương này cho biết mức độ sẵn có, tính kịp thời và tính đầy đủ của từng loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công bố và các tài liệu khuyến khích công bố bao gồm:

1. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021
6. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn
8. Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022
9. Danh mục dự án đầu tư công của tỉnh năm 2022
10. Báo cáo Tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020
12. Các tài liệu không chấm điểm POBI 2021

Đối với các tài liệu khuyến khích công khai (tài liệu không chấm điểm POBI 2021), mặc dù hiện tại các tài liệu này theo Luật NSNN 2015 chưa phải là tài liệu bắt buộc công khai, tuy nhiên đây là những thông lệ quốc tế tốt mà các tỉnh nên thực hiện. Việc công khai các tài

liệu này giúp người dân có hiểu biết tốt hơn về tình hình quản lý ngân sách tại địa phương. Các tài liệu này gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024, và (v) Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

1. DỰ THẢO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022 TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

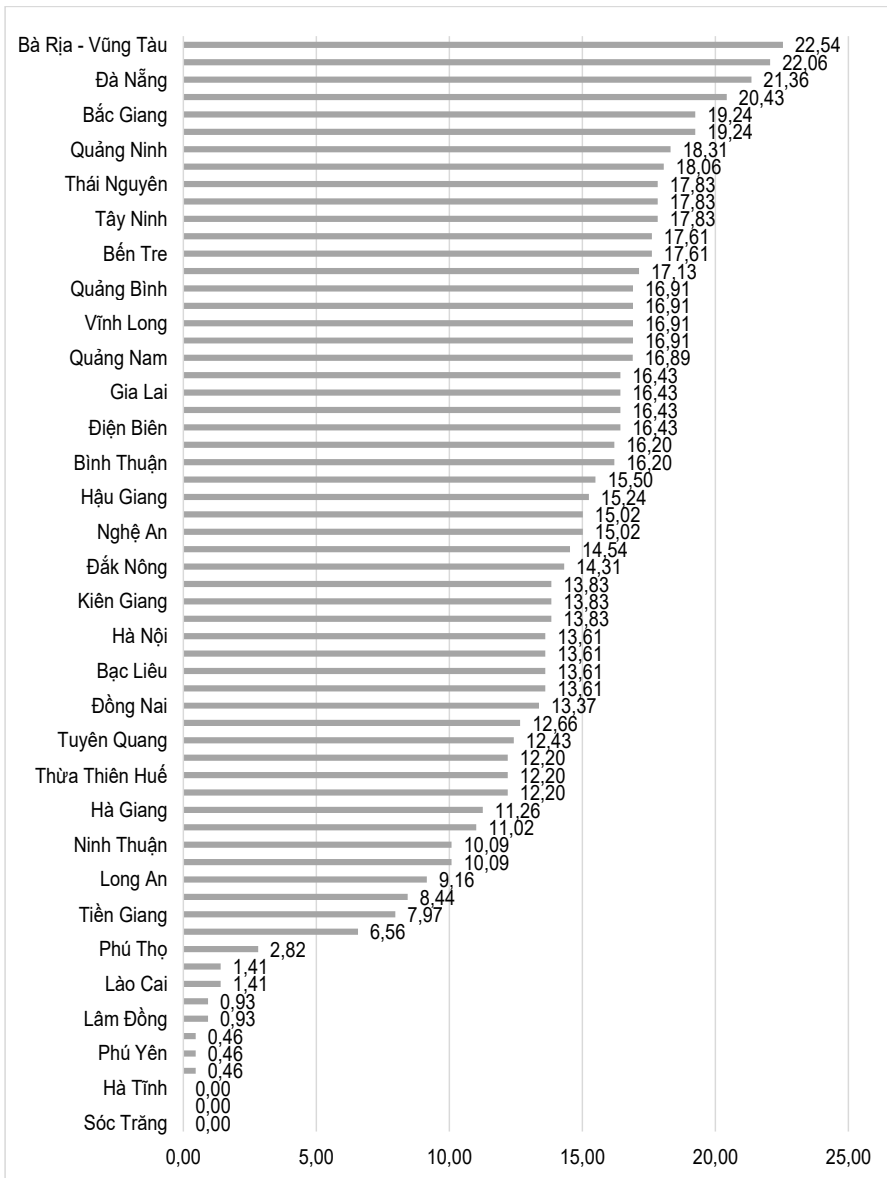
Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy có 53 tỉnh/thành phố có công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, giảm một tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh năm 2022 là 22,54 điểm trong tổng số 100 điểm quy đổi POBI 2021. Bà Rịa-Vũng Tàu, Khánh Hòa và Đà Nẵng là 3 tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng về công khai tài liệu Dự thảo dự toán. Trong đó, chỉ có Bà Rịa-Vũng Tàu là đạt điểm tối đa cho tài liệu này.

Có 10 tỉnh không công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh bao gồm: Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Bình Phước, Phú Yên, Bắc Kạn, Lâm Đồng, Nam Định, Lào Cai và Thanh Hóa.

Trong số 53 tỉnh có công bố tài liệu dự thảo dự toán trình HĐND, có 42 tỉnh (79,25%) công bố kèm theo tài liệu thuyết minh. Đây là một trong những tài liệu quan trọng để người dân từ đó có thể hiểu được chi tiết về các số liệu ngân sách trong các bảng biểu. Các tỉnh có công bố tài liệu dự thảo nhưng không công bố báo cáo thuyết minh bao gồm: Long An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Tiền Giang, Sơn La, Yên Bái, Đắk Lắk, Hà Nam, Phú Thọ, Ninh Bình và Tuyên Quang. Trong số 44 tỉnh có công bố báo cáo thuyết minh, có 16 tỉnh về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương và có kèm theo số liệu thuyết minh, 14 tỉnh có đề cập đến việc ưu tiên chi ngân sách nhưng không kèm theo số liệu thuyết minh, 23 tỉnh không đề cập đến việc ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể. Trong đó có 18 tỉnh có đề cập đến việc ưu tiên chi

ngân sách cho lĩnh vực y tế (11 tỉnh có số liệu kèm theo), 16 tỉnh có đề cập đến việc ưu tiên chi ngân sách cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội (8 tỉnh có số liệu kèm theo).

Hình 8: Xếp hạng các tỉnh công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh

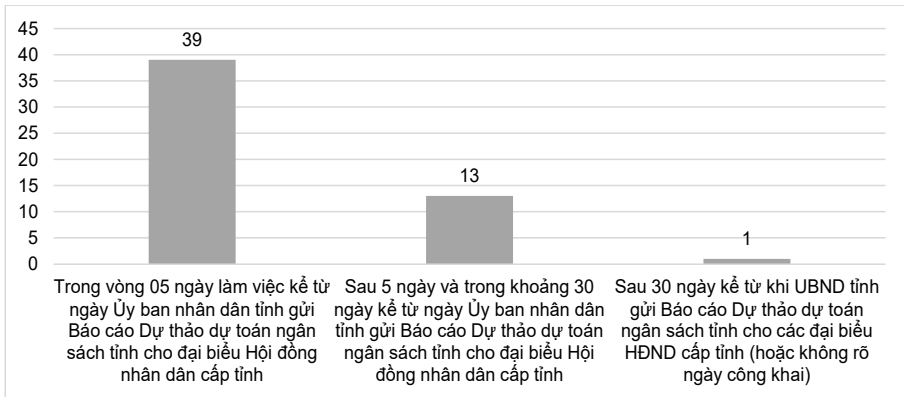


Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Phần 2: Kết quả công khai ngân sách tỉnh POBI 2021

Về thời điểm công khai Dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND, trong số 53 tỉnh có công khai tài liệu này, 39 tỉnh công bố công khai đúng thời gian quy định là trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh gửi báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 cho đại biểu HĐND tỉnh (giảm 8 tỉnh so với POBI 2020). Có 13 tỉnh công bố sau 05 ngày và trong khoảng 30 ngày và một tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được chính xác thời điểm công bố.

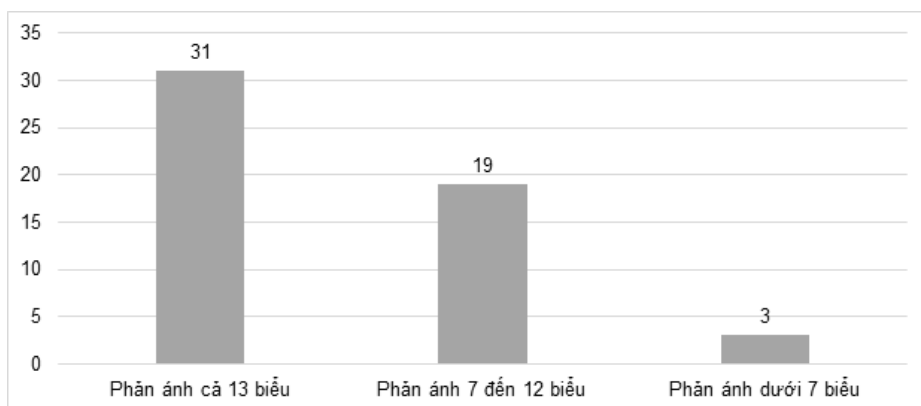
Hình 9: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, phân theo thời gian công khai



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Theo quy định tại Thông tư 343, tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh phải được công khai kèm theo đầy đủ phụ lục 13 bảng biểu bao gồm các biểu từ biểu số 33 đến biểu số 45. Trong số 53 tỉnh có công bố Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, có 31 tỉnh công bố đầy đủ 13 bảng biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI 2020), 19 tỉnh phản ánh 7 đến 12 biểu và 3 tỉnh phản ánh dưới 7 biểu hoặc không có phụ lục bảng biểu kèm theo.

Hình 10: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Trong khảo sát POBI 2020, nhóm nghiên cứu tiếp tục chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu số 33 – Cân đối ngân sách, biểu số 35 – Dự toán thu NSNN và biểu số 39 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực.

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy, đối với biểu số 33, có 47 tỉnh trong tổng số 53 tỉnh có công bố phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 3 tỉnh so với POBI 2020), 2 tỉnh có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, 4 tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định hoặc không phản ánh biểu số 33 trong tài liệu.

Đối với biểu số 35, chỉ có 18 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế (giảm 5 tỉnh so với POBI 2020). Có 26 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Có 4 tỉnh phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định và có 5 tỉnh không phản ánh nguồn thu cụ thể nào trong nguồn thu nội địa (hoặc không có biểu số 35).

Đối với biểu số 39, có 32 tỉnh có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định (tăng 3 tỉnh so với POBI 2020). Có 5 tỉnh phản ánh từ 9 đến 11 lĩnh vực, một tỉnh chỉ phản ánh dưới từ 5 đến 8 lĩnh vực chi đầu tư và 15 tỉnh không phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho bất kỳ lĩnh vực nào (hoặc không có biểu số 39).

Đối với việc công khai thông tin liên quan đến các quỹ ngoài ngân sách, kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy Dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh quyết định chỉ có 13 tỉnh có công khai thông tin về dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

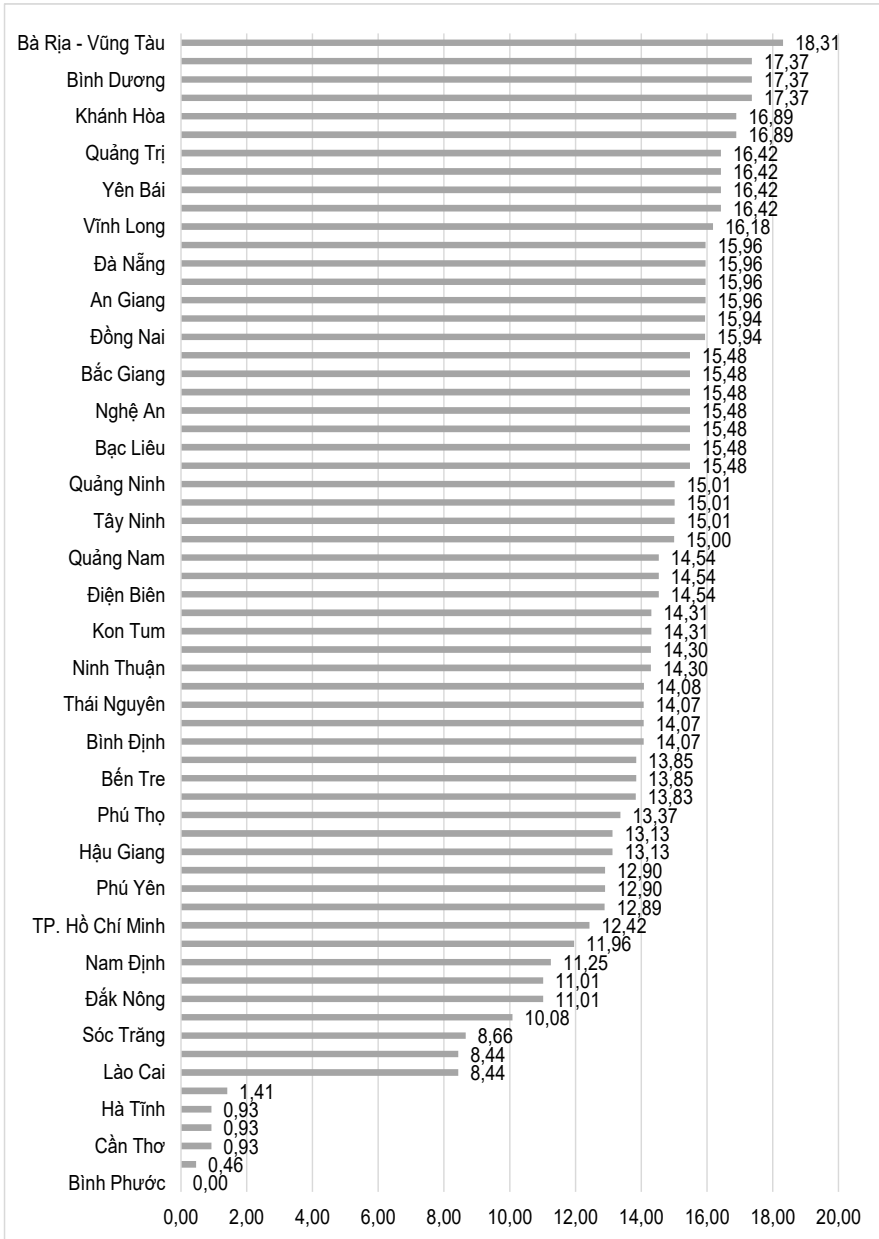
2. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUYẾT ĐỊNH

Dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được quyết định là một trong những tài liệu được các tỉnh/thành phố công khai nhiều nhất. Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy có 57 tỉnh có công khai tài liệu này, giảm 03 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2020.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 18,31 điểm. Kết quả chấm POBI năm 2021 cho thấy Bà Rịa-Vũng Tàu là tỉnh duy nhất đạt điểm tối đa cho tài liệu này. Một số tỉnh có điểm số tương đối cao đối với tài liệu này gồm có Quảng Bình, Bình Dương và Cao Bằng. 6 tỉnh không công khai tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định gồm: Bình Phước, Long An, Cần Thơ, Hà Nam, Hà Tĩnh và Thanh Hóa.

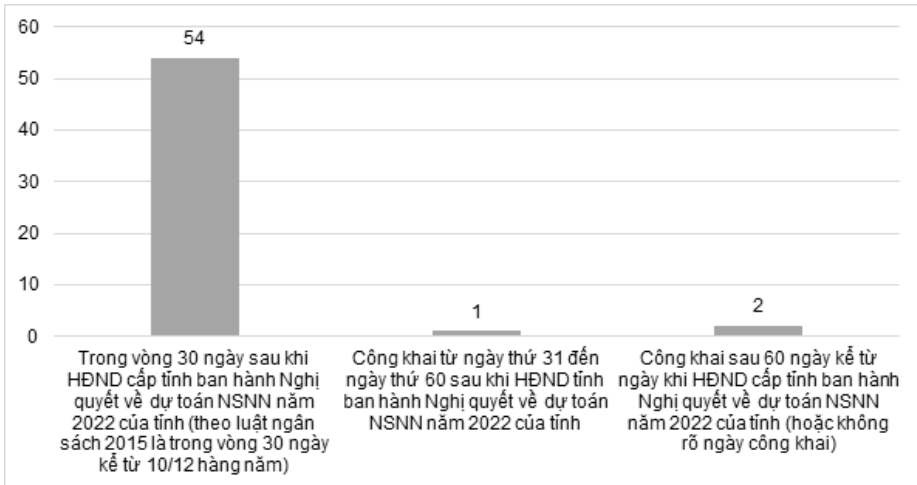
Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là loại tài liệu có tỉ lệ các tỉnh công khai đúng thời hạn quy định tương đối cao (49 tỉnh, tăng 14 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019). Có 10 tỉnh công khai chậm – tức là trong khoảng từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60. Có một tỉnh không xác định được chính xác thời điểm công khai hoặc công khai quá muộn.

Hình 11: Xếp hạng các tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

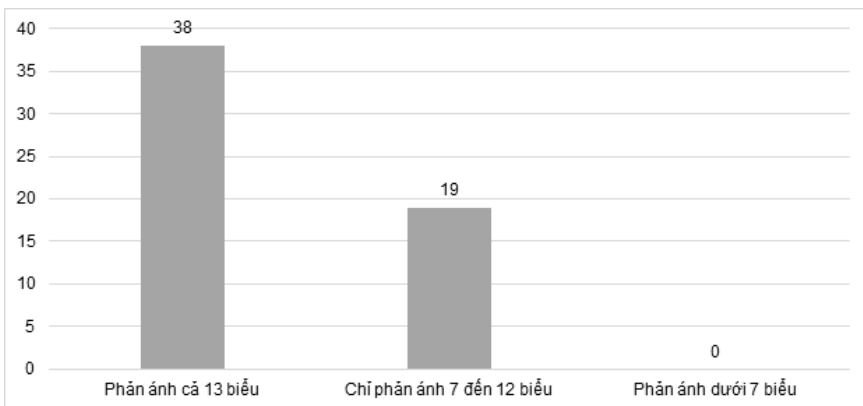
Hình 12: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo thời gian công khai



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Trong số 57 tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được quyết định, có 38 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 13 biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng 10 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Có 19 tỉnh phản ánh từ 7 đến 12 biểu và không có tỉnh nào phản ánh dưới 7 biểu hoặc không công khai bảng biểu cùng với Dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được phê duyệt.

Hình 13: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Theo quy định của Thông tư 343, tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh gồm 13 biểu mẫu kèm theo (từ biểu số 46 đến biểu số 58). Trong khảo sát POBI 2021, nhóm nghiên cứu tiếp tục chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu số 46 – Cân đối ngân sách địa phương, biểu số 48 – Dự toán thu NSNN và biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực.

Đối với biểu số 46 – Biểu cân đối ngân sách địa phương, có 53 trong tổng số 57 tỉnh có công bố phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 6 tỉnh so với khảo sát POBI 2020), 3 tỉnh có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, một tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định hoặc không phản ánh biểu số 46 trong tài liệu. Đối với các tỉnh có phản ánh biểu 46 nhưng không đầy đủ chủ yếu chỉ phản ánh hai khoản mục chính là mục A - Tổng nguồn thu NSĐP và mục B - Tổng chi NSĐP, thiếu các khoản mục như mục C - Bội chi/Bội thu NSĐP, mục D – Chi trả nợ gốc của NSĐP và mục Đ – Tổng mức vay của NSĐP.

Đối với biểu số 48 – Dự toán thu NSNN, chỉ có 18 tỉnh phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa bao gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (giảm 13 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Có 32 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo loại thuế. Có 7 tỉnh phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định.

Đối với biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan tổ chức theo lĩnh vực, 43 tỉnh phản ánh dự toán cụ thể cho 12 lĩnh vực chi đầu tư (tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Có 4 tỉnh phản ánh cụ thể dự toán cho 9 đến 11 lĩnh vực chi đầu tư. Có một tỉnh phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 5 đến 8 lĩnh vực chi đầu tư. 9 tỉnh còn lại chỉ phản ánh dự toán chi đầu tư cho 0 đến 4 lĩnh vực chi đầu tư hoặc không công khai tài liệu này.

Đối với việc công khai thông tin liên quan đến các quỹ ngoài ngân sách, kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy trong Dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định chỉ có 9 tỉnh có công khai thông tin về dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

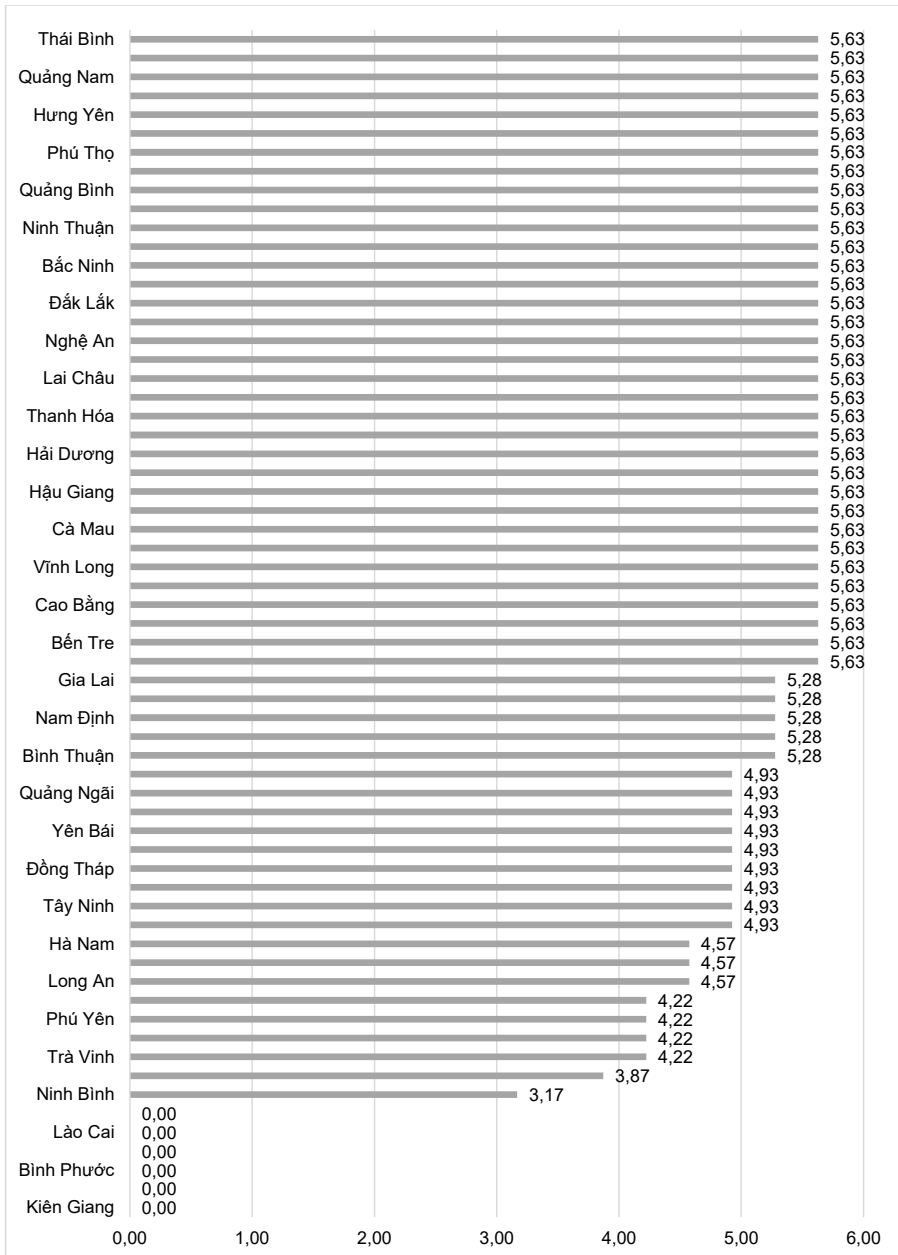
POBI 2021 là năm thứ hai nhóm nghiên cứu bổ sung thêm nội dung đó là so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên hàng năm của ngân sách tỉnh cho GDĐT và y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự toán ngân sách tỉnh được quyết định năm 2022 với Dự toán được quyết định năm 2021. Dự toán được phê duyệt năm 2022 chỉ đạt tính tin cậy khi chi thường xuyên cho GDĐT và y tế, dân số tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn mức tăng hoặc mức giảm trong tài liệu dự toán được duyệt năm 2021. Kết quả có 34 tỉnh (53,96%), tăng 7 tỉnh so với POBI 2020, có mức chi thường xuyên cho GDĐT và 23 tỉnh (36,5%), giảm 2 tỉnh so với POBI 2020, có mức chi thường xuyên cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên trong dự toán được duyệt năm 2021.

3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH QUÝ 1/2021

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công bố công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố cao nhất trong các loại tài liệu, cụ thể 57/63 tỉnh (trương đương 90,48%) có công khai loại tài liệu này, giảm 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Trong đó, 47/57 tỉnh công bố kèm báo cáo thuyết minh, 57/57 tỉnh có thông tin so sánh với dự toán được duyệt và 56/57 tỉnh có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021 là 5,63 điểm. Kết quả chấm POBI 2021 cho thấy có 34 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Sáu tỉnh không công khai tài liệu này gồm: Kiên Giang, Lâm Đồng, Bình Phước, Tiền Giang, Lào Cai và Hà Tĩnh.

Hình 14: Xếp hạng các tỉnh có công bố tài liệu báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 theo điểm POBI 2021

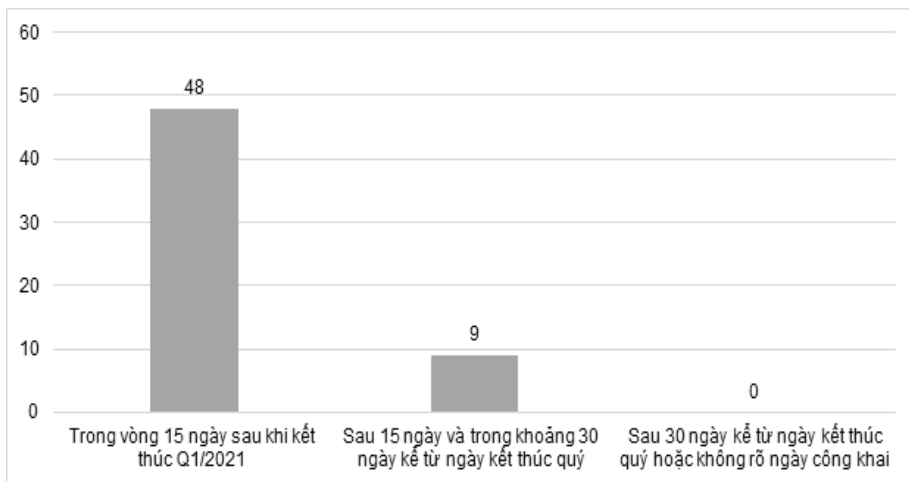


Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Phần 2: Kết quả công khai ngân sách tỉnh POBI 2021

Trong số 57 tỉnh có công bố tài liệu này, 48 tỉnh công bố đúng hạn trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quý 1 năm 2021 (trùng khớp với khảo sát POBI 2020). Có 9 tỉnh công bố muộn sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và không có tỉnh nào công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

Hình 15: Số tỉnh công bố Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 phân theo thời gian công khai



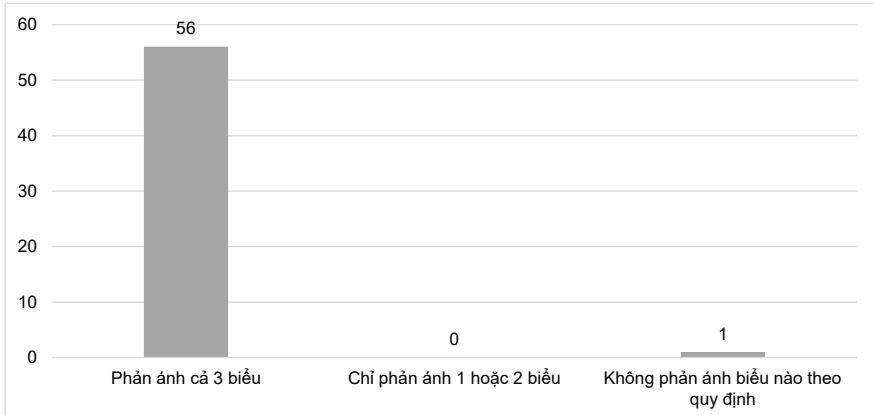
Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Có 56/57 tỉnh có công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (giảm 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Không có tỉnh nào phản ánh 1 hoặc 2 biểu và có một tỉnh không công khai hoặc không phản ánh bất kỳ biểu nào theo quy định của Thông tư 343 (tỉnh Ninh Bình, chỉ có thuyết minh, không kèm bảng biểu, số liệu).

Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2021 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy trong số 56 tỉnh có công khai các bảng biểu, có 49 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của biểu số 59 (tăng 6 tỉnh so với POBI 2020).

Có 3 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 5 tỉnh không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định.

Hình 16: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu



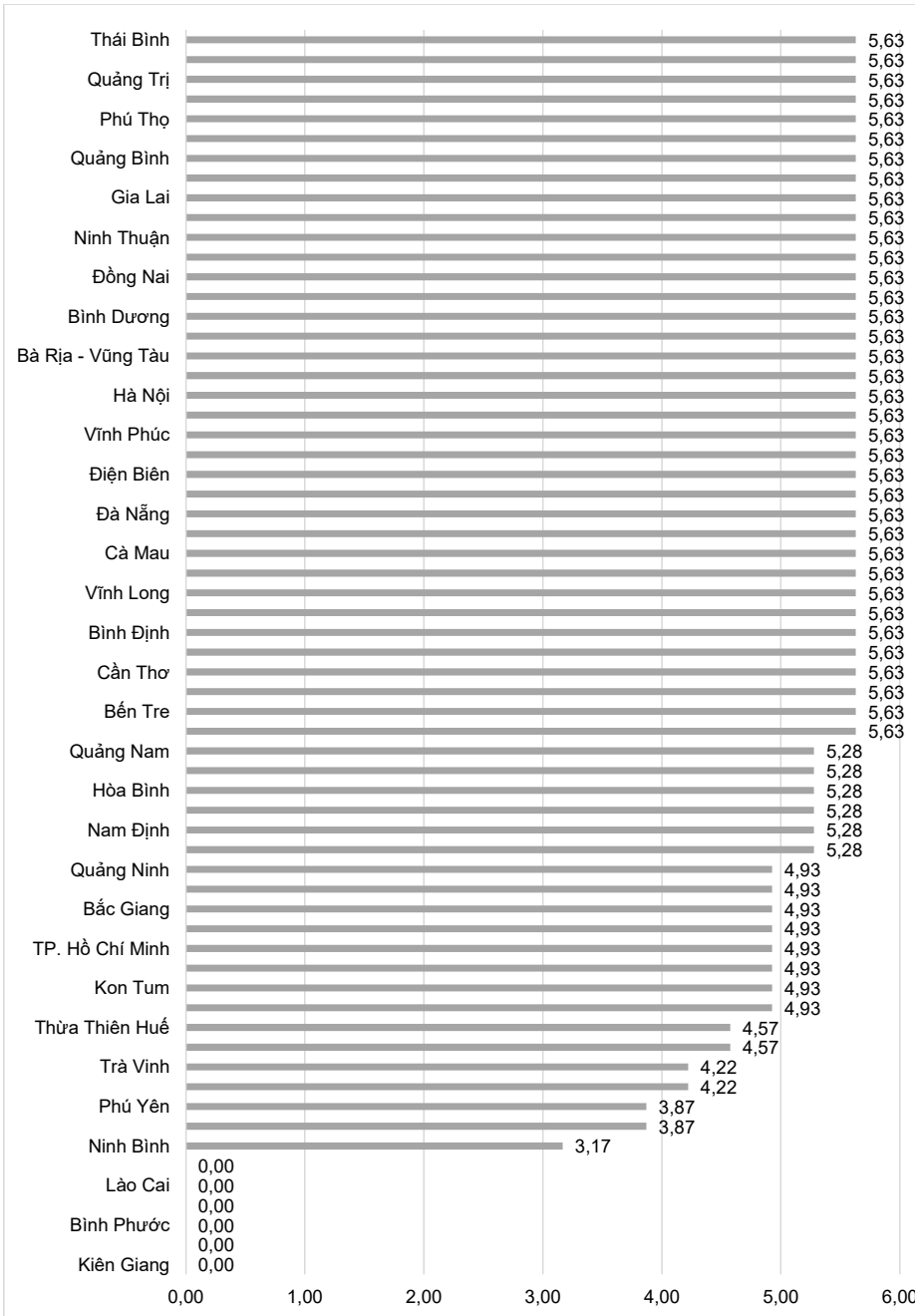
Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2021 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công bố công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố ở mức cao, cụ thể 57/63 tỉnh (tương đương 90,48%) có công khai loại tài liệu này, giảm 3 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2020. Trong đó, 49/57 tỉnh công bố kèm báo cáo thuyết minh, 57/57 tỉnh có thông tin so sánh với dự toán được duyệt và 57/57 tỉnh có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2021 là 5,63 điểm. Kết quả chấm POBI 2021 cho thấy có 36 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Sáu tỉnh không công khai tài liệu này gồm: Kiên Giang, Lâm Đồng, Bình Phước, Tiền Giang, Lào Cai và Hà Tĩnh.

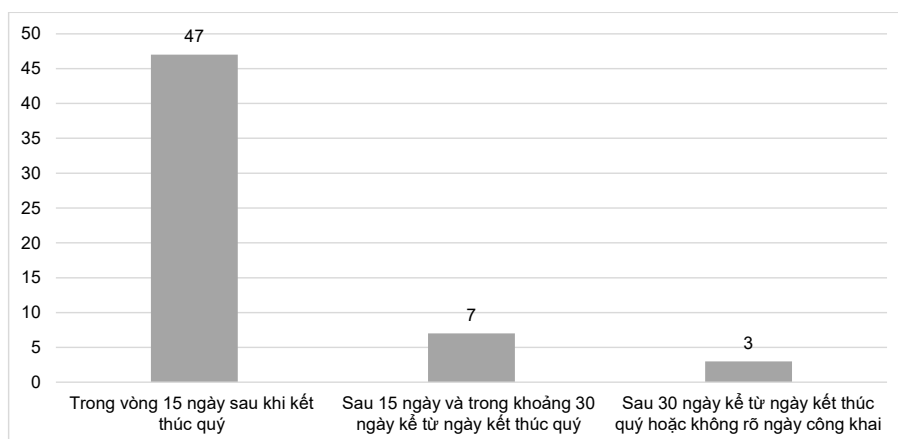
Hình 17: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2021 theo điểm POBI 2021



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Trong số 57 tỉnh có công bố tài liệu này, 47 tỉnh công bố đúng hạn trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc 6 tháng năm 2021 (giảm 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Có 7 tỉnh công bố muộn sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và 3 tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

Hình 18: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2021 phân theo thời gian công khai

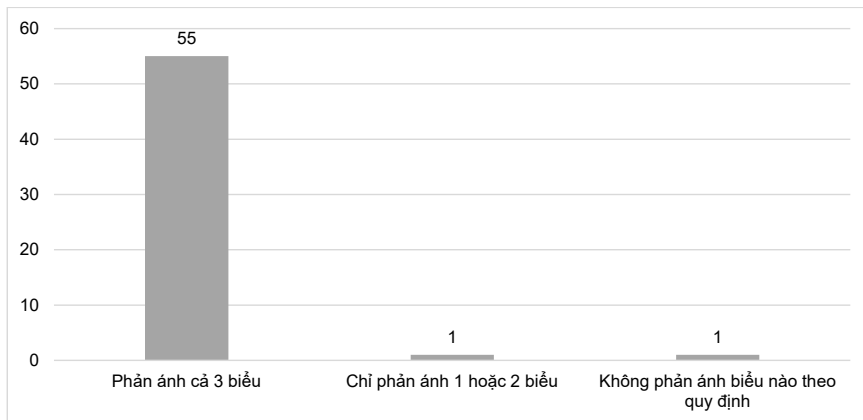


Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Có tới 55 trong số 57 tỉnh có công khai báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2021 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343, giảm 2 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2020. Có một tỉnh chỉ phản ánh 1 hoặc 2 biểu và một tỉnh (Ninh Bình) không phản ánh biểu nào theo như quy định trong Thông tư 343.

Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý (6 tháng) của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2021 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Theo đó, 49 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định (tăng 5 tỉnh so với POBI 2020), 4 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 4 tỉnh không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định.

Hình 19: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2021 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu



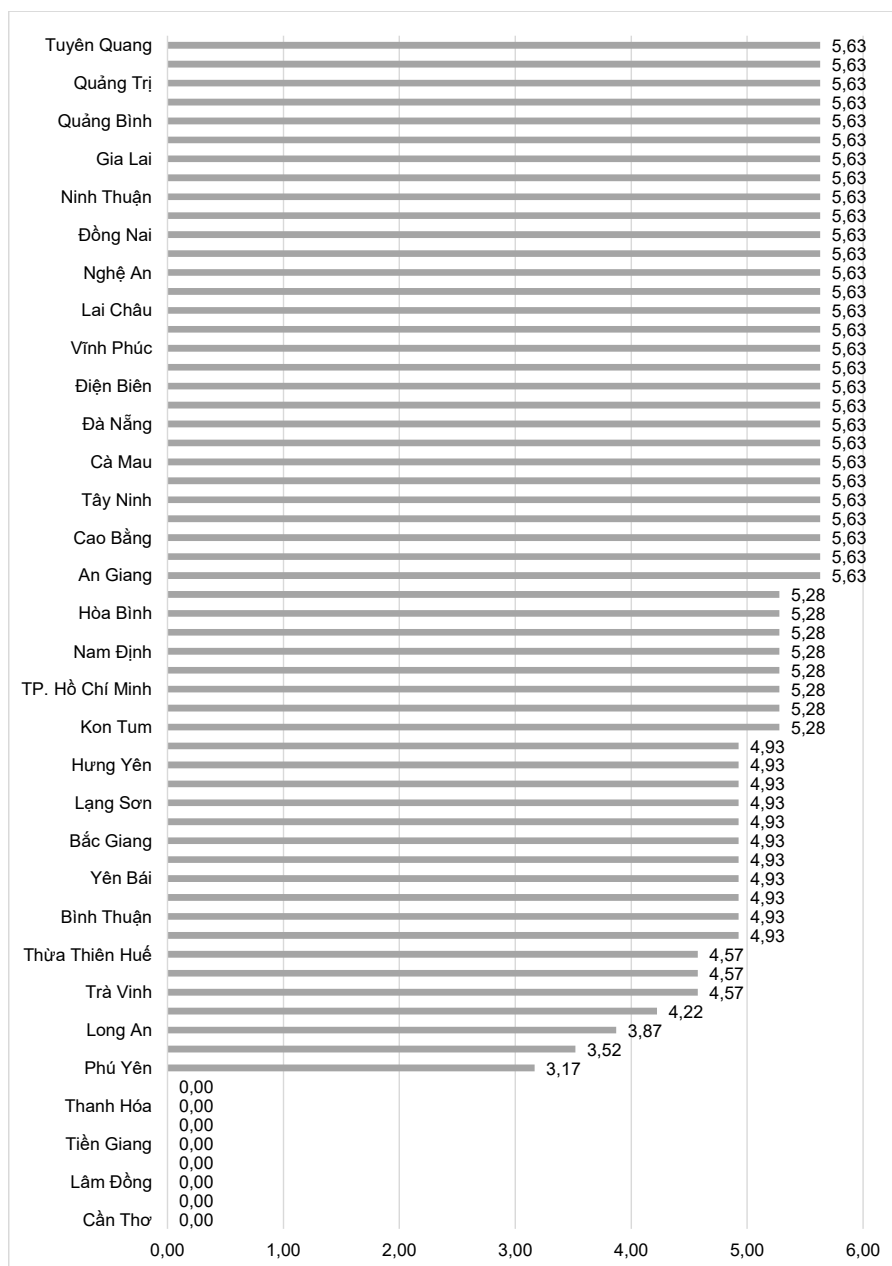
Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

5. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 9 THÁNG NĂM 2021

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố ở mức tương đối cao, cụ thể 55/63 tỉnh (tương đương 87,3%) có công khai loại tài liệu này, giảm 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Trong đó, 46/55 tỉnh công bố kèm báo cáo thuyết minh, 55/55 tỉnh có thông tin so sánh với dự toán được duyệt và 55/55 tỉnh có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 là 5,63 điểm. Kết quả chấm POBI 2021 cho thấy có 29 tỉnh đạt điểm tối đa, giảm 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Tám tỉnh không công khai tài liệu này gồm: Cần Thơ, Kiên Giang, Lâm Đồng, Bình Phước, Tiền Giang, Lào Cai, Thanh Hóa và Hà Tĩnh.

Hình 20: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2021 theo điểm POBI 2021

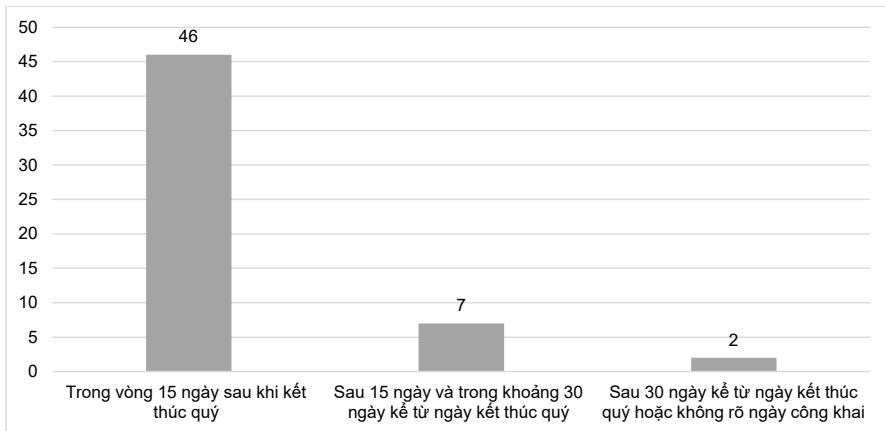


Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Phần 2: Kết quả công khai ngân sách tỉnh POBI 2021

Trong số 55 tỉnh có công bố tài liệu này, 46 tỉnh công bố đúng hạn trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc 9 tháng (quý 3) năm 2021 (giảm 1 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Có 7 tỉnh công bố muộn sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và 2 tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

Hình 21: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2021 phân theo thời gian công khai

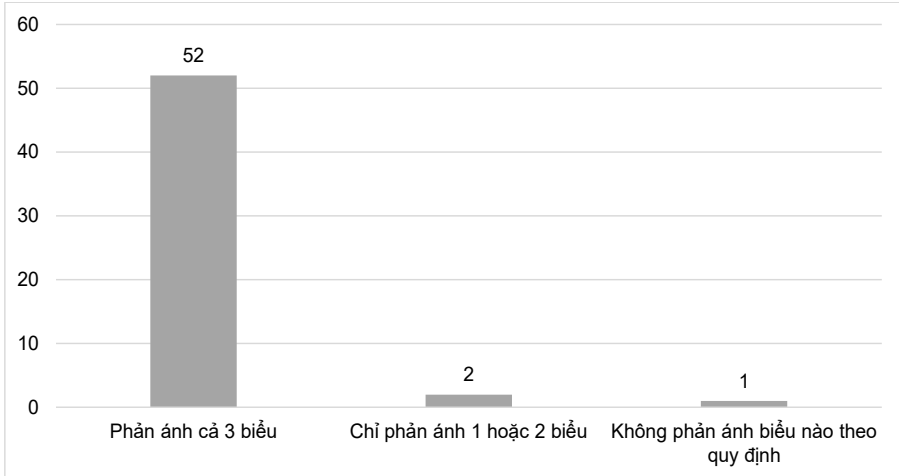


Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Có tới 52 trong số 55 tỉnh có công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (giảm 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Có 2 tỉnh phản ánh 1 hoặc 2 biểu và một tỉnh (Ninh Bình) không công khai hoặc không phản ánh bất kỳ biểu nào theo quy định của Thông tư 343.

Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý 3 (9 tháng) của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2021 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Theo đó, 48 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định (tăng 3 tỉnh so với POBI 2020), 3 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 4 tỉnh không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định.

Hình 22: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2021 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu



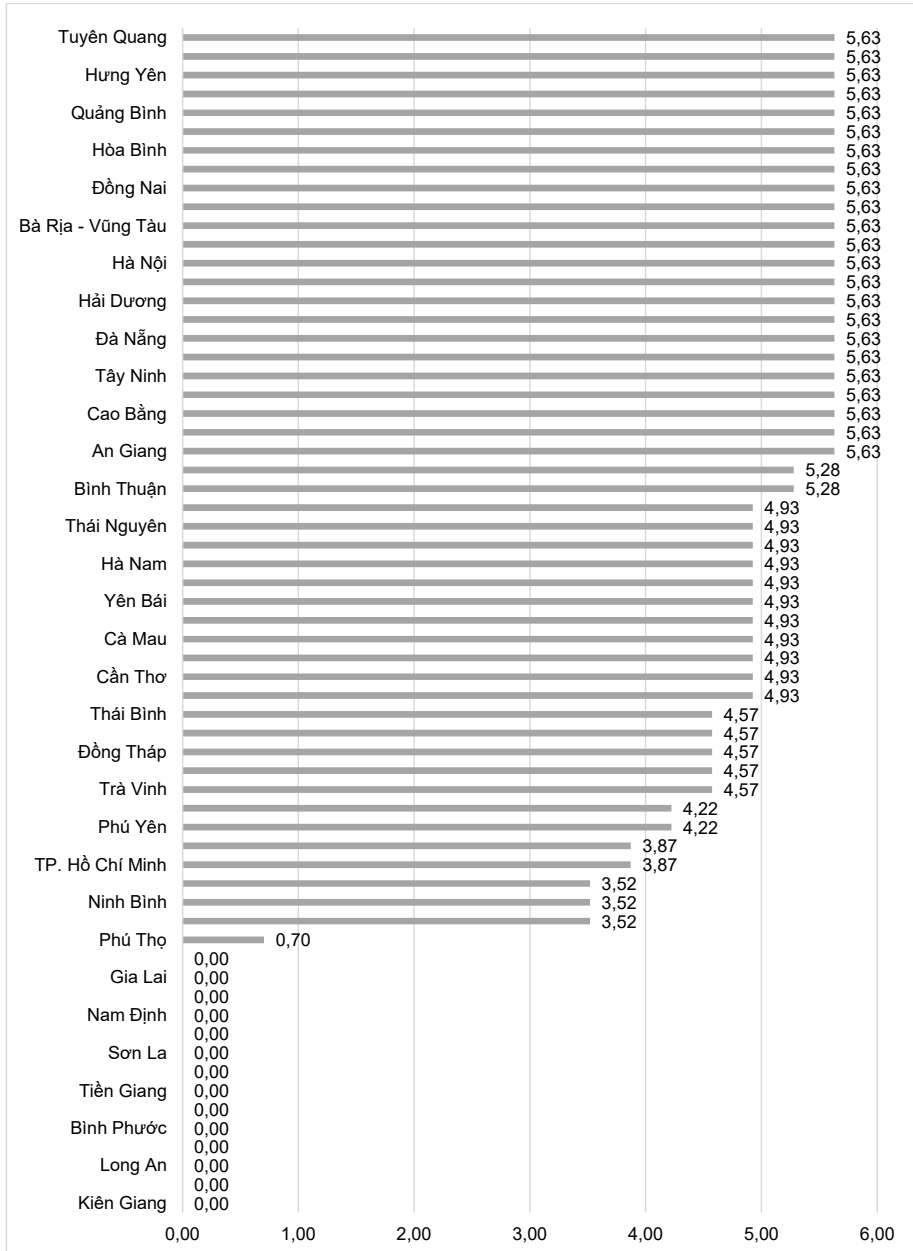
Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH CẢ NĂM 2021

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy chỉ có 49/63 tỉnh/thành phố có công khai tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021, tương đương với kết quả khảo sát POBI 2020. Trong đó, 39/49 tỉnh công bố kèm báo cáo thuyết minh, 47/49 tỉnh có thông tin so sánh với dự toán được duyệt và 46/49 tỉnh có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 là 5,63 điểm. Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy có 23 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Có 14 tỉnh không công khai tài liệu này bao gồm: Kiên Giang, Kon Tum, Long An, Lâm Đồng, Bình Phước, Hậu Giang, Tiền Giang, Lào Cai, Sơn La, Thanh Hóa, Nam Định, Ninh Thuận, Gia Lai và Quảng Nam.

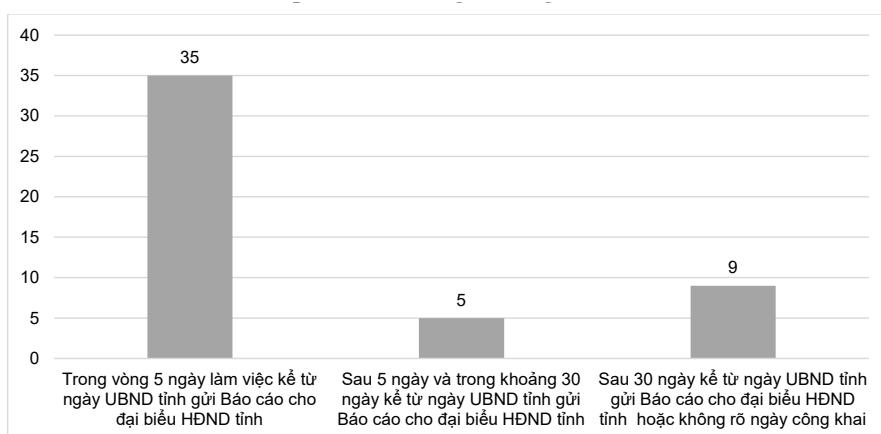
Hình 23: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 theo điểm POBI 2021



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Trong số 49 tỉnh có công bố Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2021, có 35 tỉnh công bố đúng thời hạn trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2021 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (tăng 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Có 5 tỉnh công khai sau 5 ngày và trong khoảng 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2021 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, 9 tỉnh công khai sau 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2021 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc không rõ ngày công khai.

Hình 24: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 phân theo thời gian công khai



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

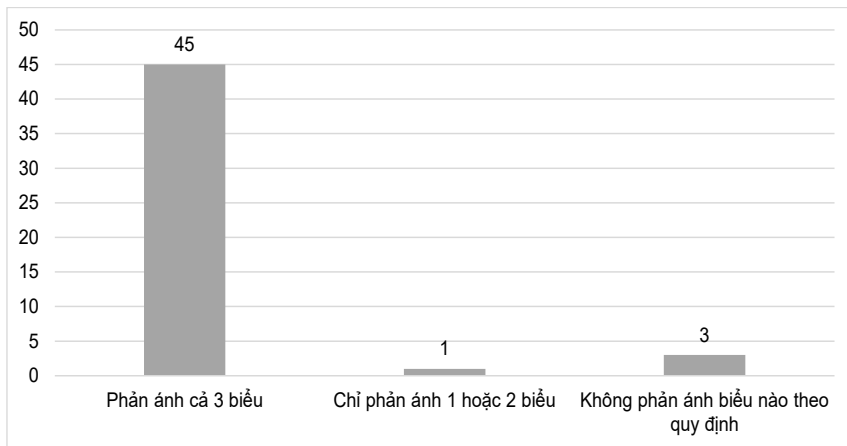
Trong số 49 tỉnh có công bố công khai tài liệu Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, có 45 tỉnh phản ánh đầy đủ cả ba biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2020), một tỉnh phản ánh một hoặc hai biểu và có 3 tỉnh không phản ánh bảng biểu nào theo quy định.

Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2021 của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương năm, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN năm và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách

Phần 2: Kết quả công khai ngân sách tỉnh POBI 2021

địa phương năm. Khảo sát POBI 2021 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương năm 2021. Theo đó, 41 tỉnh (tăng 6 tỉnh so với khảo sát POBI 2020) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, 2 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 6 tỉnh không phản ánh đầy đủ 8 mục lớn theo quy định.

Hình 25: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

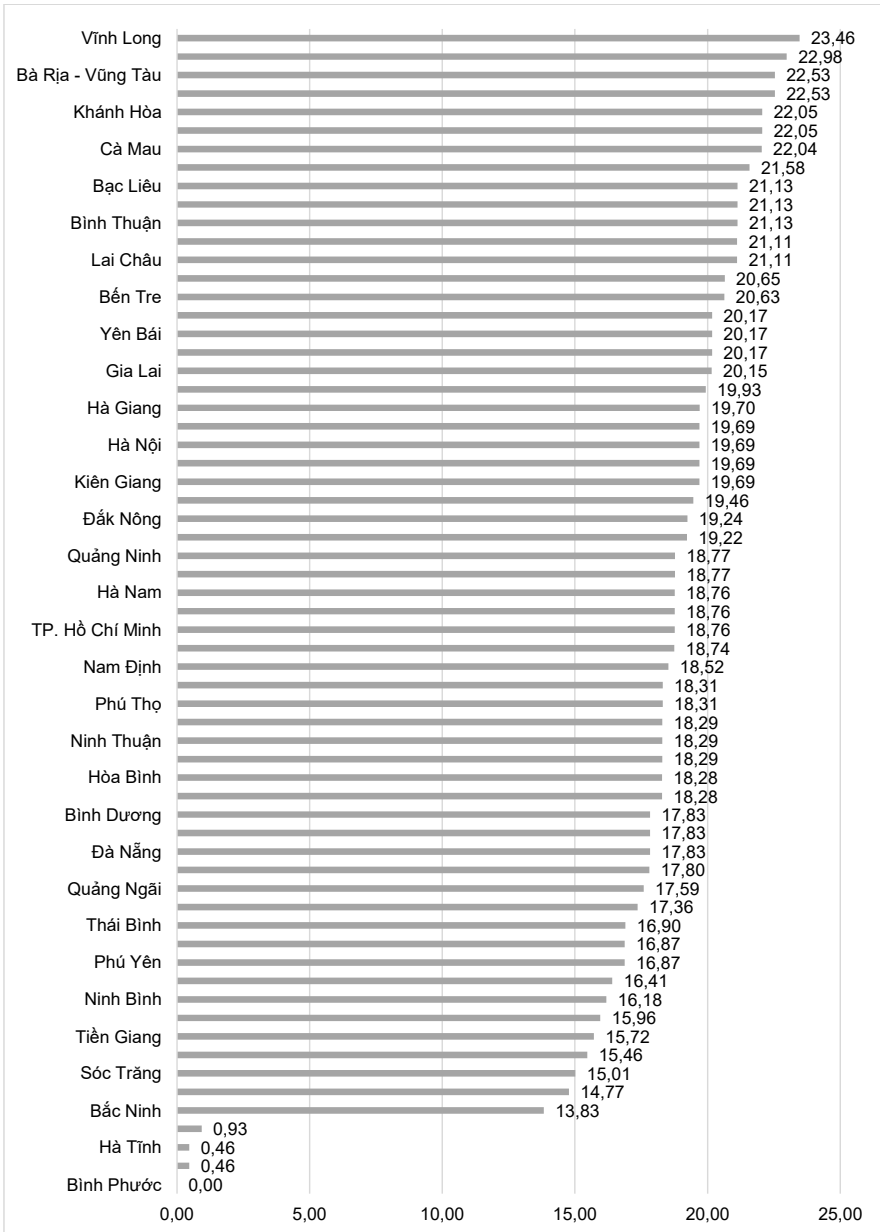
7. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÊ CHUẨN

Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 là tài liệu ngân sách có số lượng các tỉnh công bố công khai tương đối cao. Kết quả khảo sát cho thấy có 59/63 tỉnh thành (93,65%) có công bố công khai loại tài liệu này, tương đương với kết quả khảo sát POBI 2020 đối với quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019. Trong đó, chỉ có 26/59 tỉnh công bố kèm theo báo cáo thuyết minh.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 là 25,35 điểm. Kết quả POBI 2021 cho thấy chưa có tỉnh nào đạt số điểm tối đa đối với tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020. Vĩnh Long là

tỉnh có số điểm cao nhất với 23,46 điểm. Bình Phước, Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh và Tây Ninh là bốn tỉnh không công khai tài liệu này.

Hình 26: Xếp hạng các tỉnh có công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 theo điểm POBI 2021

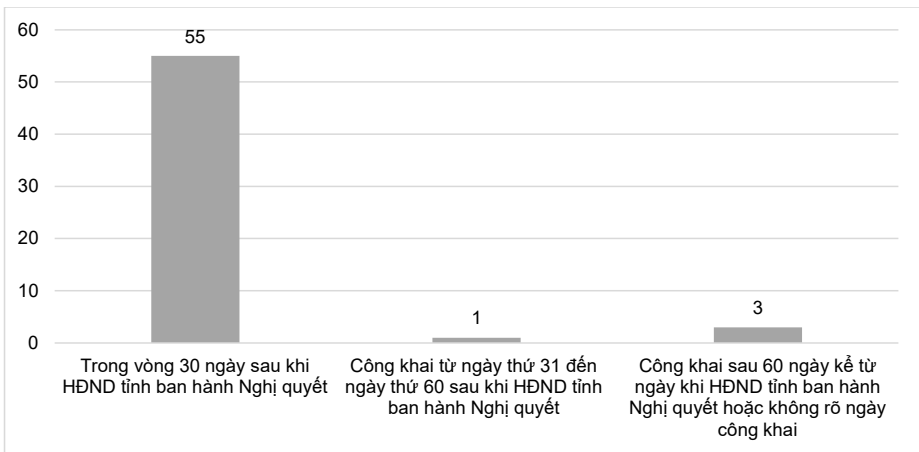


Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Phần 2: Kết quả công khai ngân sách tỉnh POBI 2021

Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 cũng là loại tài liệu có tỉ lệ các tỉnh công bố đúng thời hạn tương đối cao. Có 55 tỉnh công bố tài liệu này đúng hạn là trong vòng 30 ngày sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê chuẩn Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, tăng 5 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2020. Có một tỉnh công khai chậm kể từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60, và 3 tỉnh công khai chậm hơn 60 ngày hoặc không xác định được chính xác thời điểm công khai.

Hình 27: Số tỉnh công bố tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo thời gian công khai

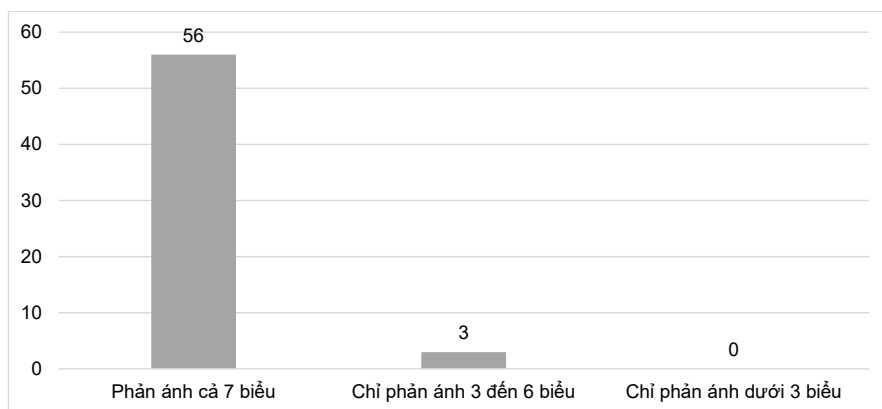


Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Trong số 59 tỉnh công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, có 56 tỉnh phản ánh đầy đủ 07 bảng biểu theo quy định của Thông tư 343, tăng 6 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2020. Có 3 tỉnh phản ánh từ 03 đến 05 biểu và không có tỉnh nào phản ánh dưới 03 biểu.

Tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh theo quy định của Thông tư 343 gồm 07 bảng biểu, từ biểu số 62 đến biểu số 68. Khảo sát POBI 2021 tiến hành chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung của các bảng biểu số 62 – Cân đối ngân sách địa phương năm 2020, biểu số 63 – Quyết toán thu NSNN năm 2020 và biểu số 65 – Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2020.

Hình 28: Số tỉnh công bố tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2021

Đối với biểu số 62 – Biểu Cân đối ngân sách địa phương năm 2020, 52 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Có 3 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 4 tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn theo quy định.

Đối với biểu số 63 – Biểu Quyết toán thu NSNN năm 2020, có 36 tỉnh phản ánh cụ thể các nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tương đương với khảo sát POBI năm 2020. Có 20 tỉnh phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế. Có 3 tỉnh phản ánh các nguồn thu nội địa cụ thể song ít hơn 18 mục nhỏ theo quy định.

Đối với biểu số 65 – Biểu Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2020, có 53 tỉnh phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ (tăng 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2020). Có 6 tỉnh phản ánh đầy đủ 3 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ.

POBI 2021 là năm thứ ba chấm điểm tiêu chí về mức độ tin cậy về các khoản chênh lệch giữa dự toán và quyết toán thu/chi ngân sách đối với cả 4 mục lớn: (i) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo

phân cấp, phản ánh trong Mục A.1 Biểu 62 Thông tư 343; (ii) Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2018, phản ánh trong Mục B.I Biểu 62 Thông tư 343; (iii) Chi đầu tư phát triển, phản ánh trong Mục B.I.1 Biểu 62 Thông tư 343; (iv) Chi thường xuyên, phản ánh trong Mục B.I.2 Biểu 62 Thông tư 343. Ngoài ra, POBI 2021 còn tiến hành chấm điểm tiêu chí mức độ tin cậy đối với dự toán Tổng thu ngân sách của địa phương (Mục A Biểu 62 Thông tư 343). Kết quả cụ thể như sau:

- Đối với dự toán tổng thu ngân sách địa phương: Chỉ có một tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về tổng thu ngân sách tỉnh năm 2020 (giảm 2 tỉnh so với POBI 2020), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2020 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 2 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với tổng quyết toán thu NSDP. Có 3 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với tổng quyết toán thu NSDP. Có tới 53 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch 15% trở lên so với tổng quyết toán thu NSDP hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.

- Đối với dự toán thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: Có 11 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp năm 2020 (tăng 2 tỉnh so với POBI 2020), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2020 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 14 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với tổng quyết toán thu NSDP. Có 10 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với tổng quyết toán thu NSDP. Có 24 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch 15% trở lên so với tổng quyết toán thu NSDP hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.

- Đối với dự toán chi cân đối ngân sách địa phương: Có 23 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi cân đối ngân sách địa phương (tăng 4 tỉnh), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2020 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 12 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương. Có 7 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương.

Có 17 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.

- Đối với dự toán chi đầu tư phát triển: Có 10 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi đầu tư phát triển (tăng 2 tỉnh so với POBI 2020), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2020 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 5 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi đầu tư phát triển. Có 4 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi đầu tư phát triển. Có 40 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi đầu tư phát triển hoặc con số trùng khớp tuyệt đối với dự toán (điều này rất khó có thể xảy ra trên thực tế).

- Đối với dự toán chi thường xuyên: Có 34 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi thường xuyên (tăng 9 tỉnh so với POBI 2020), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2020 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 14 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi ngân sách từ chi thường xuyên. Có 5 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi thường xuyên. Có 6 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi thường xuyên hoặc số liệu dự toán và quyết toán trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.

- Kết quả khảo sát cũng cho thấy trong số 59 tỉnh có công khai tài liệu quyết toán năm 2020, có 41 tỉnh có phần trăm (%) thay đổi giữa quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn so với phần trăm (%) thay đổi của quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2020 so với dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020.

8. BÁO CÁO NGÂN SÁCH DÀNH CHO CÔNG DÂN NĂM 2022

Báo cáo ngân sách công dân là tài liệu không bắt buộc công khai theo Luật NSNN 2015, nhưng cần phải công khai theo thông lệ tốt của

quốc tế. Số lượng các tỉnh công bố báo cáo ngân sách công dân tăng từ 1 tỉnh trong kỳ khảo sát 2018 lên 14 tỉnh trong POBI 2019, năm 2020, số tỉnh có công bố báo cáo ngân sách dành cho công dân là 22 tỉnh. Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy có 20 tỉnh có công bố báo cáo ngân sách dành cho công dân (áp dụng cho dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt), giảm 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2020. Kết quả này cho thấy, các tỉnh cần nỗ lực hơn nữa trong việc duy trì công bố các thông tin theo thông lệ tốt của quốc tế.

Trong số các tỉnh có công khai báo cáo ngân sách dành cho công dân, có 18 tỉnh công khai trong vòng 30 ngày sau khi HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết (tăng 2 tỉnh so với POBI 2020). Có một tỉnh công khai trong khoảng từ 31 đến 60 ngày và có một tỉnh không xác định được rõ ngày công khai tài liệu.

9. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 hay còn gọi là Danh mục dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước năm 2022 là tài liệu được các tỉnh công khai tương đối đầy đủ với 60 tỉnh công khai (tương đương với 95,24%), tăng 9 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2020. Trong số đó, có 36 tỉnh công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Có 7 đơn vị công bố tài liệu ở định dạng PDF nhưng có thể chuyển đổi sang word/excel. Có 17 đơn vị công bố tài liệu ở định dạng PDF scan, không thuận tiện cho việc sử dụng.

10. BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CÔNG CỦA TỈNH NĂM 2021 HOẶC 2022

POBI 2021 cũng chú trọng về việc công khai Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh trong năm 2021 hoặc 2022. Có 30 tỉnh (tương đương 47,62%) công bố tài liệu này, tương đương với khảo sát POBI 2020. Trong số đó có 27 tỉnh (tương đương 42,86%), tăng 4 tỉnh so với POBI 2020, công bố tài liệu và chi tiết (i) Số dư nợ đầu năm (chi tiết theo từng nguồn vay); (ii) Số vay trong năm (chi tiết vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội chi); (iii) Số trả nợ trong năm (chi trả nợ lãi, phí và các chi

phí khác liên quan đến các khoản vay của chính quyền địa phương; chi trả nợ gốc); và (iv) Số dư nợ cuối năm (chi tiết theo từng nguồn vay).

11. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2018, 2019 HOẶC 2020

POBI 2021 là năm thứ hai tiến hành chấm điểm công khai tài liệu Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, áp dụng cho một trong các năm 2018, 2019 hoặc 2020. Kết quả cho thấy có 38 trên tổng số 63 tỉnh có công bố tài liệu này trên các trang TTĐT của tỉnh, tăng 18 tỉnh so với khảo sát POBI 2020.

12. CÁC TÀI LIỆU KHÔNG CHẤM ĐIỂM POBI 2021

Có 05 tài liệu ngân sách không tính điểm trong POBI 2021 nhưng khuyến khích các tỉnh công khai gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024, và (v) Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tổng điểm cho các tài liệu khuyến khích công khai trong POBI 2021 là 500 điểm. Bà Rịa-Vũng Tàu là tỉnh duy nhất đạt điểm tối đa đối với nhóm tài liệu khuyến khích công khai. Trong số các tài liệu không tính điểm, tài liệu được các tỉnh công khai nhiều nhất đó là Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 với 33 tỉnh có công bố. Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 có 29 tỉnh công bố, tài liệu Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 có 26 tỉnh công bố, 20 tỉnh có công bố Báo cáo tài chính của tỉnh và chỉ có 03 tỉnh có công bố kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước trong ít nhất một năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Phần 3

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH CỦA 63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRÊN CẢ NƯỚC

1. TỈNH AN GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH AN GIANG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 14	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 83,3	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh An Giang đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh An Giang đạt **83,3** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **14** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 15 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh An Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5914	83,3
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1216	17,13
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	15,96

¹ Đã tính trọng số.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1365	19,23
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3116	43,89
5. Tính tin cậy	398	5,61
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh An Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trên website của Sở Tài chính tỉnh công khai **07** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/

excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh An Giang đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

- **03** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, tất cả tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

- Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022 không được công khai nên không được chấm điểm tính kịp thời cho tài liệu này.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 11/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu Biểu 39 và Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi của các lĩnh vực chi đầu tư (Biểu số 39/CK-NSNN). Báo cáo có cung cấp biểu 44/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được Trung Ương phân bổ.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có cung cấp biểu 57/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được phân bổ bởi Trung Ương. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/

CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 41,24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 9,21%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 8,14%, chênh lệch giữa quyết

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 26,83%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 4,87%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -48% (giảm 48%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 28%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 28%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (7,33%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 3,58%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (7,33%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đều được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 và 2020; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Công TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Công TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Công TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Công TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- Công TTĐT của HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; có công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Công TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Công TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên công TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

2. TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 1	11/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 5	XẾP HẠNG 1
ĐIỂM XẾP HẠNG 98,59	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 100
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt **98,59** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **1** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	800	11,27
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	7000	98,59
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1600	22,54
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1300	18,31

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1600	22,54
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	12,68
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3700	52,11
5. Tính tin cậy	600	8,45
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 8 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo

tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những

thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình

mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 95,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 22%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 21%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 29,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 8,8%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 5,4% (tăng 5,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số giảm so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh tăng so với dự toán tổng chi thường xuyên là -29,7% (giảm 29,7%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 7,7% (tăng 7,7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhanh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 8%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 14%% (tăng 14%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 tăng so với 2021 (giảm 8%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (05/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và đã nhận được phản hồi vào ngày 21/01/2022.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân. Ngoài ra, UBND tỉnh có ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để kết nối thông tin với nhân dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và có công khai báo cáo giám sát về ngân sách, báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh và biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh có sử dụng 3 kênh truyền thông để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019.

3. TỈNH BẮC KẠN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẮC KẠN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 46	07/11 tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 65,1	06 tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bắc Kạn đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Kạn đạt **65,1** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **46** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 14 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bắc Kạn phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4622	65,10
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	33	0,46
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	932	13,13

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	375	5,28
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	375	5,28
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1632	22,99
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	500	7,04
2. Tính kịp thời	400	5,63
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	2023	28,49
5. Tính tin cậy	700	9,86
6. Tính liên tục	199	2,80

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Bắc Kạn, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh cũng có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.

- Định dạng của tài liệu: Đối với các tài liệu mà tỉnh có công khai thì đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn đã công khai **07/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 và Danh mục đầu tư công năm 2022.

- **04** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số **07** tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 và Danh mục đầu tư công năm 2022.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 12/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58, thiếu biểu 57) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng mục E Tổng mức vay của NSDP thiếu chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-

NSNN phản ánh thiếu mục chi khoa học công nghệ, thể dục thể thao, bảo vệ môi trường. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng thuế bảo vệ môi trường không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên mục A.I công khai không theo mẫu Thông tư 343. Các biểu không hoàn toàn giống biểu mẫu Thông tư 343, nhiều khoản được thêm vào, nhưng không có tổng hợp số liệu về Thu cân đối NSNN (mục A.I- biểu 59 theo mẫu Thông tư 343).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên mục A.I công khai không theo mẫu Thông tư 343. Các biểu không hoàn toàn giống biểu mẫu Thông tư 343, nhiều khoản được thêm vào, nhưng không có tổng hợp số liệu về Thu cân đối NSNN (mục A.I- biểu 59 theo mẫu Thông tư 343).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số

59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên mục A.I công khai không theo mẫu Thông tư 343. Các biểu không hoàn toàn giống biểu mẫu Thông tư 343, nhiều khoản được thêm vào, nhưng không có tổng hợp số liệu về Thu cân đối NSNN (mục A.I- biểu 59 theo mẫu Thông tư 343).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN), tuy nhiên không chi tiết mục nhỏ thuế bảo vệ môi trường, thu phí, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 26%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 4%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -1% (giảm 1%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 8%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 9%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 6%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục ba năm.

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh không công khai năm 2021, 2022.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) không công khai năm 2018.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kế hoạch kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

4. TỈNH BẮC GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẮC GIANG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 12	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 83,76	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bắc Giang đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Giang đạt **83,76** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **12** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 19 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bắc Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5947	83,76
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1366	19,24

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,48
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	350	4,93
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1332	18,76
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3148	4,34
5. Tính tin cậy	299	4,21
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Bắc Giang nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật.

Website của HĐND tỉnh cũng có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.

- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- **01** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **10** tài liệu ngân sách được công khai, có **10** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên mục A.I công khai không theo mẫu Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên mục A.I công khai không theo mẫu Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên mục A.I công khai không theo mẫu Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên mục A.I công khai không theo mẫu Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN), tuy nhiên không chi tiết theo sắc thuế khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 31%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 26%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 16%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 7%.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 12% (tăng 12%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 0,4%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 8%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (14%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 19%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (14%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đều được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kế hoạch kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên

cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

5. TỈNH BẠC LIÊU

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẠC LIÊU NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 25	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 79,79	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bạc Liêu đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bạc Liêu đạt **79,79** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **25** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 15 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bạc Liêu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5665	79,79
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	966	13,61
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,48

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1500	21,13
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	2632	37,07
5. Tính tin cậy	633	8,92
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Bạc Liêu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Bạc Liêu có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND, tuy nhiên thư mục này không thể truy cập được.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 07 tài liệu ngân sách được công khai, tất cả các tài liệu đều được công khai kịp thời.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh không kèm thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Tuy nhiên, Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của

Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Tuy nhiên, Biểu số 68 không có thông tin so sánh chênh lệch giữa số liệu chi đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp trong dự toán và quyết toán.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 56,84%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 3,15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 0,15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 0,36%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 2,09%.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 1,37% (tăng 1,37%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi mức thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 là -14,6% (giảm 14,6%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 67,86 (tăng 67,76%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng mạnh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 3,3%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -21,1% (giảm 21,2%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 tăng 3,3%.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm (2022-2024) và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm (2021-2025).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020 và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 nhưng không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Bạc Liêu không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

6. TỈNH BẮC NINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẮC NINH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 33	09/11 tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 5	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 73,68	07 tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bắc Ninh đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Ninh đạt **73,68** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **33** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bắc Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5231	73,68
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1166	16,42
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	983	13,85

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	300	4,23
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	982	13,83
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	2632	37,07
5. Tính tin cậy	299	4,21
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Bắc Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Công TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh cũng có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, trừ Quyết toán 2020 đã được duyệt được công khai dưới dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện cho việc chuyển đổi và sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh đã công khai **09/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020

- **02** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **07** tài liệu ngân sách được công khai, cả **07** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Danh mục đầu tư công năm 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

- Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022 không được công khai nên không được chấm điểm tính kịp thời.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Thuyết minh có nêu căn

cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Báo cáo này phản ánh 8/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu biểu 39, 41, 43, 44, 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 11/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58, thiếu biểu 54, 57) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên công khai không theo mẫu Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên công khai không theo mẫu Thông tư 343.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, tuy nhiên công khai không theo mẫu Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 bảng biểu theo quy định nhưng không có các thông tin so sánh với dự toán được duyệt và cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo Quyết toán ngân sách năm 2020: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo chỉ phản ánh 3-6 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 58%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 58%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 82%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 16%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 9% (giảm 9%). Trong khi tổng chi thường xuyên giảm 35%. Như vậy có thể thấy chi thường xuyên cho y tế giảm nhưng giảm thấp hơn so với tổng chi thường xuyên. Như vậy là phù hợp với việc ưu tiên chi ngân sách cho lĩnh vực y tế.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là -7%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 53%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt đều được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 không được công khai.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Tỉnh Bắc Ninh không công khai tất cả **05** tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; có công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND nhưng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

7. TỈNH BẾN TRE

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẾN TRE NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 10	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 6
ĐIỂM XẾP HẠNG 84,48	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bến Tre đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bến Tre đạt **84,48** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **10** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bến Tre phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	600	8,45
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5998	84,48
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1250	17,61
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	983	13,85

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1465	20,63
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3100	43,66
5. Tính tin cậy	398	5,61
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bến Tre, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trên website của Sở Tài chính tỉnh công khai **07** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán

ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020. Có **01** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bến Tre đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022 và Danh mục đầu tư công năm 2022.

- **02** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, tất cả tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 và Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 12/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu Biểu 44) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 12/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58, thiếu Biểu 57) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 58,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 6,52%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 9,26%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 61,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -4,7%.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -31% (giảm 31%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (tăng 127%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là -14%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (18%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 57%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (18%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đều được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Sở Tài chính tỉnh Bến Tre không công khai tất cả 05 tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 20/01/2022 và nhận được phản hồi email của tỉnh trong vòng 2 ngày (vào ngày 22/01/2022).

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND. Tuy nhiên, HĐND có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên, chuyên đề; báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh. Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021). Cả HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

8. TỈNH BÌNH ĐỊNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 24	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 80,03	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bình Định đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Định đạt **80,03** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **24** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 17 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bình Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5682	80,03
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1150	16,20
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	999	14,07

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1233	17,37
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	2983	42,01
5. Tính tin cậy	199	2,80
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bình Định, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bình Định đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo

tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể nhưng không được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 17/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa, thiếu thu thuế sử dụng đất nông nghiệp. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ.

Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 66,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 37,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 31,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 92,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 1,9%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -0,34% (giảm 0,34%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số giảm so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh tăng so với dự toán tổng chi thường xuyên (tăng 22,7%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 8.6% (tăng 8,6%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 11,1%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là -7,1%% (giảm 7,1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 tăng so với 2021 (tăng 11,1%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (01/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (04/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân. Tuy nhiên, UBND tỉnh có ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh Bình Định để kết nối thông tin với nhân dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

Trên cổng TTĐT của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

9. TỈNH BÌNH DƯƠNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 21	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 32
ĐIỂM XẾP HẠNG 81,68	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 43,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bình Dương đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Dương đạt **81,68** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **21** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 11 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bình Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	350	4,93
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5799	81,68
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1200	16,90
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1233	17,37

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1266	17,83
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3300	46,48
5. Tính tin cậy	199	2,80
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Bình Dương, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai

ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bình Dương đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực

hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39 phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52 phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48 phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu

về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63). Biểu số 65 phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 72%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 20%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 34%, chênh lệch giữa quyết toán

và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 40%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 12%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -21,67% (giảm 21,67%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (giảm 11,12%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 6,2% (tăng 6,2%). Thay đổi này chưa là phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 13%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 32%% (tăng 32%). Thay đổi này là phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số tăng nhanh hơn so mức thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 28%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không công khai các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (00/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và nhận được phản hồi sau 15 ngày kể từ ngày gửi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách, báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh và biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh có sử dụng 2 kênh truyền thông để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

10. TỈNH BÌNH PHƯỚC

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 63	01/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 5	XẾP HẠNG 48
ĐIỂM XẾP HẠNG 5,15	0 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 31,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ÍT	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bình Phước đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Phước đạt **5,15** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **63** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **không thay đổi về hạng** so với kết quả chấm POBI 2020..

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bình Phước phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	250	3,52
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	366	5,15
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	33	0,46
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	0	0,00

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	0	0,00
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	100	1,41
2. Tính kịp thời	0	0,00
3. Tính thuận tiện	233	3,28
4. Tính đầy đủ	0	0,00
5. Tính tin cậy	0	0,00
6. Tính liên tục	33	0,46

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bình Phước, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Tuy nhiên, thư mục chỉ được phân thành 2 nhóm (i) dự toán và quyết toán và (ii) Tình hình thực hiện theo quý. Các báo cáo chấm điểm cho POBI 2021 hầu như vẫn chưa được cập nhật vào thời điểm khảo sát.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 01/01 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng. Các tài liệu được công khai bằng định dạng pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang dạng word/excel, gồm Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh Bình Phước đã công khai 01/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 10 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính kịp thời đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính đầy đủ đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính tin cậy đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai năm 2020.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt năm 2020, 2021 và 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh 2018, 2019 và 2020 đều không được công khai trong cả 3 năm.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (01/05 tài liệu): Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (04/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới trang Facebook và Zalo chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách quyết toán ngân sách năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp, chỉ có thư mục góp ý.

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

11. TỈNH BÌNH THUẬN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 27	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 78,17	04 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	03 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Bình Thuận đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Thuận đạt **78,17** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **27** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 25 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Bình Thuận phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5550	78,17
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1150	16,20
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1000	14,08

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	375	5,28
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	375	5,28
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1500	21,13
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	400	5,63
3. Tính thuận tiện	750	10,56
4. Tính đầy đủ	3200	45,07
5. Tính tin cậy	300	4,23
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bình Thuận, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trên website của Sở Tài chính tỉnh công khai **05** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân

sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh năm 2022, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020. Có **02** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF để dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận đã công khai **08/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 và Danh mục đầu tư công năm 2022.

- **03** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **07** tài liệu ngân sách được công khai, có **04** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **04** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

- **03** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện

ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh đủ 13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo có cung cấp biểu 44/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được Trung Ương phân bổ.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh đủ 13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có cung cấp biểu 57/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được Trung Ương phân bổ. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh và không phản ánh 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo không phản ánh những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh và không phản ánh 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343.

Phần 3: Kết quả chi số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

Báo cáo không phản ánh những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh và không phản ánh 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo không phản ánh những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 88,46%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 16%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 0,91%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 23,59%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -2,14%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 22% (tăng 22%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 12%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đều được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

- Công khai các tài liệu được khuyến khích.

Tỉnh Bình Thuận có công khai Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025. Tỉnh không công khai **04** tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kế hoạch kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/ báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp

HĐND. HĐND cũng không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề trên cổng TTĐT của HĐND.

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo giám sát về ngân sách; báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh và không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và cổng TTĐT của Sở Tài chính đều công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính không có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

12. TỈNH CÀ MAU

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 17	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 5	XẾP HẠNG 32
ĐIỂM XẾP HẠNG 82,37	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 43,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Cà Mau đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Cà Mau đạt **82,37** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **17** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Cà Mau phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	350	4,93
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5848	82,37
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1100	15,49
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	15,96

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1565	22,04
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	450	6,34
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3066	43,18
5. Tính tin cậy	532	7,49
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Cà Mau, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự

thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Cà Mau đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời, 01 tài liệu không được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình

hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 01 tài liệu được công khai quá chậm là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343.

Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 33,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 8,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

phương năm 2020 của tỉnh là 3,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 11,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 2,8%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 11,77% (tăng 11,77%). Thay đổi này là phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số tăng so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh giảm so với dự toán tổng chi thường xuyên (giảm 10,67%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 36,76% (tăng 36,76%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 3,16%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là -3,20% (giảm 3,20%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 tăng so với 2021 (tăng 3,16%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh và Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới trang Facebook chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- Trên cổng TTĐT HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp, nhưng link thư mục bị lỗi không thể truy cập.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

13. THÀNH PHỐ CẦN THƠ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 53	07/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 57
ĐIỂM XẾP HẠNG 52,17	03 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 18,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy thành phố Cần Thơ đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Cần Thơ đạt **52,17** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **53** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 thành phố Cần Thơ phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	150	2,11
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	3704	52,17
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	982	13,83
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	66	0,93

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	375	5,28
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1098	15,46
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,75
2. Tính kịp thời	275	3,87
3. Tính thuận tiện	483	6,80
4. Tính đầy đủ	1965	27,68
5. Tính tin cậy	232	3,27
6. Tính liên tục	199	2,80

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND thành phố Cần Thơ, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung. Tuy nhiên, phần lớn các tài liệu công khai ngân sách được công khai chủ yếu trên website của UBND tỉnh.

- Trên website của UBND và Sở Tài chính thành phố công khai **04** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh năm 2022, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021. Có **01** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ đã công khai **07/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục dự án đầu tư công năm 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

- **04** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **05** tài liệu ngân sách được công khai, có **03** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **03** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

- **02** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021 và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 12/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu Biểu 44 và Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh 17/18 mục chi tiết theo loại thuế về các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa. Báo cáo có cung cấp biểu 44/CK-NSNN, mặc dù ngân sách chưa được phân bổ bởi Trung Ương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt chưa được thành phố Cần Thơ công khai trên website của UBND thành phố và Sở Tài chính thành phố.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 chưa được thành phố Cần Thơ công khai trên website của UBND thành phố và Sở Tài chính thành phố.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ cả 7 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 105,44%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là -5,24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là -12,04%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là -17,54%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -4,23%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -24% (giảm 24%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 15%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh chỉ được công khai năm 2022.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai năm 2020 và 2021.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp từ năm 2018, 2019 và 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ chi công khai kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/ báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND. Tuy nhiên, HĐND có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên, chuyên đề; báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND; biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng). Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp trên cổng TTĐT của Sở, nhưng không thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

14. TỈNH CAO BẰNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH CAO BẰNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 5	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 48
ĐIỂM XẾP HẠNG 91,31	8 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 31,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Cao Bằng đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Cao Bằng đạt **91,31** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **5** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **không thay đổi về hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Cao Bằng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	250	3,52
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	6483	91,31
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1450	20,42
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1233	17,37

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1500	21,13
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	3550	50,00
5. Tính tin cậy	433	6,10
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Cao Bằng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Cao Bằng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

- Các tài liệu được công bố trên TTĐT của sở Tài chính tỉnh Cao Bằng đều có định dạng word hoặc excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh.

Tính đầy đủ của các tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Thuyết minh báo cáo có ưu tiên cho y tế và kèm số liệu chứng minh. Báo cáo phản ánh 12/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45, thiếu biểu 36) theo hướng

dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 06 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 22%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là -1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 2%.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là 27,4% (tăng 27,4%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 5,8%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là -21,6% (giảm 21,6%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 5,8%).

Tính liên tục của các tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019, 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022 – 2024.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 – 2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được.

- Thời gian phản hồi/trả lời email của Sở tài chính tỉnh trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không thể sử dụng được.

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021, sở Tài chính tỉnh còn sử dụng từ 3 kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

15. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 6	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 1	XẾP HẠNG 4
ĐIỂM XẾP HẠNG 88,94	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 100	ĐIỂM XẾP HẠNG 81,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy thành phố Đà Nẵng đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Đà Nẵng đạt **88,94** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **6** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 thành phố Đà Nẵng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	600	8,45
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	650	9,15
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	6315	88,94
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1516	21,35
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	15,96

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1266	17,83
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	550	7,75
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3432	48,34
5. Tính tin cậy	333	4,69
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của thành phố theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND thành phố Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND thành phố Đà Nẵng có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2021 hoặc 2022.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND thành phố phê duyệt và Báo cáo ngân sách công dân năm 2022.

- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình HĐND thành phố.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình HĐND thành phố có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Tuy nhiên, thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương và kèm theo số liệu thuyết minh, ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội và kèm theo số liệu thuyết minh. Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế (mục thu phí, lệ phí). Báo cáo cũng công khai kèm theo dự toán các quỹ ngoài ngân sách.

- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND thành phố phê duyệt phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố cả năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND thành phố phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Tuy nhiên, Biểu số 63 có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng không chi tiết theo loại thuế.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của thành phố là 38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của thành phố là 23%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của thành phố là 34%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của thành phố là 34%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2020 của thành phố là 3%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 62,21% (tăng 62,21%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi mức thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 là -3,38% (giảm 3,38%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 201,96% (tăng 201,96%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng mạnh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 88,67%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 35,48% (tăng 35,48%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 88,67%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố

phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố đều được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của thành phố năm 2020, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 3 năm (2022-2024) và Kế hoạch tài chính thành phố 5 năm (2021-2025).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2022 và Kết quả kiểm toán ngân sách thành phố năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, thời gian phản hồi của Sở là sau một ngày khi nhận được email đề nghị cung cấp thông tin.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính thành phố có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND thành phố.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính thành phố có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố để trao đổi với người dân (Facebook, Google+, Twitter).

- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2021 và báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND thành phố Đà Nẵng công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND thành phố, có báo cáo giám sát ngân sách tuy nhiên không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có thư mục hỏi đáp nhưng yêu cầu đăng nhập, không đăng nhập được. Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính thành phố có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của thành phố năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính thành phố sử dụng 03 kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính thành phố không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

16. TỈNH ĐẮK LẮK

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 38	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 6
ĐIỂM XẾP HẠNG 68,62	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Đắk Lắk đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đắk Lắk đạt **68,62** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **38** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 24 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Đắk Lắk phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	600	8,45
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4872	68,62
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	466	6,56
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,48

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	325	4,58
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1432	20,17
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	475	6,69
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	2299	32,38
5. Tính tin cậy	465	6,55
6. Tính liên tục	233	3,28

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Đắk Lắk, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Trên website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **06** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **06** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- **01** tài liệu được công khai không kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh chỉ 6 biểu (bao gồm các biểu số 33; biểu số 36; biểu số 37; biểu số 40; biểu số 41 và biểu số 42) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52 phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa, tuy nhiên không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63). Biểu số 65 phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 22,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 5,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 3,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 20%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 5,5%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -4,6% (giảm 4,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh là -5,8% (giảm 5,8%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là -5,17% (giảm 5,17%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 11,1%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là -32,7% (giảm 32,7%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm nhanh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 11,1%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh **không** công khai các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (00/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và đến nay chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/ báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

17. TỈNH ĐẮK NÔNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 43	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 63	XẾP HẠNG 52
ĐIỂM XẾP HẠNG 67,1	03 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 8,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 02 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Đắk Nông đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đắk Nông đạt **67,1** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **43** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Đắk Nông phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	50	0,70
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	200	2,82
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4764	67,10
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1016	14,31
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	782	11,01

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	300	4,23
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	275	3,87
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	300	4,23
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	325	4,58
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1366	19,24
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	325	4,58
3. Tính thuận tiện	300	4,23
4. Tính đầy đủ	2841	40,01
5. Tính tin cậy	432	6,08
6. Tính liên tục	266	3,75

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Đắk Nông, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Đắk Nông có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh, khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2022.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 07 tài liệu ngân sách được công khai, có 03 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 03 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 04 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo chỉ phản ánh từ 7-12 biểu (thiếu các biểu 55, 56, 57 và 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN chỉ phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các

dự toán chi đầu tư cho 11 lĩnh vực theo quy định, thiếu mục chi cho bảo vệ môi trường. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn theo quy định nhưng không đầy đủ chi tiết theo các mục nhỏ.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 35%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 27%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 1%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 12% (giảm%). Thay đổi này là phù hợp do quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh giảm so với dự toán tổng chi thường xuyên là 17%.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 2,87% (giảm 2,87%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 2,73%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 56,53% (giảm 56,53%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm mạnh trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 chỉ giảm nhẹ so với 2021 (giảm 2,73%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Trong 03 năm 2020, 2021 và 2022, Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai năm 2020.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 02 năm 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 05 tài liệu không tính điểm POBI 2021, không có tài liệu nào được công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin, tuy nhiên email này báo lỗi, không thể gửi được.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Đắk Nông không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

18. TỈNH ĐIỆN BIÊN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 9	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 48
ĐIỂM XẾP HẠNG 84,93	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 31,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Điện Biên đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Điện Biên đạt **84,93** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **9** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Điện Biên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	250	3,52
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	6030	84,93
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1116	15,72
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1032	14,54

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1432	20,17
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3032	42,7
5. Tính tin cậy	398	5,61
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Điện Biên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Điện Biên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

- Các tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh Điện Biên đều có định dạng word hoặc excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 06 tháng đầu năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

- 01 loại tài liệu ngân sách không được công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh.

Tính đầy đủ của các tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư

343. Báo cáo có thể hiện ưu tiên chi cho ASXH nhưng không kèm số liệu thuyết minh. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế (thiếu thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết). Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 5 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo các loại thuế (thiếu mục Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết). Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ các khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 33%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 20%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 8%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 8,5% (tăng 8,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (tăng 1,4%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2022 được HĐND quyết định so với năm 2021 là 12,3% (tăng 12,3%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 15%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2022 được HĐND quyết định so với năm 2021 là 13,8% (tăng 13,8%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 (tăng 15%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019, 2020) **được công khai trong ba năm liên tiếp.**

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh

năm 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022 – 2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 - 2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email có thể sử dụng được.

- Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi email đề nghị cung cấp thông tin theo địa chỉ được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính nhưng không nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính của tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

√ Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính của tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.
- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không thể sử dụng được.
- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính của tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

19. TỈNH ĐỒNG NAI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 28	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 24
ĐIỂM XẾP HẠNG 77,52	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 56,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Đồng Nai đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đồng Nai đạt **77,52** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **28** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 11 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Đồng Nai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	450	6,34
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5504	77,52
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	949	13,37
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1132	15,94

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	325	4,58
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1298	18,28
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	450	6,34
3. Tính thuận tiện	875	12,32
4. Tính đầy đủ	2814	39,63
5. Tính tin cậy	365	5,14
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Đồng Nai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 07/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022. 01/08 tài liệu được công khai ở dạng pdf, dễ dàng chuyển đổi sang word/excel là Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **06** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **06** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- **01** tài liệu được công khai không kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai có kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN chỉ phản ánh 8/12 nội dung các dự toán chi đầu tư cho lĩnh vực theo quy định, thiếu chi khoa học và công nghệ, chi phát thanh, truyền hình và thông tấn, chi thể dục thể thao và chi các hoạt động kinh tế. Biểu 35/CK NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, và Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN chỉ phản ánh 8/12 nội dung các dự toán chi đầu tư cho lĩnh vực theo quy định, thiếu chi khoa học và công nghệ, chi phát thanh, truyền hình và thông tấn, chi thể dục thể thao và chi các hoạt động kinh tế. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa, nhưng Thu từ khu vực

DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, và Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm nhưng không so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN), nhưng Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, và Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 148,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 25,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 14,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 14,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 8,8%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 1,47% (tăng 1,47%). Thay đổi này là phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số tăng so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh giảm so với dự toán tổng chi thường xuyên (giảm 71,5%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là -8,59 (giảm 8,59). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 13,55%).

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là -22,67% (giảm 22,67%). Thay đổi này là không phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm mạnh hơn so mức thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 13,55%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh **không** công khai các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (00/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 nhưng không nhận được phản hồi sau 30 ngày kể từ ngày gửi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình

kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, không có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND có công khai thư mục hỏi đáp, tuy nhiên phải đăng nhập để sử dụng.

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

20. TỈNH ĐỒNG THÁP

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 51	07/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 5	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 57,14	05 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Đồng Tháp đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đồng Tháp đạt **57,14** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **51** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Đồng Tháp phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4057	57,14
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	0	0,00
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1016	14,31

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	350	4,93
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	325	4,58
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1266	17,83
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	475	6,69
2. Tính kịp thời	350	4,93
3. Tính thuận tiện	700	9,86
4. Tính đầy đủ	2099	29,56
5. Tính tin cậy	233	3,28
6. Tính liên tục	200	2,82

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Đồng Tháp, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Đồng Tháp không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2022.

- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 06 tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 04 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 (không rõ ngày công khai).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đầy đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Tuy

nhiên, Biểu số 46 phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn nhưng các mục nhỏ không đúng theo quy định của Thông tư 343. Biểu số 48 phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt có kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Tuy nhiên, Biểu số 63 có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo sắc thuế (mục thu phí, lệ phí và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 51%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

4%. Không có dữ liệu tính toán chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh và chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh.

- Không có dữ liệu tính toán thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số để so sánh với thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 là 8,7% (tăng 8,7%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 22,72% (tăng 22,72%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng mạnh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 7,35%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 0% (không đổi). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này bằng 0 trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 tăng 7,35%.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh không được công khai trong cả 03 năm 2020, 2021 và 2022.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong cả 03 năm 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm (2022-2024).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm (2021-2025).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới 01 loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Đồng Tháp có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, tuy nhiên không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

21. TỈNH GIA LAI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH GIA LAI NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 34	07/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 5	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 72,83	04 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Gia Lai đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Gia Lai đạt **72,83** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **34** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Gia Lai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5171	72,83
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1166	16,42
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	999	14,07

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	375	5,28
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1431	20,15
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,75
2. Tính kịp thời	375	5,28
3. Tính thuận tiện	550	7,75
4. Tính đầy đủ	2898	40,82
5. Tính tin cậy	498	7,01
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Gia Lai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 04/07 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự

thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021. Có 03/07 loại tài liệu được công khai dưới dạng scan pdf và khó chuyển đổi để tái sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; và Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2022.

- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **04** tài liệu được công khai kịp thời, 2 tài liệu không được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **04** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện

ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- **02** tài liệu được công khai không kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai có kèm báo cáo thuyết minh, thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) và kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Báo cáo phản ánh đủ 13 biểu (Từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh theo quy định của Thông tư 343/2016/TT - BTC. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh toàn bộ các nội dung của 12 lĩnh vực chi đầu tư theo quy định hay không (Biểu 39/CK NSNN). Báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế, các khoản thu từ phí lệ phí địa phương không chi tiết theo huyện, xã. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (biểu 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa, nhưng khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế, các khoản thu từ phí lệ phí địa phương không chi tiết theo huyện, xã. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện, nhưng Trung ương chưa phân bổ dự toán kinh phí năm 2022 (Biểu số 57/CK-NSNN).

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ, nhưng khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 20%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 2%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 8,49% (tăng 8,49%). Thay đổi này là phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số tăng so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh giảm so với dự toán tổng chi thường xuyên là (giảm 2,00%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 9,07% (tăng 9,07%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 10,72%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 28,71% (tăng 28,71%). Thay đổi này là phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số tăng nhanh hơn so mức thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 10,72%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp. Riêng Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai trong hai năm (năm 2021 và 2022)

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh công khai **01/05** tài liệu khuyến khích được công là: Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- 04/05 tài liệu khuyến khích không được công khai bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng). Tuy nhiên, có mục trả lời cử tri và được tính là thư mục hỏi đáp.

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

22. TỈNH HÀ GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÀ GIANG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 39	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 68,27	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Hà Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hà Giang đạt **68,27** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **39** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Hà Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4847	68,27
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	799	11,25
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	849	11,96

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	350	4,93
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1399	19,70
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	700	9,86
4. Tính đầy đủ	2014	28,37
5. Tính tin cậy	633	8,92
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Hà Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 07/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai

ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt. 01/08 tài liệu được công khai bằng định dạng pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang dạng word/excel, bao gồm: Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND, tuy nhiên thư mục rỗng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hà Giang đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022 và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 07 tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán

ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể nhưng không được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh 10/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu số 39, 44 và 45. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Tuy nhiên, Biểu số 35/CK-NSNN chỉ phản ánh 16/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn, thiếu thu thuế sử dụng đất nông nghiệp và thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 10/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu số 52, 57, 58. Báo cáo được công khai bằng file pdf dạng scan, khó chuyển sang định dạng word/ excel. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định cấu thành (17 mục), thiếu thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 14%, chênh lệch giữa quyết toán và dự

toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 29%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 1%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 22% (tăng 22%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (tăng 14%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 56% (tăng 56%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 8%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 13% (tăng 13%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 8%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022), và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (02/05 tài liệu): Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (03/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

23. TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÀ NAM NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 50	09/11 tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 26
ĐIỂM XẾP HẠNG 57,59	06 tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 50
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Hà Nam đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hà Nam đạt **57,59** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **50** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Hà Nam phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	400	5,63
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4089	57,59
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	716	10,08
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	66	0,93

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	325	4,58
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	350	4,93
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1332	18,76
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	475	6,69
3. Tính thuận tiện	600	8,45
4. Tính đầy đủ	1782	25,10
5. Tính tin cậy	266	3,75
6. Tính liên tục	266	3,75

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Hà Nam, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.

- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hà Nam đã công khai **09/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022, Danh mục đầu tư công năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- **02** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **09** tài liệu ngân sách được công khai, có **08** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **08** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022, Danh mục đầu tư công năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- **01** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 10/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu biểu 38, 39, 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh thiếu 1 khoản mục thu (khoản 18 - thu hồi vốn, cổ tức) và không chi tiết theo sắc thuế các khoản thu Phí BVMT; Phí lệ phí; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Báo cáo phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN), tuy nhiên không chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 72%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 18%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 128%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 0%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 67% (tăng 67%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 18%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) có được công khai trong ba năm liên tiếp.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không công khai năm 2022, chỉ công khai năm 2020, 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kế hoạch kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

24. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 19	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 32
ĐIỂM XẾP HẠNG 82,11	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 43,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy thành phố Hà Nội đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Hà Nội đạt **82,11** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **19** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 thành phố Hà Nội phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	350	4,93
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5830	82,11
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	966	13,61
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,01

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1398	19,69
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	2732	38,48
5. Tính tin cậy	498	7,01
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của thành phố theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND thành phố Hà Nội, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính thành phố có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND thành phố phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND thành phố có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính thành phố Hà Nội đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND thành phố thành phố phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND thành phố phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND thành phố phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND thành phố phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình HĐND thành phố: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh không giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 10/12 lĩnh vực theo quy định, không phản ánh khoản chi cho giao thông và chi cho nông-lâm nghiệp. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia nhưng không theo hướng dẫn của Thông tư 343.

- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 10/12 lĩnh vực theo quy định không phản ánh khoản chi cho giao thông và chi cho nông-lâm nghiệp. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh

nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia nhưng không theo hướng dẫn của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy

định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của thành phố là 91,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của thành phố là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của thành phố là 14,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của thành phố là 5,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2020 là 7,1%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 11,7% (tăng 11,7%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố so với dự toán tổng chi thường xuyên (tăng 24,5%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 27,8% (tăng 27,8%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 5,5%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 12,7% (tăng 7,1%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 5,5%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND thành phố (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của thành phố; Báo cáo tài chính của thành phố năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách thành phố của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của thành phố; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 03 năm 2022-2024

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính thành phố không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND thành phố.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính thành phố không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND thành phố có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND thành phố có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND thành phố.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND thành phố không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính thành phố có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng). Nhưng trên cổng thông tin điện tử của Sở tài chính không sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của thành phố năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND thành phố, Sở Tài chính phố không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính thành phố không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

25. TỈNH HÀ TĨNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 62	01/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 26
ĐIỂM XẾP HẠNG 9,14	01 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 50
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ÍT	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Hà Tĩnh đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hà Tĩnh đạt **9,14** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **62** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Hà Tĩnh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	400	5,63
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	649	9,14
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	0	0,00
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	66	0,93

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	250	3,52
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	33	0,46
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	50	0,70
2. Tính kịp thời	50	0,70
3. Tính thuận tiện	350	4,93
4. Tính đầy đủ	100	1,41
5. Tính tin cậy	0	0,00
6. Tính liên tục	99	1,39

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hà Tĩnh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung. Tuy nhiên, các mục tài liệu sắp xếp lẫn lộn, gây khó khăn cho việc tìm kiếm tài liệu, ngoài ra, tên tài liệu không để thống nhất, mỗi năm đều có 1 cách để tên tài liệu khác nhau.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Hà Tĩnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh đã công khai 01/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

- 10 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 01 tài liệu ngân sách được công khai, có 01 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 01 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 0/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343, thiếu Biểu số 59, Biểu số 60, Biểu số 61. Báo cáo không có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

Tỉnh Hà Tĩnh không công khai Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt. Do đó, không có số liệu để đánh giá tính tin cậy của các tài liệu của tỉnh Hà Tĩnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm trình HĐND tỉnh không được công khai 3 năm liên tiếp (2020, 2021, 2022). Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh được công khai năm 2020, 2021, thiếu năm 2022. HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh chỉ công khai năm 2018, thiếu năm 2019, 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024), Kế hoạch tài chính 05 năm (2021-2025).
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.
- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, có công khai Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Hà Tĩnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, có công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

26. TỈNH HẢI DƯƠNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 16	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 6
ĐIỂM XẾP HẠNG 82,8	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Hải Dương đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hải Dương đạt **82,8** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **16** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 12 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Hải Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu¹

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	400	5,63
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5879	82,90
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1282	18,06
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1199	16,89

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1198	16,87
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3214	45,27
5. Tính tin cậy	265	3,73
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hải Dương, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Hải Dương có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

- Các tài liệu được công bố trên TTĐT của sở Tài chính tỉnh Cao Bằng đều có định dạng word hoặc excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hải Dương đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- 02 loại tài liệu ngân sách không được công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022 của tỉnh và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo không nêu rõ ưu tiên chi ngân sách cho ASXH, chỉ phán ánh 12/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45, thiếu biểu 39) theo hướng dẫn của Thông tư

343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định cấu thành (thiếu mục Thuế bảo vệ môi trường và Thu phí, lệ phí không ghi rõ chi tiết theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho tất cả các lĩnh vực theo quy định của Thông tư 343 (12 lĩnh vực chi đầu tư). Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo các loại thuế (không chi tiết theo sắc thuế khoản Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết). Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách

được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế (trong mục Thu phi, lệ phi không ghi rõ theo quy định của Thông tư 343). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ cả 3 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 105%, chênh lệch giữa quyết toán và dự

toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 85%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 7%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -8,1% (giảm 8,1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 0,6%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là 7,3% (tăng 7,3%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (giảm 33,3%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là -43% (giảm 43%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (giảm 33,3%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019, 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022 – 2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 – 2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email có thể sử dụng được.

- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở là sau 30 ngày hoặc không có phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

- HĐND tỉnh có công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

27. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 36	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 45	XẾP HẠNG 52
ĐIỂM XẾP HẠNG 70,27	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 25	ĐIỂM XẾP HẠNG 25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy thành phố Hải Phòng đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Hải Phòng đạt **70,27** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **36** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 thành phố Hải Phòng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu¹

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	150	2,11
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	200	2,82
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4989	70,27
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	599	8,44
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	915	12,89

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	325	4,58
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	325	4,58
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	275	3,87
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1600	22,54
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	550	7,75
4. Tính đầy đủ	2106	29,66
5. Tính tin cậy	633	8,92
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND thành phố Hải Phòng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính thành phố Hải Phòng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

- 5 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

- 3 tài liệu được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel), không thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính thành phố Hải Phòng đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp

tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, chỉ phản ánh 4/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45, thiếu biểu 33, 34, 37, 38, 39, 41, 43, 44 và 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế (trong mục Thuế bảo vệ môi trường và Thu phí, lệ phí không ghi rõ theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo chỉ phản ánh 11/13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58, có biểu 52 và biểu 58 nhưng không có số liệu). Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo loại thuế (trong mục Thuế bảo vệ môi trường, Thu phí, lệ phí và Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không ghi rõ theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so

sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, chỉ phản ánh 2 biểu theo quy định của Thông tư 343, thiếu biểu số 59. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh 2 biểu theo quy định của Thông tư 343, thiếu biểu số 59. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh 2 biểu theo quy định của Thông tư 343, thiếu biểu số 59. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) không phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn theo quy định (thiếu mục Bội chi/Bội thu NSDP và thiếu mục Chi các chương trình mục tiêu quốc gia). Biểu 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ cả 3 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 35%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là -13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là -6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -7%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -9,2% (giảm 9,2%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 30,5%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là -73,1% (giảm 73,1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (giảm 48,2%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là -23,5% (giảm 23,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (giảm 48,2%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019, 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022 – 2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021 – 2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email có thể sử dụng được.

- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở là sau 30 ngày hoặc không có phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính của tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

28. TỈNH HẬU GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HẬU GIANG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 37	07/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 26
ĐIỂM XẾP HẠNG 70,11	05 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 50
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Hậu Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hậu Giang đạt **70,11** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **37** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, tăng **1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Hậu Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	400	5,63
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4978	70,11
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1082	15,24
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	932	13,13

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1264	17,80
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,75
2. Tính kịp thời	400	5,63
3. Tính thuận tiện	850	11,97
4. Tính đầy đủ	2468	37,30
5. Tính tin cậy	332	4,68
6. Tính liên tục	198	2,79

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Hậu Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Hậu Giang có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND, tuy nhiên thư mục này yêu cầu quyền truy cập.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2022.

- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Tuy nhiên, thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương nhưng không kèm

theo số liệu thuyết minh, ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội nhưng không kèm theo số liệu thuyết minh. Thuyết minh cũng không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Biểu số 35 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế (mục 14 thu từ xổ số kiến thiết).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đầu đủ 13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Báo cáo có kèm thuyết minh nhưng chưa thể hiện việc ưu tiên chính sách chi cho lĩnh vực ASXH. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế (mục 14 thu từ xổ số kiến thiết).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Tuy nhiên, Biểu số 62 phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn nhưng không chi tiết theo các mục nhỏ (cụ thể là mục B Tổng chi NSĐP).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 6,21%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 14,24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 2,37%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 27,73%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 10,05%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -4,53% (giảm 4,53%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 17,46%).

- Không đủ dữ liệu tính toán thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2022 và năm 2021, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 và năm 2021, và thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 và năm 2021 do tỉnh không công khai Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công khai trong 02 năm 2020 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm (2021-2025).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm (2022-2024).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên thời gian phản hồi của Sở là sau 30 ngày kể từ ngày gửi hoặc không phản hồi.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Hậu Giang có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, tuy nhiên không công khai báo cáo giám sát về ngân sách và biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

29. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 42	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 13	XẾP HẠNG 48
ĐIỂM XẾP HẠNG 67,55	04 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 58,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 31,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	03 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy Thành phố Hồ Chí Minh đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của Thành phố Hồ Chí Minh đạt **67,55** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **42** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 Thành phố Hồ Chí Minh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	350	4,93
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	250	3,52
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4796	67,55
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	866	12,20
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	882	12,42

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	350	4,93
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	275	3,87
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1332	18,76
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	166	2,34
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	466	6,56
3. Tính thuận tiện	700	9,86
4. Tính đầy đủ	2298	32,37
5. Tính tin cậy	432	6,08
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của Thành phố theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND Thành phố Hồ Chí Minh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND, tuy nhiên thư mục này là thư mục rỗng, không có nội dung.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình HĐND Thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND Thành phố phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND Thành phố phê duyệt và Báo cáo ngân sách công dân năm 2022.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Kế hoạch Đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 04 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 04 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình HĐND Thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND Thành phố phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND Thành phố phê duyệt.

- 04 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo ngân sách công dân năm 2022.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình HĐND Thành phố có kèm theo thuyết minh, phản ánh 10/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343 (thiếu Biểu số 39, 44 và 45). Thuyết minh Báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương nhưng không kèm theo số liệu thuyết minh; không ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội; không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 03 năm (2022-2024). Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế (cụ thể là mục 14 Thu từ xổ số kiến thiết).

- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 đã được HĐND Thành phố phê duyệt phản ánh 10/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343 (thiếu Biểu số 52, 57 và 58). Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế (cụ thể là mục 14 Thu từ xổ số kiến thiết).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định (cụ thể là mục A không đúng chi tiết như quy định của TT 343).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định (cụ thể là mục A không đúng chi tiết như quy định của TT 343).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2021 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03/03 biểu theo hướng

dẫn của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định (cụ thể là mục A không đúng chi tiết như quy định của TT 343).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố cả năm 2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định (cụ thể là mục A không đúng chi tiết như quy định của TT 343).

- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2020 đã được HĐND Thành phố phê duyệt có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Tuy nhiên, Biểu số 62 không phản ánh đầy đủ 06 mục lớn theo quy định (thiếu mục C).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của thành phố là 87,39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của thành phố là 12,97%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của thành phố là 30,48%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của thành phố là 7,44%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2020 của thành phố là 13,11%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 26,13% (tăng 26,13%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 giảm 10,43%.

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 215,94% (tăng 215,94%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng mạnh hơn so với mức

tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 88,12%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 156,9% (tăng 156,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng mạnh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 88,12%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố trình HĐND Thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố đã được HĐND Thành phố phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố đều được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Trong số 05 tài liệu không chấm điểm POBI 2021, không có tài liệu nào được công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, thời gian phản hồi của Sở là trong vòng từ ngày thứ 16 đến ngày thứ 30 kể từ ngày gửi.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính Thành phố có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND Thành phố.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính Thành phố có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Google+, Twitter).

- Trên cổng TTĐT của HĐND Thành phố không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ Thành phố trình kỳ họp HĐND Thành phố tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND Thành phố tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND Thành phố Hồ Chí Minh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND Thành phố.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính Thành phố có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của Thành phố năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính Thành phố còn sử dụng 1-2 kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính Thành phố không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

30. TỈNH HÒA BÌNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÒA BÌNH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 18	11/11 tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 52
ĐIỂM XẾP HẠNG 82,34	06 tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Hoà Bình đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hoà Bình đạt **82,34** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **18** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Hòa Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	200	2,82
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5846	82,34
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1066	15,01
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1132	15,94

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	375	5,28
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1298	18,28
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	12,68
2. Tính kịp thời	550	7,75
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	2998	42,23
5. Tính tin cậy	298	4,20
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Hòa Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.

- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình đã công khai **11/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **08** tài liệu ngân sách được công khai, có **06** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **06** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 và Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022.

- **02** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021,

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343.

Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy

đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN), tuy nhiên không chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 11%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 21%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 4%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -12% (giảm 12%). Thay đổi này là chưa

phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 0%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 1%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 16%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) có được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kế hoạch kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên

cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp, trên cổng TTĐT Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

31. TỈNH HƯNG YÊN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 35	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 52
ĐIỂM XẾP HẠNG 72,03	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Hưng Yên đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hưng Yên đạt **72,03** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **35** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Hưng Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	200	2,82
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5114	72,03
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	982	13,83
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	982	13,83

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1300	18,31
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	650	9,15
4. Tính đầy đủ	2664	37,52
5. Tính tin cậy	400	5,63
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hưng Yên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Hưng Yên không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Riêng Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021, và Kế hoạch Đầu tư công năm 2022 được công khai ở định dạng PDF scan, khó chuyển sang dạng word/excel, không thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022,

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh kèm theo thuyết minh, phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343, thiếu Biểu số 39. Thuyết minh Báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương; không ưu tiên chi ngân sách cho y tế; không ưu tiên chi ngân sách cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội; không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đủ 12/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343, thiếu Biểu số 52. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, tuy nhiên mục thu phí nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 64%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 27%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 21%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 82%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 0%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 16,95% (tăng 16,95%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 9,59%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 31,96% (tăng 31,96%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 11,17%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 21,56% (tăng 21,56%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 11,17%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 03 năm 2018, 2019, 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024), Kế hoạch tài chính 05 năm (2021-2025).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Hưng Yên không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, Biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

32. TỈNH KHÁNH HÒA

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 2	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 2
ĐIỂM XẾP HẠNG 92,69	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 87,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Khánh Hòa đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Khánh Hòa đạt **92,69** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **2** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 42 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Khánh Hòa phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	700	9,86
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	6581	92,69
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1566	22,06
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1199	16,89

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1566	22,06
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	850	11,97
4. Tính đầy đủ	3700	52,11
5. Tính tin cậy	499	7,03
6. Tính liên tục	232	3,27

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Khánh Hòa, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai

ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt. Riêng Danh mục dự án Đầu tư công 2022 được công khai ở dạng pdf nhưng thuận tiện cho việc chuyển đổi, tái sử dụng.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; và Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực

hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 51%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là -22%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là -8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là -2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -2%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -5,8% (giảm 5,8%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 20%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là -79% (giảm 79%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 65%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là -17% (giảm 17%). Thay đổi này là phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm ít hơn so với tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 65%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Chỉ có Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai cho năm 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (02/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân. Tuy nhiên, UBND tỉnh có ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh Khánh Hòa để kết nối thông tin với nhân dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên chuyên đề và có công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không có khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính không sử dụng kênh truyền thông để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

33. TỈNH KIÊN GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 48	06/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 59
ĐIỂM XẾP HẠNG 59,8	3 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 12,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Kiên Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Kiên Giang đạt **59,8** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **48** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Kiên Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	100	1,41
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4246	59,8
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	982	13,83
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,42

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1398	19,69
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	9,86
2. Tính kịp thời	300	4,23
3. Tính thuận tiện	700	9,86
4. Tính đầy đủ	1814	25,55
5. Tính tin cậy	532	7,49
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Kiên Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trên website của Sở Tài chính tỉnh công khai **03** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel,

thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh năm 2022, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang đã công khai **06/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 và Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- **05** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, tất cả tài liệu được công khai kịp thời.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 11/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu Biểu 34 và Biểu 39) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo có cung cấp biểu 44/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được Trung Ương phân bổ.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có cung cấp biểu 57/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được phân bổ bởi Trung Ương. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 63,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là -4,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 10,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -3,1%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số tăng 17,5%. Thay đổi này là phù hợp. Mức

thay đổi này tăng cao, trong khi mức thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 giảm 21%.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là -2,22%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhẹ hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (-3,8%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 17,78%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn, trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt giảm so với năm 2021 (-3,8%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đều được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Đối với các tài liệu khuyến khích, trong số 5 tài liệu thì tỉnh Kiên Giang chỉ công khai một tài liệu đó là Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và cũng không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên, chuyên đề; báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND; báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh; biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Trên cổng TTĐT của HĐND và của Sở Tài chính tỉnh đều không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

34. TỈNH KON TUM

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KON TUM NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 32	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 73,8	03 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Kon Tum đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Kon Tum đạt **73,8** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **32** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 18 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Kon Tum phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5240	73,80
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1200	16,90
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1016	14,31

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	350	4,93
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1299	18,30
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	50	0,70
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	325	4,58
3. Tính thuận tiện	750	10,56
4. Tính đầy đủ	2900	40,85
5. Tính tin cậy	265	3,73
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Kon Tum, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trên website của Sở Tài chính tỉnh công khai **05** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/

excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh năm 2022, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020. Có **01** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Kon Tum đã công khai **09/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019.

- **02** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **03** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND tỉnh và HĐND tỉnh; **03** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **03** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

- **03** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực

hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021 và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 11/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu Biểu 41) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo có cung cấp biểu 44/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được Trung Ương phân bổ.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh đủ 13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh

đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 31,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là -16,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 6,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 48,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 3%.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -1,98% (giảm 1,98%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 10,94%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 5,35%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (6,43%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 4,21%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (6,43%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đều được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020, Kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2022

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 và Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên

cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên, chuyên đề; báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng). Tuy nhiên, Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp trên cổng TTĐT của Sở.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019.

35. TỈNH LAI CHÂU

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LAI CHÂU NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 3	11/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 5	XẾP HẠNG 24
ĐIỂM XẾP HẠNG 91,99	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 56,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Lai Châu đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lai Châu đạt **91,99** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **3** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 18 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Lai Châu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	450	6,34
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	6531	91,99
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1366	19,24
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,42

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1499	21,11
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	12,68
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3232	45,52
5. Tính tin cậy	599	8,44
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lai Châu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai

ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Lai Châu đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Danh mục dự án Đầu tư công 2022; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình

thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và có minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng khoản thu từ xổ số kiến thiết không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa nhưng thu từ xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và

các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 31%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 5%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 7,89% (tăng 7,89%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh so với dự toán tổng chi thường xuyên (tăng 0,89%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 8,32% (tăng 8,32%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 0,09%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 0,78% (tăng 0,78%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 0,09%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh và Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng trên cổng thông tin điện tử của HĐND không sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

36. TỈNH LÂM ĐỒNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 59	04/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 37,75	02 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Lâm Đồng đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lâm Đồng đạt **37,75** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **59** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Lâm Đồng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	2680	37,75
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	66	0,93
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	716	10,08

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1398	19,69
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	400	5,63
2. Tính kịp thời	200	2,82
3. Tính thuận tiện	300	4,23
4. Tính đầy đủ	1116	15,72
5. Tính tin cậy	398	5,61
6. Tính liên tục	266	3,75

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lâm Đồng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục có nội dung cập nhật và có thể lọc tài liệu theo từng năm, từng loại. Tuy nhiên, vẫn còn tài liệu chưa được phân vào thư mục, hoặc được phân vào nhầm thư mục, có thể dẫn đến sai sót nếu tìm kiếm bằng bộ lọc.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 03/03 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng. Các tài liệu được công khai bằng định dạng pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng đã công khai 04/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- 07 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022 và Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 02 tài liệu ngân sách được công khai, có 02 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 02 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu số 57. Báo cáo được công khai bằng file pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Mục thu nội địa của Biểu 48/CK-NSNN kèm theo Quyết định số 2992/QĐ-UBND có 16 khoản thu, thiếu dòng 17- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác và dòng 18-Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo được công khai bằng file pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tuy nhiên khoản thu phí lệ phí không chi tiết theo tỉnh, huyện (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 37,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 4,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 7,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 9,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 8,2%.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 10,09% (tăng 10,09%). Thay đổi này là phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số tăng so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh giảm so với dự toán tổng chi thường xuyên (giảm 14,26%).

- Do tài liệu dự toán năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không được công khai nên không có dữ liệu để tính toán và so sánh mức thay đổi của dự toán tổng chi thường xuyên, chi thường xuyên cho y tế và dân số và chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chi được công khai liên tục trong 2 năm 2020 và 2021.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020 và 2022.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (02/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (03/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách quyết toán ngân sách năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

37. TỈNH LẠNG SƠN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 7	11/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 12
ĐIỂM XẾP HẠNG 85,52	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 68,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Lạng Sơn đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lạng Sơn đạt **85,52** điểm quy đổi, xếp hạng thứ 7 trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 9 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Lạng Sơn phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	550	7,75
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	6072	85,52
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1166	16,42
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,48

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	375	5,28
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1532	21,58
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	12,68
2. Tính kịp thời	525	7,39
3. Tính thuận tiện	750	10,56
4. Tính đầy đủ	3132	44,11
5. Tính tin cậy	465	6,55
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lạng Sơn, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Lạng Sơn không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Riêng Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021 được công khai ở định dạng PDF để dàng chuyển đổi sang định dạng word/excel.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 11 tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022.

- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh kèm theo thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Thuyết minh Báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương; không ưu tiên chi ngân sách cho y tế; không ưu tiên chi ngân sách cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội; không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, tuy nhiên mục thu phí, lệ phí và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, tuy nhiên mục thu phí, lệ phí và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 chỉ phản ánh 03/04 mục lớn, thiếu mục Chi trả nợ gốc theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 01/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343 (thiếu Biểu số 60, Biểu số 61). Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 18,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 10,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 2,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 0,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 5,3%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -10,80% (giảm 10,80%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (tăng 17,49%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 55,98% (tăng 55,98%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 34,95%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 17,62% (tăng 17,62%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 34,95%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 03 năm 2018, 2019, 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024), Kế hoạch tài chính 05 năm (2021-2025).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

HĐND tỉnh Lạng Sơn có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, nhưng không thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

38. TỈNH LÀO CAI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LÀO CAI NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 61	03/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 45	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 32,59	0 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 25	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 02 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Lào Cai đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lào Cai đạt **32,59** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **61** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 20 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Lào Cai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	150	2,11
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	2314	32,59
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	100	1,41
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	599	8,44

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1165	16,41
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	300	4,23
2. Tính kịp thời	0	0,00
3. Tính thuận tiện	450	6,34
4. Tính đầy đủ	765	10,77
5. Tính tin cậy	499	7,03
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Lào Cai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT Sở Tài chính tỉnh Lào Cai có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

- Các tài liệu được công khai trên cổng TTĐT Sở Tài chính của tỉnh đều có định dạng PDF nhưng dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Lào Cai đã công khai 03/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- 08 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, không có tài liệu nào được công khai kịp thời. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn đều không được công khai kịp thời.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 8/13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58, thiếu biểu 49, 52, 53, 57 và 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ của 5 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, chỉ phản ánh 6/7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68, thiếu biểu 66) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 6 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo không phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 11%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là -11%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 27%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -16%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -10,5% (giảm 10,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 35,2%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là -21,4% (giảm 21,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (giảm 7,9%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là -81,1% (giảm 81,1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao

hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (giảm 7,9%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019, 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022 – 2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 – 2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin nhưng email báo lỗi và không thể gửi được.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính của tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính của tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính của tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính của tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

39. TỈNH LONG AN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LONG AN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 56	07/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 26
ĐIỂM XẾP HẠNG 46	02 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 50
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ	03 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Long An đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Long An đạt **46** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **56** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 5 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Long An phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	400	5,63
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	3266	46
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	650	9,15
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	33	0,46

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	325	4,58
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	300	4,23
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	275	3,87
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	15,96
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	6,34
2. Tính kịp thời	275	3,87
3. Tính thuận tiện	425	5,99
4. Tính đầy đủ	1650	23,24
5. Tính tin cậy	133	1,87
6. Tính liên tục	233	3,28

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Long An, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung. Tuy nhiên, phần lớn các tài liệu công khai ngân sách được công khai chủ yếu trên website của UBND tỉnh.

- UBND tỉnh công khai **01** loại tài liệu được chăm sóc về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng,

bao gồm: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021. Có **02** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dễ dàng đọc hoặc chuyển dạng định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021. Có **02** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Long An đã công khai **07/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022 và Kế hoạch vốn đầu tư công 2022, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- **04** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **02** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND tỉnh và HĐND tỉnh; **03** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **02** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

- **03** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện

ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 07/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu Biểu 35, 38, 41, 44 và 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho tất cả các lĩnh vực theo quy định (12 lĩnh vực chi đầu tư) trong Biểu số 39/CK-NSNN.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 78,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 17,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 44,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -0,2%.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chỉ được công khai trong năm 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh Long An không công khai tất cả **05** tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và cũng không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên, chuyên đề và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách không và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp. Tuy nhiên, Sở Tài chính tỉnh không có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) trên cổng TTĐT của Sở.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

40. TỈNH NAM ĐỊNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 52	06/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 26
ĐIỂM XẾP HẠNG 52,89	05 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 50
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Nam Định đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Nam Định đạt **52,89** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **52** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Nam Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	400	5,63
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	3755	52,89
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	66	0,93
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	799	11,25

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	375	5,28
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	375	5,28
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1315	18,52
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	450	6,34
2. Tính kịp thời	350	4,93
3. Tính thuận tiện	525	7,39
4. Tính đầy đủ	1799	25,34
5. Tính tin cậy	365	5,14
6. Tính liên tục	266	3,75

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Nam Định, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 06/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công

khai ở dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bình Định đã công khai 06/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 05 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách

tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh không được công khai.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo chỉ phản ánh 10 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu 54,56,57. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 15/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa, thiếu thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được

duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo không được công khai.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng thu từ xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 32%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 22%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 4%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 5,18% (tăng 5,18%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh so với dự toán tổng chi thường xuyên (tăng 25,45%).

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 15,83% (tăng 15,83%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 21,63%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 14,91% (giảm 14,91%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 tăng so với 2021 (tăng 21,63%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022) công khai 2 năm 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 20/01/2022 nhưng không nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

41. TỈNH NGHỆ AN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NGHỆ AN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 22	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 4	XẾP HẠNG 4
ĐIỂM XẾP HẠNG 81,31	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 75	ĐIỂM XẾP HẠNG 81,25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Nghệ An đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Nghệ An đạt **81,31** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **22** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Nghệ An phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	450	6,34
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	650	9,15
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5773	81,31
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1066	15,01
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,48

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	375	5,28
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1333	18,77
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	475	6,69
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	2932	41,30
5. Tính tin cậy	366	5,15
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Nghệ An, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bình Định đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán

ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 01 tài liệu công khai muộn: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh không giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng thu từ xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa nhưng thu từ xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về

ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN).

Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 67%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 4%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 54,34% (giảm 54,34%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh tăng so với dự toán tổng chi thường xuyên (tăng 48,02%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 31,38% (tăng 31,38%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 11,05%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 0,06% (giảm 7,1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 11,05%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh

phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (05/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và nhận được phản hồi vào ngày 24/2/2020 (trong vòng 25 ngày làm việc).

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND không công khai thư mục hỏi đáp, nhưng có mục ý kiến cử tri và được tính là thư mục hỏi đáp; cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng một số các kênh truyền thông để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân như tuyên truyền trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Tài chính; đài truyền hình Nghệ An, trang mạng xã hội Facebook của Sở Tài chính và HĐND tỉnh.

Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

42. TỈNH NINH BÌNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NINH BÌNH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 47	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 64,73	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Ninh Bình đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Ninh Bình đạt **64,73** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **47** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 38 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Ninh Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4596	64,73
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	899	12,66
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1032	14,54

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	225	3,17
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	225	3,17
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	250	3,52
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	250	3,52
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1149	16,18
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	550	7,75
3. Tính thuận tiện	566	7,97
4. Tính đầy đủ	2315	32,61
5. Tính tin cậy	266	3,75
6. Tính liên tục	199	2,80

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Ninh Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia theo loại tài liệu và theo năm, nhưng hầu hết các tài liệu đều không xem hoặc tải được. Ngoài ra, tài liệu trình HĐND thì để nhầm ở mục tài liệu được HĐND quyết định và tài liệu được HĐND quyết định thì để nhầm ở mục tài liệu trình HĐND.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Ninh Bình có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND, tuy nhiên thư mục rỗng, không có nội dung.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022.

- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 09 tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022

- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: , Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh kèm theo thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343.

Thuyết minh Báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương; không ưu tiên chi ngân sách cho y tế; không ưu tiên chi ngân sách cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội; không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, tuy nhiên mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, tuy nhiên mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 0/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343, thiếu Biểu số 59, Biểu số 60, Biểu số 61. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 0/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343, thiếu Biểu số 59, Biểu số 60, Biểu số 61. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 0/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343, thiếu Biểu số 59, Biểu số 60, Biểu số 61. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 0/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343, thiếu Biểu số 59, Biểu số 60, Biểu số 61. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 62 phản ánh đầy đủ 06/06 mục lớn, tuy nhiên mục Tổng mức vay của NSĐP không chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 63 phản ánh 17/18 nhóm thu, thiếu mục Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 145,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 109,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 25,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 186,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 1,7%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 13,40% (tăng 13,40%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 8,19%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 33,69% (giảm 33,69%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (giảm 3,64%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -5,60% (giảm 5,60%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (giảm 3,64%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh chi công khai 01 năm là năm 2022.

Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022. Báo cáo quyết toán ngân sách chỉ công khai năm 2019, 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kế hoạch tài chính 05 năm (2021-2025).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024)

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Ninh Bình có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

sách và Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

43. TỈNH NINH THUẬN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NINH THUẬN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 40	09/11 tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 6
ĐIỂM XẾP HẠNG 68,03	06 tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Ninh Thuận đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Ninh Thuận đạt **68,03** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **40** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 15 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Ninh Thuận phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	600	8,45
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4830	68,03
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	716	10,08
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1015	14,30

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1299	18,30
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	750	10,56
2. Tính kịp thời	450	6,34
3. Tính thuận tiện	750	10,56
4. Tính đầy đủ	2382	33,55
5. Tính tin cậy	266	3,75
6. Tính liên tục	232	3,27

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Ninh Thuận, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.

- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận đã công khai **09/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- **02** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số **09** tài liệu ngân sách được công khai, có **06** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh **08/13** biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu biểu 33, 35, 39, 41, 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo

cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 12/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58, thiếu biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo sắc thuế khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Báo cáo phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN), tuy nhiên khoản thu phí, lệ phí không chi tiết theo tỉnh, huyện mà gộp chung là phí, lệ phí do địa phương thu. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 59%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 12%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 34%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 106%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 33% (tăng 33%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 7%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 21%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (12%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là -10%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (12%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) có được công khai trong ba năm liên tiếp.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không được công khai năm 2020, chỉ công khai năm 2021, 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kế hoạch kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Công TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; có công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND nhưng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Công TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

44. TỈNH PHÚ THỌ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 49	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 57
ĐIỂM XẾP HẠNG 57,73	05 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 18,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 02 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Phú Thọ đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Phú Thọ đạt **57,73** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **49** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 19 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Phú Thọ phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	150	2,11
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4099	57,73
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	200	2,82
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	949	13,37

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	50	0,70
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1300	18,31
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	350	4,93
3. Tính thuận tiện	650	9,15
4. Tính đầy đủ	1866	26,28
5. Tính tin cậy	333	4,69
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Phú Thọ, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Phú Thọ không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh không được công khai theo hướng dẫn của TT 343.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: phản ánh 11/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343 Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 không được công khai theo hướng dẫn của TT 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 33%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 37%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 380%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 3%.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 13,91% (tăng 13,91%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 18,25%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 11,29% (tăng 11,29%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 7,79%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -14,07% (giảm 14,07%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 7,79%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 03 năm 2018, 2019, 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Kế hoạch tài chính 05 năm (2021-2025).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng

được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, có công khai Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Phú Thọ không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách và Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được, nhưng trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, nhưng không thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

45. TỈNH PHÚ YÊN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 55	07/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 59
ĐIỂM XẾP HẠNG 49,96	03 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 12,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Phú Yên đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Phú Yên đạt **49,96** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **55** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Phú Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	100	1,41
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	3547	49,96
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	33	0,46
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	916	12,90

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	300	4,23
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	275	3,87
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	225	3,17
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	300	4,23
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1198	16,87
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	425	5,99
2. Tính kịp thời	300	4,23
3. Tính thuận tiện	275	3,87
4. Tính đầy đủ	1882	26,51
5. Tính tin cậy	432	6,08
6. Tính liên tục	233	3,28

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Phú Yên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Yên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Phú Yên có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND, tuy nhiên thư mục này yêu cầu người xem đăng nhập.

- Trong số các tài liệu được công khai, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai ở định dạng PDF dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2022 được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh, khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Phú Yên đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2022.

- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 06 tài liệu ngân sách được công khai, có 03 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 03 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 03 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 (không rõ ngày công khai) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343, thiếu Biểu số 57. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 không kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Tuy nhiên, Biểu số 63 có phản ánh các nguồn

thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng không chi tiết theo từng loại thuế. Có biểu số 68 phản ánh các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 8,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 46,42%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 32,78%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 49,63%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 9,8%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -4,72% (giảm 4,72%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 9,13%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 9,45% (tăng 9,45%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng mạnh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 0,38%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 1,85% (tăng 1,85%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng mạnh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 0,38%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai năm 2020.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm (2022-2024).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính 5 năm (2021-2025).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Yên có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Phú Yên không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được. Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

46. TỈNH QUẢNG BÌNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 15	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 5	XẾP HẠNG 32
ĐIỂM XẾP HẠNG 82,83	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 43,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Quảng Bình đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Bình đạt **82,83** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **15** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 45 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Quảng Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	350	4,93
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5881	82,83
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1200	16,90
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1233	17,37

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1398	19,69
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	850	11,97
4. Tính đầy đủ	3300	46,48
5. Tính tin cậy	331	4,66
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Quảng Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 07/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai

ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn. Riêng Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2022 được công khai dưới dạng scan pdf nhưng dễ dàng chuyển đổi để tái sử dụng.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; và Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2022

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo Dự thảo dự toán

ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai có kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo phản ánh chi tiết nội dung chi của các lĩnh vực chi đầu tư (Biểu số 39/CK-NSNN). Báo cáo có cung cấp biểu 44/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được Trung Ương phân bổ.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 42%, chênh lệch giữa quyết toán và dự

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 78%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -9%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -46% (giảm 46%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao nhiều so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 25%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 23% (tăng 23%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 giảm 13%.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là -17% (giảm 17%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số giảm nhanh hơn so mức thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 17%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không công khai bất cứ tài liệu khuyến khích được công, bao gồm: Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025, Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, và có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

47. TỈNH QUẢNG NAM

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 31	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 13	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 75,42	05 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 58,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Quảng Nam đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Nam đạt **75,42** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **31** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 14 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Quảng Nam phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	350	4,93
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5355	75,42
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1199	16,89
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1032	14,54

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	375	5,28
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1299	18,30
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	50	0,70
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	425	5,99
3. Tính thuận tiện	850	11,97
4. Tính đầy đủ	2815	39,65
5. Tính tin cậy	265	3,73
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Quảng Nam, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 07/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai

ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bình Định đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực

hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 01 tài liệu công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh không giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 11 lĩnh vực theo quy định, chưa chi tiết chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao và phát thanh truyền hình. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh 17/18 các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và chi tiết theo loại thuế, thiếu thu thuế sử dụng đất nông nghiệp. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa nhưng chưa chi tiết thu từ xổ số kiến thiết. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN

phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 30%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán

chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 13%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -16% (giảm 16%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh tăng so với dự toán tổng chi thường xuyên (giảm 45%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là -21,88% (giảm 21,88%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 8,38%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là -15,15% (giảm 15,15%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (giảm 8,38%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (02/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (03/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ

email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và trong vòng 16 đến 30 ngày đã nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân. Tuy nhiên, UBND tỉnh có ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh Bình Định để kết nối thông tin với nhân dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND không công khai thư mục hỏi đáp và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh có sử dụng bản tin trên đài phát thanh để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

48. TỈNH QUẢNG NGÃI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 23	10/11 tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 6
ĐIỂM XẾP HẠNG 80,48	04 tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Quảng Ngãi đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Ngãi đạt **80,48** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **23** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Quảng Ngãi phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	600	8,45
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5714	80,48
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1250	17,61
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1015	14,30

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1249	17,59
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	325	4,58
3. Tính thuận tiện	750	10,56
4. Tính đầy đủ	3216	45,30
5. Tính tin cậy	332	4,68
6. Tính liên tục	266	3,75

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Quảng Ngãi, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh cũng có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.

- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng gồm có Dự toán 2022 đã được duyệt, Báo cáo 6 tháng, Báo cáo 9 tháng, Báo cáo cả năm 2021 và Quyết toán 2020. Còn lại được công khai dưới dạng PDF scan/file ảnh không thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- **01** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **04** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **04** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021.

- **03** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 12/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45, thiếu biểu 44) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Tuy nhiên, thuyết minh báo cáo số 224/BC-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh có nội dung “Chi bổ sung các quỹ ngoài ngân sách: 30 tỷ đồng, bao gồm Quỹ cho vay và giải quyết việc làm” nhưng không có số liệu kèm theo.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy

đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 19%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là -32%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là -7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là -18%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -1%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -44% (giảm 44%). Thay đổi này là chưa phù

hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 26%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 8%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (11%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 12%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (11%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) có được công khai trong ba năm liên tiếp.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không công khai năm 2020, chỉ công khai năm 2021, 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kế hoạch kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020 và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên

cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; có công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND nhưng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

49. TỈNH QUẢNG NINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 8	11/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 2	XẾP HẠNG 12
ĐIỂM XẾP HẠNG 85,2	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 83,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 68,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Quảng Ninh đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Ninh đạt **85,2** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **8** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 39 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Quảng Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	500	7,04
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	550	7,75
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	6049	85,20
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1300	18,31
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,01

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	350	4,93
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1333	18,77
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	12,68
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	2983	42,01
5. Tính tin cậy	366	5,15
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Quảng Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Quảng Ninh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, cả 08 tài liệu có tính điểm kịp thời đều được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 và Kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh kèm theo thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Thuyết minh Báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương; có ưu tiên chi ngân sách cho y tế nhưng

không kèm theo số liệu; có ưu tiên chi ngân sách cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội nhưng không kèm theo số liệu; không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), có kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Biểu số 33 phản ánh đầy đủ 5 mục lớn. Trong mục (A) Tổng nguồn thu Ngân sách địa phương có các mục nhỏ khác so với hướng dẫn của TT 343. Cụ thể, không có các mục sau: Thu từ quỹ dự trữ tài chính; Thu kết dư.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 48 phản ánh 16/18 các khoản thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, thiếu thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp; và tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 chỉ phản ánh 03/04 mục lớn, thiếu mục (C) Bội chi NSĐP/ Bội thu NSĐP và mục (D) Chi trả nợ gốc. Mục (A) thiếu thu từ dầu thô, thu viện trợ; Mục (B) thiếu Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, Dự phòng ngân sách. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 chỉ phản ánh 03/04 mục lớn, thiếu mục (C) Bội chi NSĐP/ Bội thu NSĐP và mục (D) Chi trả nợ gốc. Mục (A) thiếu thu từ dầu thô, thu viện trợ; Mục (B) thiếu Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, Dự phòng ngân sách. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 chỉ phản ánh 03/04 mục lớn, thiếu mục (C) Bội chi NSĐP/ Bội thu NSĐP và mục (D) Chi trả nợ gốc. Mục (A) thiếu thu từ dầu thô,

thu viện trợ; Mục (B) thiếu Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, Dự phòng ngân sách. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 chỉ phản ánh 03/04 mục lớn, thiếu mục (C) Bội chi NSĐP/ Bội thu NSĐP và mục (D) Chi trả nợ gốc. Mục (A) thiếu thu từ dầu thô, thu viện trợ; Mục (B) thiếu Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, Dự phòng ngân sách. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 62 phản ánh 04/06 mục lớn, thiếu mục (E) Tổng mức dư nợ vay cuối năm của NSĐP; Mục (D) Tổng mức vay của NSĐP và không chi tiết các mục nhỏ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 17%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 2%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -35,30% (giảm 35,30%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 20,51%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 33,30% (tăng 33,30%). Thay đổi

này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (giảm 0,01%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -1,92% (giảm 1,92%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (giảm 0,01%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 03 năm 2018, 2019, 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Kế hoạch tài chính 05 năm (2021-2025).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, Sở Tài Chính tỉnh có phản hồi trong vòng 15 ngày làm việc.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Quảng Ninh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh có sử dụng 1-2 kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

50. TỈNH QUẢNG TRỊ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 11	11/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 6
ĐIỂM XẾP HẠNG 83,99	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Quảng Trị đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Trị đạt **83,99** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **11** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 8 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Quảng Trị phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
Trụ cột sự tham gia	100	1,41
Trụ cột trách nhiệm giải trình	600	8,45
Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5963	83,99
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1032	14,54
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,42

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1415	19,93
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	50	0,70
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	850	11,97
2. Tính kịp thời	450	6,34
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	2931	41,28
5. Tính tin cậy	532	7,49
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Quảng Trị, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Quảng Trị có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 11 tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh kèm theo thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT

343. Thuyết minh Báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương; không ưu tiên chi ngân sách cho y tế; không ưu tiên chi ngân sách cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội; không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Biểu số 33 phản ánh đủ 5 mục lớn, nhưng thiếu 1 mục nhỏ Chi chuyển nguồn sang năm sau. Biểu số 39 phản ánh 11/12 mục, thiếu mục chi bảo vệ môi trường. Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, tuy nhiên mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: kèm theo thuyết minh, phản ánh 01/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343 (thiếu Biểu số 60, Biểu số 61). Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo

có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 63 phản ánh 17/18 mục, thiếu mục Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, và không chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 65 phản ánh 03/03 mục lớn, tuy nhiên, mục Chi đầu tư phát triển không phản ánh chi tiết các mục nhỏ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 18%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 6%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 2,99% (tăng 2,99%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 6,04%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 12,48% (tăng 12,48%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 11,35%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 22,99% (tăng 22,99%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (tăng 11,35%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 03 năm 2018, 2019, 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Kế hoạch tài chính 05 năm (2021-2025).
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị không có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, có công khai Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Quảng Trị có công khai báo cáo giám sát về ngân sách và Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, nhưng không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

51. TỈNH SÓC TRĂNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 54	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 50,79	05 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Sóc Trăng đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Sóc Trăng đạt **50,79** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **54** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Sóc Trăng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	3606	50,79
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	0	0,00
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	615	8,66

¹ Đã tính tổng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,01
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	350	4,93
3. Tính thuận tiện	475	6,69
4. Tính đầy đủ	1915	26,97
5. Tính tin cậy	100	1,41
6. Tính liên tục	166	2,34

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Sóc Trăng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục có nội dung cập nhật, có được phân chia theo tài liệu hoặc theo năm, tuy nhiên phân chia chưa khoa học.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 04/07 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021. 02/07 tài liệu được công khai ở dạng pdf dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng file word/excel, gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt. 01/07 tài liệu được công khai bằng định dạng pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021.

- Tỉnh chỉ công khai tài liệu kỳ họp HĐND gần nhất.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- Trên website của HĐND tỉnh không thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND, chỉ có thư mục tài liệu kỳ họp HĐND gần nhất.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 06 tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 01 tài liệu được công khai quá chậm là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 (công khai ngày 15/01/2022).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 10/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu số 52, 57, 58. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 16/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa, thiếu thu thuế sử dụng đất nông nghiệp và thu từ quỹ đất công ích.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu

số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, thu phí, lệ phí và thu từ xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 55,99%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 16,06%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối

ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 31,12%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 73,40%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 20,62%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 88,25% (tăng 88,25%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (tăng 17,29%).

- Do tài liệu dự toán năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không được công khai nên không có dữ liệu để tính toán và so sánh mức thay đổi của dự toán tổng chi thường xuyên, chi thường xuyên cho y tế và dân số và chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022) không được công khai cả 3 năm.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) được công khai 2 năm, năm 2020 và 2022.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (05/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới tài khoản Zalo chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách quyết toán ngân sách năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

52. TỈNH SƠN LA

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH SƠN LA NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 44	07/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 59
ĐIỂM XẾP HẠNG 67,08	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 12,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Sơn La đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Sơn La đạt **67,08** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **44** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 20 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Sơn La phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	100	1,41
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4763	67,08
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	782	11,01
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1065	15,00

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	300	4,23
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	375	5,28
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1566	22,06
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,75
2. Tính kịp thời	450	6,34
3. Tính thuận tiện	650	9,15
4. Tính đầy đủ	2147	30,24
5. Tính tin cậy	666	9,38
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Sơn La, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Sơn La có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

- 06 tài liệu được công khai ở định dạng word hoặc excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

- 01 tài liệu được định dạng ảnh PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel), bao gồm: Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Sơn La đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- 04 loại tài liệu ngân sách không được công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 6 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh,

Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

Tính đầy đủ của các tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh 09/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45, thiếu biểu 41, 43, 44 và 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN không phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư theo quy định của Thông tư 343, chỉ phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 9 đến 11 lĩnh vực chi đầu tư (thiếu chi cho lĩnh vực giao thông và chi cho lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản). Biểu số 35/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế (trong mục Thuế bảo vệ môi trường và Thu phí, lệ phí không ghi rõ theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 44/VK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có phản ánh đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN không phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư theo quy định của Thông tư 343, chỉ phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 9 đến 11 lĩnh vực chi đầu tư (thiếu chi cho lĩnh vực giao thông và chi cho lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản). Biểu số 48/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo

loại thuế (trong mục Thuế bảo vệ môi trường và Thu phí, lệ phí không ghi rõ theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các quỹ TCNN ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn theo quy định của Thông tư 343 (thiếu mục Chi trả nợ gốc).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ các mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343 (thiếu mục Thu từ dầu thô).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ các mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343 (thiếu mục Thu từ dầu thô).

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (trong mục Tổng mức vay của NSDP không ghi chi tiết các mục Vay để bù đắp bội chi và Vay để trả nợ gốc theo quy định của Thông tư 343). Biểu số 63/

CK-NSNN có phản ánh các nguồn thu nội địa cụ thể song ít hơn 18 mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343 (thiếu mục Thuế sử dụng đất nông nghiệp, trong mục Thuế bảo vệ môi trường và Thu phí, lệ phí không ghi chi tiết theo quy định). Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ cả 3 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục B.I.1 chỉ có Giáo dục – đào tạo, Khoa học công nghệ, Y tế dân số, Hoạt động kinh tế. Mục B.II.1 gộp Chi văn hoá thông tin, Chi phát thanh truyền hình thông tấn, Chi thể thao vào làm một mục và gộp Chi bảo vệ môi trường, Chi các hoạt động kinh tế vào làm một mục không ghi rõ theo quy định). Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là -10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là -5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là -11%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 1%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 2,9% (tăng 2,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 9,3%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2022 được HĐND quyết định so với năm 2021 là 13,5% (tăng 13,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 7,4%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 là 3,9% (tăng 3,9%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp

hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 7,4%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019, 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 – 2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022 – 2024.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email có thể sử dụng được.

- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính của tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính của tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách năm 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

53. TỈNH TÂY NINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TÂY NINH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 45	09/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 65,46	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Tây Ninh đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tây Ninh đạt **65,46** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **45** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 35 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Tây Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4648	65,46
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1266	17,83
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,01

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	66	0,93
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	9,86
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	650	9,15
4. Tính đầy đủ	2432	34,25
5. Tính tin cậy	100	1,41
6. Tính liên tục	255	3,75

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND tỉnh Tây Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- **Thư mục công khai ngân sách:** Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- **Định dạng của tài liệu:** Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 07/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo

dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt). 01/08 tài liệu được công khai ở bằng định dạng pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021.

- Trên website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND, chỉ có thư mục chứa tài liệu kỳ họp quốc hội.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt đã được công khai trên website của Sở tài chính tỉnh, tuy nhiên lỗi link không thể truy cập.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 07 tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể, có ưu tiên chi ngân sách cho y tế nhưng không được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng thu từ xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Các loại tài liệu về chênh lệch, thay đổi giữa dự toán và quyết toán ngân sách năm 2020 đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 12,34% (tăng 12,34%). Thay đổi này là phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số tăng so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh giảm so với dự toán tổng chi thường xuyên (giảm 6,27%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) chỉ được công khai trong 2 năm liên tiếp 2018 và 2019. Báo cáo năm 2020 bị lỗi link không thể truy cập.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (01/05 tài liệu): Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (04/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh (lỗi link); Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh, không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

54. TỈNH THÁI BÌNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 41	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 59
ĐIỂM XẾP HẠNG 67,7	05 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 12,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Thái Bình đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thái Bình đạt **67,7** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **41** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Thái Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	100	1,41
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	4807	67,70
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	866	12,20
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	916	12,90

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	325	4,58
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1200	16,90
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	50	0,70
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,75
2. Tính kịp thời	425	5,99
3. Tính thuận tiện	600	8,45
4. Tính đầy đủ	2632	37,07
5. Tính tin cậy	300	4,23
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Thái Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 04/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai

ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 03 tài liệu định dạng scan ảnh khó sử dụng là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

- Trên website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bình Định đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Danh mục dự án Đầu tư công 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân

sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 02 tài liệu công khai chậm là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể nhưng không được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có ưu tiên cho chi y tế và kèm theo số liệu chứng minh. Báo cáo phản ánh 09 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 39,41,45. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh 03 mục lớn, thiếu mục chi trả nợ gốc của NSDP và tổng mức vay của NSDP. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 09 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 52, 54, 58. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh 03 mục lớn, thiếu mục chi trả nợ gốc của NSDP và tổng mức vay của NSDP. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao

gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ.

Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 93,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 21,5%.

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh, giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020, giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 không có số liệu để so sánh.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -1,8% (giảm 1,8%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh so với dự toán tổng chi thường xuyên (giảm 15%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 52,9% (tăng 52,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 10,6%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 13,86% (tăng 13,86%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 10,6%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân. Tuy nhiên, UBND tỉnh có ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh Bình Định để kết nối thông tin với nhân dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

55. TỈNH THÁI NGUYÊN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 20	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 52
ĐIỂM XẾP HẠNG 81,99	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Thái Nguyên đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thái Nguyên đạt **81,99** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **20** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 26 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Thái Nguyên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	200	2,82
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5821	81,99
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1266	17,83
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,47

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1431	20,15
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	450	6,34
3. Tính thuận tiện	900	12,67
4. Tính đầy đủ	3173	44,69
5. Tính tin cậy	398	5,61
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Thái Nguyên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Thái Nguyên có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2022.

- 03/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 được công khai chậm sau 30 ngày hoặc không rõ ngày công khai.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh kèm theo thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của

TT 343. Thuyết minh Báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương; có ưu tiên chi ngân sách cho y tế; không ưu tiên chi ngân sách cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội; không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: kèm theo thuyết minh, phản ánh 01/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343 (thiếu Biểu số 60, Biểu số 61). Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021 kèm theo thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 63 phản ánh đủ 18/18 nguồn thu nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 56%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 6,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 13,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 46,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 5,5%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 8,01% (tăng 8,01%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 7,83%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 0,08% (tăng 0,08%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (giảm 0,01%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -6,69% (giảm 6,69%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (giảm 0,01%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2018, 2019, 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024), Kế hoạch tài chính 05 năm (2021-2025).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Thái Nguyên không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

56. TỈNH THANH HÓA

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THANH HOÁ NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 60	05/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 35,9	02 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Thanh Hoá đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thanh Hoá đạt **35,9** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **60** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Thanh Hoá phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu¹

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	2549	35,90
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	100	1,41
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	100	1,41

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1049	14,77
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	400	5,63
2. Tính kịp thời	100	1,41
3. Tính thuận tiện	500	7,04
4. Tính đầy đủ	1016	14,31
5. Tính tin cậy	233	3,28
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Thanh Hoá, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Cao Bằng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

- 03 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh

Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

- 01 tài liệu được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel), không thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá đã công khai 05/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- 06 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 02 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 02 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021.

- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ cả 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ cả 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) không phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn theo quy định của Thông tư 343 (thiếu các mục Bội chi NSDP/Bội thu NSDP, Chi trả nợ gốc của NSDP, Tổng mức vay của NSDP, Tổng mức dư nợ vay cuối năm của NSDP và trong mục Tổng chi NSDP thiếu mục Chi nguồn, điều chỉnh tiền lương). Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế (trong mục Thu phí, lệ phí và Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không ghi rõ theo quy định của Thông tư 343). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ cả 3 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (thiếu mục Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật trong mục Chi đầu tư phát triển của mục Chi ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực và

thiếu mục Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương của mục Chi ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực). Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 29%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 12%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 59%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là - 4%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -10,1% (giảm 10,1%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 28,8%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019, 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 – 2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019 2020 hoặc 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022 – 2024.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email có thể sử dụng được.

- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở là sau 30 ngày hoặc không trả lời.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

57. TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 57	07/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 43,28	01 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ	03 tài liệu công bố chậm, 02 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Thừa Thiên - Huế đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thừa Thiên - Huế đạt **43,28** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **57** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Thừa Thiên - Huế phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	3073	43,28
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	866	12,20
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	599	8,44

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	275	3,87
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	325	4,58
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	325	4,58
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	250	3,52
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	33	0,46
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	500	7,04
2. Tính kịp thời	175	2,46
3. Tính thuận tiện	500	7,04
4. Tính đầy đủ	1532	21,58
5. Tính tin cậy	133	1,87
6. Tính liên tục	233	3,28

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Thừa Thiên - Huế, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 03/07 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021.

- 04/07 loại tài liệu được công khai dưới dạng scan pdf khó chuyển đổi để tái sử dụng bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên - Huế đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 03 loại tài liệu không được Sở Tài chính công khai gồm: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, chỉ có 01 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **01** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh 10 biểu. Các biểu này không theo hướng dẫn của thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN không được công khai. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 10 biểu. Các biểu này không theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 nhưng công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 nhưng công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 nhưng công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 nhưng công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 2,7% (tăng 2,7%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 12,7%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 21,8%% (tăng 21,8%). Thay đổi này là phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số tăng nhanh hơn so tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 tăng so với 2021 (tăng 12,7%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) được công khai trong ba năm liên tiếp. Riêng Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh chỉ được công khai duy nhất một kỳ (năm 2019).

Công khai các tài liệu được khuyến khích

• Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài Chính không công khai bất kỳ tài liệu nào trong số 05 loại tài liệu được khuyến khích, bao gồm : Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

• Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

• UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

• Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân. Tuy nhiên, UBND tỉnh có ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh Thừa Thiên - Huế để kết nối thông tin với nhân dân.

• Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

• HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

• Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh có sử dụng 3 kênh truyền thông để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

58. TỈNH TIỀN GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TIỀN GIANG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 58	04/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 59
ĐIỂM XẾP HẠNG 38,45	01 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 12,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Tiền Giang đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tiền Giang đạt **38,45** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **58** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 5 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Tiền Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	100	1,41
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	2730	38,45
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	566	7,97
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	782	11,01

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1116	15,72
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	400	5,63
2. Tính kịp thời	150	2,11
3. Tính thuận tiện	266	3,75
4. Tính đầy đủ	1148	16,17
5. Tính tin cậy	466	6,56
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Tiền Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Thư mục này được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm nhưng không được cập nhật nội dung.

- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Tiền Giang có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND. Tuy nhiên, trong thư mục này chỉ có tin bài sự kiện, không có tài liệu kỳ họp chính thức.

- Trong số các tài liệu được công khai, chỉ có Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2022 được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh, khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel).

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang đã công khai 04/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2022.

- 07 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo ngân sách công dân năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 03 tài liệu ngân sách được công khai, có 01 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 01 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh không kèm theo thuyết minh, phản ánh 07/13 biểu theo hướng dẫn của TT34 (thiếu Biểu số 41, 44 và 45; Biểu số 38 và 41 là của năm 2021; Biểu số 39 là của năm 2020). Thuyết minh Báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương; không ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội; không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm (2022-2024). Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh 10/13 biểu theo hướng dẫn của TT 343 (thiếu Biểu số 52, 54 và 57). Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07/07 biểu theo hướng dẫn của TT 343. Tuy nhiên, Biểu số 65 phản ánh đầy đủ 03 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 60,87%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 0,72%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 37,59%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 177,59%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 5,82%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 61,52% (tăng 61,52%). Thay đổi này là phù

hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 giảm 9,47%.

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 2,06% (tăng 2,06%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 giảm 10,91%.

- Thay đổi giữa dự toán năm 2021 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -4,59% (giảm 4,59%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (giảm 10,91%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công khai liên tục trong 03 năm 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm (2021-2025).

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm (2022-2024).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên sau 30 ngày nhóm nghiên cứu vẫn chưa nhận được phản hồi từ Sở.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh Tiền Giang không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021) và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp, có thể sử dụng được. Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

59. TỈNH TRÀ VINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TRÀ VINH NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 29	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 77,2	05 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	02 tài liệu công bố chậm, 01 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Trà Vinh đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Trà Vinh đạt **77,2** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **29** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 9 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Trà Vinh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5481	77,20
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	966	13,61
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,48

¹ Đã tính trọng số

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	300	4,23
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	300	4,23
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	325	4,58
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	325	4,58
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1466	20,65
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	2682	37,77
5. Tính tin cậy	399	5,62
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Trà Vinh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- Trên website của Sở Tài chính tỉnh công khai **07** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận

tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020. Có **01** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022, Danh mục đầu tư công năm 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2020.

- **01** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **05** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND tỉnh và HĐND tỉnh; **03** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **05** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2022.

- **03** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021 và Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh đủ 13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ), nhưng không chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo phản ánh chi tiết nội dung chi của các 12 lĩnh vực chi đầu tư (Biểu số 39/CK-NSNN). Báo cáo có cung cấp biểu 44/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được Trung Ương phân bổ.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ), nhưng không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có cung cấp biểu 57/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia, mặc dù ngân sách chưa được phân bổ bởi Trung Ương. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 22,24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là -0,34%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là -20,79%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là -30,76%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -7,19%.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là -8,19%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (-1,95%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là -1,67%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (-1,95%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đều được công khai liên tục trong ba năm liên tiếp 2020, 2021 và 2022.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách 2022, Kết quả kiểm toán ngân

sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND. Tuy nhiên, HĐND không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Trên cổng TTĐT của HĐND và của Sở Tài chính tỉnh không có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2020.

60. TỈNH TUYÊN QUANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 30	08/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 76,96	06 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Tuyên Quang đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tuyên Quang đạt **76,96** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **30** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 18 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Tuyên Quang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5464	76,96
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	882	12,42
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	15,96

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1499	21,11
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	450	6,34
3. Tính thuận tiện	750	10,56
4. Tính đầy đủ	2932	41,30
5. Tính tin cậy	466	6,56
6. Tính liên tục	266	3,75

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Tuyên Quang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 07/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự

thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Danh mục dự án Đầu tư công 2022 định dạng là PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi.
- Trên website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang đã công khai 7/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- 4/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh

9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 03 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo sắc thuế các khoản thu từ khu vực doanh nghiệp, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN), mặc dù biểu không có số liệu.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh 18/18 mục thu theo quy định cấu thành các nguồn thu trong thu nội địa. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh các khoản dự toán cho các quỹ ngoài ngân sách.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có

phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng không chi tiết theo sắc thuế các khoản thu từ khu vực doanh nghiệp, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 24,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 3,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 141,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 11,8%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -10,6% (giảm 10,6%). Thay đổi này là phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số giảm so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh cũng giảm so với dự toán tổng chi thường xuyên (giảm 17,5%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 57,1% (tăng 57,1%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhanh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 19,12%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 8,2% (tăng 8,2%). Thay đổi này là chưa phù hợp trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 tăng 19,12% so với 2021.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo Dự toán đã được phê duyệt (các năm

2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (05/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

61. TỈNH VĨNH LONG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH VĨNH LONG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 4	11/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 2	XẾP HẠNG 2
ĐIỂM XẾP HẠNG 91,76	08 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 83,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 87,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Vĩnh Long đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Vĩnh Long đạt **91,76** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **4** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Vĩnh Long phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	500	7,04
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	700	9,86
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	6515	91,76
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1200	16,90
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1149	16,18

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1666	23,46
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	12,68
2. Tính kịp thời	600	8,45
3. Tính thuận tiện	900	12,68
4. Tính đầy đủ	3216	45,30
5. Tính tin cậy	599	8,44
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Vĩnh Long, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.

- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 09/09 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng

word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt) và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.

- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt); Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực

hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu số 51. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 113,13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 5,39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 0,28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 0,19%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 3,46%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -2,6% (giảm 2,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 7,76%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2022 so với 2021 là 11,3% (tăng 11,3%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 4,36%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2022 so với 2021 là 1,76% (tăng 1,76%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với 2021 (tăng 4,36%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2020, 2021 và 2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2020, 2021 và 2022) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) đều được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Báo cáo tài

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 20/01/2022 và nhận được phản hồi trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ, có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và có công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh có sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.

62. TỈNH VĨNH PHÚC

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH VĨNH PHÚC NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 12	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 34	XẾP HẠNG 36
ĐIỂM XẾP HẠNG 83,76	07 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 33,33	ĐIỂM XẾP HẠNG 37,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	01 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Vĩnh Phúc đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Vĩnh Phúc đạt **83,76** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **12** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Vĩnh Phúc phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	200	2,82
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	300	4,23
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5947	83,76
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1266	17,83
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,48

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	400	5,63
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1382	19,46
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	550	7,75
3. Tính thuận tiện	650	9,15
4. Tính đầy đủ	3182	44,82
5. Tính tin cậy	465	6,55
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và HĐND tỉnh Vĩnh Phúc, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Cao Bằng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

Phần 3: Kết quả chỉ số công khai ngân sách của 63 tỉnh...

- 06 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021.

- 01 tài liệu được công khai ở định dạng PDF nhưng dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

- 01 tài liệu được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel), không thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2022 của tỉnh.

- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho tất cả các lĩnh vực theo quy định của Thông tư 343 (12 lĩnh vực chi đầu tư). Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế (khoản Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế). Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 52/

CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho tất cả các lĩnh vực theo quy định của Thông tư 343 (12 lĩnh vực chi đầu tư). Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo loại thuế (trong mục Thu phí, lệ phí không ghi rõ theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo

cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68/CK-NSNN) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ cả 3 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 121%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 60%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là -8%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 42,7% (tăng 42,7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 29,8%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2022 được HĐND quyết định so với năm 2021 là 26,9% (tăng 26,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 (tăng 12%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định là 5,7% (tăng 5,7%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2021 (tăng 12%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019, 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022 – 2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 – 2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email có thể sử dụng được.

- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở là sau 30 ngày hoặc không trả lời.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.

- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

63. TỈNH YÊN BÁI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH YÊN BÁI NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 26	10/11 tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 47	XẾP HẠNG 26
ĐIỂM XẾP HẠNG 78,37	07 tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 50
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Yên Bái đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Yên Bái đạt **78,37** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **26** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **không thay đổi hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Yên Bái phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi ¹	Điểm POBI 2021 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	400	5,63
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	5564	78,37
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	966	13,61
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,42

¹ Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	350	4,93
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	350	4,93
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	350	4,93
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	350	4,93
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1432	20,17
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	200	2,82
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	800	11,27
4. Tính đầy đủ	2598	36,59
5. Tính tin cậy	566	7,97
6. Tính liên tục	300	4,23

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Yên Bái, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- **Thư mục công khai ngân sách:** Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.

- **Định dạng của tài liệu:** Các tài liệu đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

- **01** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2022.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số **10** tài liệu ngân sách được công khai, có **10** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020, Danh mục đầu tư công năm 2022, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản

ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của

Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2021: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN), tuy nhiên không chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 31%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của tỉnh là 23%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 0%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 17% (tăng 17%). Thay đổi này là phù hợp.

Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2020 (giảm 15%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 41%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (8%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là -11%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 so với năm 2021 (8%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) có được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, Kế hoạch kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2018, 2019 hoặc 2020, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2022-2024 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên

cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2021).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.

- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc năm 2020.

Phần 4
PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: KHUNG PHÁP LÝ VỀ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2015

Khung pháp lý cao nhất cho việc công khai thông tin NSNN là Luật NSNN năm 2015. Khoản 1, Điều 15, Luật NSNN 2015, quy định chi tiết các thông tin phải được công khai, nội dung, hình thức và thời điểm công khai các thông tin. Các tài liệu bắt buộc phải công bố công khai theo Luật NSNN 2015 bao gồm: (i) Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; (ii) Dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; (iii) Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; (iv) Quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn. Việc công khai được thực hiện theo quy định sau đây:

Thứ nhất, về nội dung công khai bao gồm: (i) Số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân, (ii) Dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, (iii) Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước; (iv) kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia. Khoản 3, Điều 15 cũng nêu rõ nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Thứ hai, về hình thức công khai, việc công khai ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ ba, về thời điểm công khai: Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải được công khai chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.

II. THÔNG TƯ 343/2016/TT-BTC HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG KHAI NSNN

Việc công khai ngân sách tỉnh (ngân sách địa phương) và ngân sách cấp tỉnh được quy định tại các điều từ Điều 7 đến Điều 10 của Thông tư 343/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện công khai NSNN. Bao gồm các thông tin về nội dung công khai, trách nhiệm công khai, hình thức công khai và thời điểm công khai đối với từng loại tài liệu ngân sách. Việc công khai được thực hiện theo các quy định sau đây: Thứ nhất, về nội dung công khai bao gồm: (i) Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình HĐND cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh (các biểu từ 33 đến biểu 45), (ii) Công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được HĐND quyết định (các biểu từ 46 đến biểu 58), (iii) Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh (06 tháng, năm) đã được báo cáo UBND cấp tỉnh (các biểu từ 59 đến biểu 61), (iv) Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn (các biểu từ 62 đến biểu 68).

Thứ hai, về trách nhiệm công khai, UBND cấp tỉnh thực hiện công khai hoặc Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung quy định. Đối với số liệu dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh và số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê

chuẩn, UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định công bố công khai ngân sách và các biểu mẫu theo quy định của Thông tư 343 (mẫu số 02/ QĐ-CKNS).

Thứ ba, về hình thức công khai: Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức như: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; trong đó có hình thức bắt buộc là công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

Thứ tư, về thời điểm công khai: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp tỉnh gửi đại biểu HĐND cấp tỉnh. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh quyết định, quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh hằng năm được công khai khi UBND cấp tỉnh trình HĐND dân cấp tỉnh.

III. CÁC QUY ĐỊNH CÔNG KHAI KHÁC

Bên cạnh việc tuân thủ theo Luật NSNN năm 2015 thì các tài liệu ngân sách còn phải công khai theo một số các quy định của các luật khác như Luật Đầu tư công 2014, Luật Kiểm toán nhà nước 2015.

Điều 14 Luật Đầu tư công năm 2014 quy định về việc công khai minh bạch trong đầu tư công nêu rõ việc bắt buộc phải công bố công khai 10 loại tài liệu, trong đó các tài liệu có liên quan đến khoản mục ngân sách nhà nước như tài liệu về Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư; Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm theo từng nguồn vốn, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công bố trí cho từng dự án.

Điều 50 và điều 51 Luật Kiểm toán nhà nước 2015 quy định rõ việc công khai các tài liệu về Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm và báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Theo đó, các tài liệu sau khi phát hành phải được công bố công khai, trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổng Kiểm toán Nhà nước tổ chức công khai báo cáo kiểm toán theo một trong các hình thức như họp báo, công bố trên công báo và phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của Kiểm toán nhà nước và niêm yết tại trụ sở của đơn vị được kiểm toán.

Các tài liệu bắt buộc công bố công khai theo Luật Đầu tư công 2014, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015 được xếp vào nhóm các tài liệu khuyến khích các địa phương công khai, không đưa vào nhóm các tài liệu tính điểm POBI 2021.

PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT POBI 2021

POBI 2021 thực hiện khảo sát với 16 loại tài liệu ngân sách, trong đó có 11 tài liệu khảo sát để tính điểm POBI 2021 và 5 tài liệu khuyến khích công khai. Trong số 11 tài liệu khảo sát để tính điểm POBI 2021 có 7 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 và 4 tài liệu ngân sách cần phải công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế.

Mức độ công khai, minh bạch ngân sách (tính là chỉ số công khai ngân sách POBI 2021) được xây dựng thông qua 6 tiêu chí là tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ, tin cậy và tính liên tục của các loại tài liệu ngân sách. Nội dung cụ thể của từng tiêu chí như sau:

Tính sẵn có: Tính sẵn có của các tài liệu ngân sách được xác định dựa trên việc công khai 10 tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và/hoặc trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, HĐND tỉnh, Sở KH&ĐT tỉnh và MTTQ tỉnh.

Tính kịp thời (thời điểm công khai): Tính kịp thời được xác định thông qua ngày công khai hoặc ngày đăng các tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và/hoặc Sở Tài chính tỉnh.

Tính thuận tiện: Tính thuận tiện được xác định dựa trên định dạng tài liệu ngân sách được công khai trên cổng thông tin điện tử. Tài liệu công khai được coi là thuận tiện khi cho phép người sử dụng/người đọc có thể dễ dàng tái sử dụng các thông tin cho công việc của họ.

Tính đầy đủ: Tính đầy đủ được xác định dựa trên việc công bố đầy đủ số lượng các bảng biểu và nội dung của một số bảng biểu theo quy định tại Thông tư 343 đối với từng loại tài liệu ngân sách.

Tính tin cậy: Khảo sát đánh giá khả năng dự báo chính xác của dự toán ngân sách năm 2019 so với thực tế (quyết toán ngân sách năm 2019) theo phương pháp phân tích ngân sách gọi tắt là PEFA thường được các tổ chức quốc tế và các nước đang áp dụng.

Tính liên tục: Tính liên tục, thường xuyên trong việc công bố các tài liệu ngân sách được xác định dựa trên việc công khai đầy đủ các loại tài liệu Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự thảo dự toán đã được HĐND phê duyệt, và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trong ba năm gần nhất.

Tổng số câu hỏi khảo sát POBI 2021 có tính điểm bao gồm 101 câu hỏi. Số điểm tối đa cho mỗi câu hỏi là 100 điểm. Xếp hạng POBI 2021 về kết quả công khai minh bạch ngân sách của địa phương được thực hiện theo thang điểm với 4 mức. Mức A: Từ 75 – 100 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai ĐẦY ĐỦ. Mức B: Từ 50 – dưới 75 điểm quy đổi), được hiểu là mức độ công khai TƯƠNG ĐỐI. Mức C: Từ 25 – dưới 50 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ. Mức D: Từ 0 – dưới 25 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai ÍT.

Trọng số khi tính điểm POBI 2021

Theo chu trình ngân sách, Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý 1, 6 tháng, Quý 3 và cả năm 2021 chỉ được coi là loại tài liệu ngân sách. Vì vậy, để đảm bảo công bằng khi tính điểm, số điểm của các câu hỏi POBI 2021 cho Báo cáo 4 loại tài liệu này sẽ được tính bằng 50% tổng số điểm của từng câu hỏi.

Quy trình khảo sát POBI 2021

Khảo sát POBI 2021 đã được thực hiện qua 3 vòng khảo sát như sau:

Vòng thứ nhất: Nhóm các đánh giá viên làm việc theo nhóm 2 người, tiến hành khảo sát độc lập POBI cho từng tỉnh, đưa ra các minh chứng. Sau đó, kết quả khảo sát vòng 1 được các đánh giá viên thực hiện so sánh, đối chiếu, kiểm tra lại kết quả. Kết quả khảo sát cuối cùng được thống nhất giữa hai đánh giá viên và được gửi tới cho nghiên cứu viên cao cấp.

Vòng thứ hai: Nhóm nghiên cứu viên cao cấp sẽ thực hiện kiểm tra, thẩm định lại kết quả khảo sát POBI vòng thứ nhất do các đánh giá viên thực hiện. Nếu có các sai khác giữa kết quả thẩm định của nghiên cứu viên cao cấp và kết quả khảo sát của các đánh giá viên thì kết quả chấm POBI sẽ được nhóm nghiên cứu kiểm tra, đối chiếu lại một lần nữa.

Vòng thứ ba: Kết quả khảo sát POBI sau khi được nghiên cứu viên cao cấp thẩm định và đồng ý sẽ được gửi cho các tỉnh để tham vấn và xác nhận lại. Kết quả khảo sát POBI cuối cùng là sự tổng hợp của ba vòng khảo sát trên.

